ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 165 /2025/QĐ-UBND	*Đồng Tháp, ngày 31 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 111/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định định mức kinh tế - kỹ thuật khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ về khuyến nông.

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật làm căn cứ xác định giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên; làm căn cứ để xây dựng, phê duyệt chương trình, kế hoạch, mô hình, dự án trong hoạt động

khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật khuyến nông

Định mức kinh tế - kỹ thuật khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, gồm:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật thông tin, tuyên truyền hoạt động khuyến nông quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo, tập huấn khuyến nông quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật mô hình/dự án khuyến nông quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.

2. Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định định mức kinh tế - kỹ thuật khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tiền Giang hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản mới.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KT VB và QLXLVPHC- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- UBMTTQVN Tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các phường, xã;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Trung tâm Tin học- Công báo;
- Lưu: VT, P.KT(N.T.Bình).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Diệu

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục I

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN KHUYẾN NÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Năm 2025

MỤC LỤC

I. Định mức KTKT clip tin khuyến nông ngắn.....4

II. Định mức KTKT Phóng sự khuyến nông (5 phút).....6

III. Định mức KTKT Phóng sự khuyến nông (10 phút) 8

IV. Định mức KTKT Phóng sự khuyến nông (15 phút) 10

V. Định mức KTKT xuất bản ấn phẩm khuyến nông.....13

VI. Định mức KTKT Tổ chức diễn đàn khuyến nông, tọa đàm khuyến nông (quy mô: 30-50 đại biểu) 15

VII. Định mức ktkt tổ chức diễn đàn khuyến nông, tọa đàm khuyến nông (quy mô 100-150 đại biểu).....19

VIII. Định mức KTKT Tổ chức hội thảo, hội nghị khuyến nông, hội thảo đầu bờ, hội nghị tổng kết (quy mô 30-50 đại biểu) 24

IX. Định mức KTKT Tổ chức hội thảo, hội nghị khuyến nông, hội thảo đầu bờ, hội nghị tổng kết (quy mô 100-150 đại biểu).....29

DANH MỤC ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN KHUYẾN NÔNG

Mã Dịch vụ	Tên Dịch vụ, sản phẩm
TTTT-01	Định mức KTKT clip tin khuyến nông ngắn
TTTT-02	Định mức KTKT phóng sự khuyến nông (5 phút)
TTTT-03	Định mức KTKT phóng sự khuyến nông (10 phút)
TTTT-04	Định mức KTKT phóng sự khuyến nông (15 phút)
TTTT-05	Định mức KTKT xuất bản khuyến nông
TTTT-06	Định mức KTKT tổ chức diễn đàn khuyến nông, tọa đàm khuyến nông (quy mô: 30-50 đại biểu)
TTTT-07	Định mức KTKT tổ chức diễn đàn khuyến nông, tọa đàm khuyến nông (quy mô: 100-150 đại biểu)
TTTT-08	Định mức KTKT tổ chức hội thảo, hội nghị khuyến nông, hội thảo đầu bờ, hội nghị tổng kết (quy mô: 30-50 đại biểu).
TTTT-09	Định mức KTKT tổ chức hội thảo, hội nghị khuyến nông, hội thảo đầu bờ, hội nghị tổng kết (quy mô: 100-150 đại biểu).

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Nội dung	Ký hiệu viết tắt
1	KINH TẾ - KỸ THUẬT	KTKT
2	Dịch vụ công	DVC
3	Lao động trực tiếp	LĐTT
4	Lao động gián tiếp	LĐGT

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN KHUYẾN NÔNG

I. ĐỊNH MỨC KTKT CLIP TIN KHUYẾN NÔNG NGẮN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Clip tin khuyến nông ngắn**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **TTTT-01**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian thực hiện: 19,5 ngày

5. Thời lượng thực hiện: 05 phút/clip

6. Nội dung thực hiện: bản tin chuyển tải các tin tức, sự kiện, vấn đề nông nghiệp và khuyến nông... đăng tải trên website Sở Nông nghiệp và Môi trường Đồng Tháp. Chương trình sản xuất mới, không có thời lượng tư liệu khai thác lại.

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
	Định mức lao động	**19,5**	
A	**Định mức LĐTT** *(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)*	**14,5**	
1	Xây dựng, thẩm định kế hoạch, dự toán - Trình độ: Đại học trở lên	3	
2	Viết kịch bản - Trình độ: Đại học trở lên	3	
3	Biên tập - Trình độ: Đại học trở lên	1,5	
4	Xây dựng kế hoạch sản xuất chi tiết - Trình độ: Đại học trở lên	5	
5	Chuyên gia phỏng vấn hiện trường - Trình độ: Đại học trở lên	2	
B	**Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**5**	**= 1/3 x LĐTT**

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
1	Bộ phận quản lý *(Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách)* - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	= 20% định mức LĐGT
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	= 40% định mức LĐGT
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ *(lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư)* - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn chất lượng
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	40	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	40	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Văn phòng phẩm (mực in, giấy, bút…)	Bộ	Theo thực tế	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn chất lượng
1	Thực hiện ghi/dựng hình	Clip	01	Áp dụng theo cơ chế giá thị trường của Báo và phát thanh, truyền hình đồng tháp Đồng Tháp và theo Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh Tiền Giang.

2	Phương tiện đi lại (thuê xe)	Chuyến	Theo thực tế	Thực hiện theo giá thị trường (01 chuyến gồm đi và về)

II. ĐỊNH MỨC KTKT PHÓNG SỰ KHUYẾN NÔNG (5 PHÚT)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Phóng sự khuyến nông (5 phút)**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **TTTT-02**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian thực hiện: 19,5 ngày

5. Thời lượng thực hiện: 05 phút/phóng sự

6. Nội dung thực hiện: video clip chuyển tải nội dung thông tin, thông điệp, phân tích, đánh giá và định hướng dư luận xã hội về những sự kiện, sự việc và vấn đề đang được xã hội quan tâm trong lĩnh vực khuyến nông. Đăng tải trên phương tiện truyền thông đại chúng, website Sở Nông nghiệp và Môi trường Đồng Tháp hoặc website của đơn vị. Chương trình sản xuất mới, không có thời lượng tư liệu khai thác lại.

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
	Định mức lao động	**19,5**	
A	**Định mức LĐTT** (*Định mức công của LĐTT có chuyên môn*)	**14,5**	
1	Xây dựng, thẩm định kế hoạch, dự toán - Trình độ: Đại học trở lên	3	
2	Viết kịch bản - Trình độ: Đại học trở lên	3	
3	Biên tập - Trình độ: Đại học trở lên	1,5	
4	Xây dựng kế hoạch sản xuất chi tiết - Trình độ: Đại học trở lên	5	

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
5	Chuyên gia phỏng vấn hiện trường - Trình độ: Đại học trở lên	2	
B	**Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**5**	**= 1/3 x LĐTT**
1	Bộ phận quản lý *(Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách)* - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	= 20% định mức LĐGT
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành *(lãnh đạo phòng, trại)* - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	= 40% định mức LĐGT
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ *(lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư)* - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn chất lượng
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	40	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	40	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Văn phòng phẩm (mực in, giấy, bút…)	Bộ	Theo thực tế	Loại thông dụng trên thị trường	Thực hiện theo giá thị trường

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn chất lượng
1	Thực hiện ghi/dựng	Clip	01	Áp dụng theo cơ chế giá thị trường

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn chất lượng
	hình			của Báo và phát thanh, truyền hình đồng tháp Đồng Tháp và theo Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh Tiền Giang.
2	Phương tiện đi lại (thuê xe) phục vụ đi lại, đưa đón ban tổ chức, chuyên gia, khách mời quan trọng	Chuyến	Theo thực tế	Thực hiện theo giá thị trường (01 chuyến gồm đi và về)

III. ĐỊNH MỨC KTKT PHÓNG SỰ KHUYẾN NÔNG (10 PHÚT)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Phóng sự khuyến nông (10 phút)**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **TTTT-03**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian thực hiện: 36 ngày

5. Thời lượng phóng sự: 10 phút/phóng sự

6. Nội dung thực hiện: video clip chuyển tải nội dung thông tin, thông điệp, phân tích, đánh giá và định hướng dư luận xã hội về những sự kiện, sự việc và vấn đề đang được xã hội quan tâm trong lĩnh vực khuyến nông. Đăng tải trên phương tiện truyền thông đại chúng, website Sở Nông nghiệp và Môi trường Đồng Tháp hoặc website của đơn vị. Chương trình sản xuất mới, không có thời lượng tư liệu khai thác lại.

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
	Định mức lao động	**36**	
A	**Định mức LĐTT** (*Định mức công của LĐTT có chuyên môn*)	**27**	

1	Xây dựng, thẩm định kế hoạch, dự toán - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	5	
2	Khảo sát tiền trạm - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	
3	Viết kịch bản - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	5	
4	Biên tập - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
5	Xây dựng kế hoạch sản xuất chi tiết - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	5	
6	Chuyên gia phỏng vấn hiện trường - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
B	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**9**	**= 1/3 x LĐTT**
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1,80	= 20% định mức LĐGT
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3,60	= 40% định mức LĐGT
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3,60	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn chất lượng
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	72	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	72	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú

	Văn phòng phẩm (mực in, giấy, bút…)	Bộ	Theo thực tế	Loại thông dụng trên thị trường	Thực hiện theo giá thị trường

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn chất lượng
1	Thực hiện ghi/dựng hình	Clip	01	Áp dụng theo cơ chế giá thị trường của Báo và phát thanh, truyền hình đồng tháp Đồng Tháp và theo Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh Tiền Giang.
2	Phương tiện đi lại (thuê xe) phục vụ đi lại, đưa đón ban tổ chức, chuyên gia, khách mời quan trọng	Chuyến	Theo thực tế	Thực hiện theo giá thị trường (01 chuyến gồm đi và về)

IV. ĐỊNH MỨC KTKT PHÓNG SỰ KHUYẾN NÔNG (15 PHÚT)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Phóng sự khuyến nông (15 phút)**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **TTTT-04**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian thực hiện: 43 ngày

5. Thời lượng phóng sự: 15 phút/phóng sự

6. Nội dung thực hiện: video clip chuyển tải nội dung thông tin, thông điệp, phân tích, đánh giá và định hướng dư luận xã hội về những sự kiện, sự việc và vấn đề đang được xã hội quan tâm trong lĩnh vực khuyến nông. Đăng tải trên phương tiện truyền thông đại chúng, website Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc website của đơn vị. Chương trình sản xuất mới, không có thời lượng tư liệu khai thác lại.

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
	Định mức lao động	**43**	
A	**Định mức LĐTT** (*Định mức công của LĐTT có chuyên môn*)	**32**	
1	Xây dựng, thẩm định kế hoạch, dự toán - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	7	
2	Khảo sát tiền trạm - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	
3	Viết kịch bản - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	7	
4	Biên tập - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	
5	Xây dựng kế hoạch sản xuất chi tiết - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	5	
6	Chuyên gia phỏng vấn hiện trường - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
B	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**11**	**= 1/3 x LĐTT**
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2,20	= 20% định mức LĐGT
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4,40	= 40% định mức LĐGT

3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn chất lượng
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	88	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	88	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Văn phòng phẩm (mực in, giấy, bút…)	Bộ	Theo thực tế	Loại thông dụng trên thị trường	Thực hiện theo giá thị trường

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn chất lượng
1	Thực hiện ghi/dựng hình	Clip	01	Áp dụng theo cơ chế giá thị trường của Báo và phát thanh, truyền hình đồng tháp Đồng Tháp và theo Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 được sửa đổi bổsungtạiQuyếtđịnhsố71/2024/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND

				tỉnhTiềnGiang.
2	Phương tiện đi lại (thuê xe) phục vụ đi lại, đưa đón ban tổ chức, chuyên gia, khách mời quan trọng	Chuyến	Theo thực tế	Thực hiện theo giá thị trường (01 chuyến gồm đi và về)

V. ĐỊNH MỨC KTKT XUẤT BẢN ẤN PHẨM KHUYẾN NÔNG

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Xuất bản ấn phẩm khuyến nông**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **TTTT-05**

3. Thời gian thực hiện: 113 ngày

4. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

5. Nội dung thực hiện: xuất bản sách kỹ thuật; sách sưu tầm, tuyển tập, hợp tuyển; sách dịch; tờ rơi, tờ gấp, áp phích, poster, tranh, ảnh, lịch khuyến nông.

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
	Định mức lao động	**113**	
A	**Định mức LĐTT** *(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)*	**85**	
1	Tổ chức khai thác bản thảo - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	30	
2	Biên tập bản thảo - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20	
3	Thiết kế, trình bày maket - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20	
4	In ấn phẩm - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10	
5	Phát hành - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	05	
B	**Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**28**	**= 1/3 x LĐTT**

1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	5,60	= 20% định mức LĐGT
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	11,20	= 40% định mức LĐGT
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,20	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn chất lượng
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	224	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	224	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Văn phòng phẩm (mực in, giấy, bút…)	Bộ	Theo thực tế	Loại thông dụng trên thị trường	Thực hiện theo giá thị trường

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn chất lượng
1	Định mức công tác tổ chức, khai thác bản thảo	01	Bản thảo	Áp dụng theo Thông tư 42/2020/TT-BTTTT ngày 31/12/2020 của Bộ TTTT ban hành định mức KTKT
2	Định mức công tác biên tập bản thảo	01	Bản thảo, tờ rơi, tờ gấp	

			700 chữ	hoạt động xuất bản
3	Định mức thiết kế, trình bày maket	01	Trang A4	

VI. ĐỊNH MỨC KTKT TỔ CHỨC DIỄN ĐÀN KHUYẾN NÔNG, TỌA ĐÀM KHUYẾN NÔNG (QUY MÔ: 30-50 ĐẠI BIỂU)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Tổ chức diễn đàn khuyến nông, tọa đàm khuyến nông (quy mô: 30-50 đại biểu)**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **TTTT-06**

3. Thời gian thực hiện: 96 ngày

4. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

5. Nội dung thực hiện: tổ chức diễn đàn khuyến nông, tọa đàm khuyến nông

6. Quy mô: 30–50 đại biểu

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
	Định mức lao động	**96**	
A	**Định mức LĐTT** *(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)*	**72**	
1	**Công tác chuẩn bị tổ chức**		
1.1	Xây dựng, thẩm định kế hoạch, dự toán - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	07	
1.2	Khảo sát, tiền trạm địa điểm tổ chức, mô hình thăm quan. (không tính thời gian di chuyển) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10	
1.3	Công tác chuẩn bị nội dung, công tác tổ chức - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	08	
1.4	Thiết kế backdrop hội trường, standee, băng rôn, pano ... - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	05	
2	**Tổ chức thực hiện**		
2.1	Ban Tổ chức, tổ thư ký - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	30	

2.2	Chủ trì, điều hành - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	01	
2.3	Chuyên gia, Cố vấn - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	05	
2.4	Báo cáo viên, tham luận tại diễn đàn, hội thảo, hội nghị - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	03	
2.5	Hướng dẫn tham quan, thực hành ... - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	01	
2.6	Bộ phận phục vụ - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	01	
2.7	Dẫn chương trình - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	01	
B	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**24**	**= 1/3 x LĐTT**
1	Bộ phận quản lý *(Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách)* - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4,80	= 20% định mức LĐGT
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành *(lãnh đạo phòng, trại)* - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	9,60	= 40% định mức LĐGT
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (*lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư)* - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,60	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện nội dung của khuyến nông**				
1	Hội trường *(phòng họp, máy chiếu, màn chiếu, màn hình led, micro, thiết bị âm thanh ánh sáng, thiết bị tổ chức trực tuyến,…)*	Ngày	01	Sức chứa (chỗ ngồi) tối đa bằng 150% số đại biểu	Áp dụng theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND
2	Backdrop trong phòng hội trường	m^2	20	Loại thông dụng trên thị trường	Áp dụng theo Quyết định số

3	Standee	Chiếc	10		1072/QĐ-BVHTTDL ngày 15/4/2020
4	Băng rôn, pano, phướn	m^2	50		
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Hội trường (phòng họp, máy chiếu, màn chiếu, màn hình led, micro, thiết bị âm thanh ánh sáng, thiết bị tổ chức trực tuyến,…)	Ngày	01	Sức chứa (chỗ ngồi) tối đa bằng 150% số đại biểu	Thực hiện theo giá thị trường
2	Backdrop trong phòng hội trường	m^2	20	Loại thông dụng trên thị trường	
3	Standee	Chiếc	10		
4	Băng rôn, pano, phướn	m^2	50		
5	Bộ máy vi tính (01 chiếc)	Giờ	192	Loại thông dụng trên thị trường	
6	Máy in (01 chiếc)	Giờ	192		

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng	Ghi chú
	Văn phòng phẩm (giấy, bút...)	Bộ	30-50	Loại thông dụng trên thị trường	Áp dụng Nghị quyết 329/2020/NQ-HĐND

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức khác thực hiện nội dung của khuyến nông**				
1	Video clip phóng sự về chủ đề diễn đàn (10 phút)	Clip	01		
2	Tài liệu diễn đàn, tọa đàm, hội thảo,				Áp dụng Nghị quyết

	hội nghị				329/2020/NQ-HĐND
2.1	Xây dựng tài liệu diễn đàn, tọa đàm (báo cáo đề dẫn, báo cáo tham luận, quy trình kỹ thuật, tài liệu tham khảo)	Bài	10		
2.2	In tài liệu diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, hội nghị	Cuốn	Theo quy mô số lượng đại biểu của từng diễn đàn, tọa đàm		
3	Hỗ trợ nông dân tham gia diễn đàn,	Người /ngày	20		
3.1	Số lượng nông dân	Người	Tối đa bằng 80% đại biểu tham dự		
3.2	Số ngày được hỗ trợ	Ngày	01		Theo thời gian thực tế tổ chức diễn đàn/tọa đàm
4	Bồi dưỡng khách mời	Người	10		
5	Bồi dưỡng báo chí	Người	05		Nghị quyết số 1072/QĐ-BVHTTDL ngày 15/4/2020
6	Nước uống giữa giờ	Người /ngày	50		Áp dụng Nghị quyết 329/2020/NQ-HĐND
7	Phương tiện đi lại (thuê xe) phục vụ đi lại, đưa đón ban tổ chức, chuyên gia, khách mời quan trọng	Chuyến	Theo thực tế	Loại thông dụng trên thị trường (01 chuyến gồm đi và về)	
II	**Định mức khác thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Video clip phóng sự về chủ đề diễn đàn (10 phút)	Clip	01		Thuê thực hiện theo giá thị trường

2	Tài liệu diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, hội nghị				Áp dụng Nghị quyết 329/2020/NQ-HĐND
2.1	Xây dựng tài liệu diễn đàn, tọa đàm (báo cáo đề dẫn, báo cáo tham luận, quy trình kỹ thuật, tài liệu tham khảo)	Bài	10		
2.2	In tài liệu diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, hội nghị	Cuốn	Theo thực tế		
3	Hỗ trợ đại biểu tham gia diễn đàn, tọa đàm	Người	Theo thực tế		
4	Nước uống giữa giờ	Người /ngày	50		
5	Phương tiện đi lại (thuê xe) phục vụ đi lại, đưa đón ban tổ chức, chuyên gia, khách mời quan trọng	Chuyến	Theo thực tế	Loại thông dụng trên thị trường (01 chuyến gồm đi và về)	Thực hiện theo giá thị trường

VII. ĐỊNH MỨC KTKT TỔ CHỨC DIỄN ĐÀN KHUYẾN NÔNG, TỌA ĐÀM KHUYẾN NÔNG (QUY MÔ 100-150 ĐẠI BIỂU)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Tổ chức diễn đàn khuyến nông, tọa đàm khuyến nông.**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **TTTT-07**

3. Thời gian thực hiện: 140 ngày

4. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

5. Nội dung thực hiện: tổ chức diễn đàn khuyến nông, tọa đàm khuyến nông

6. Quy mô: 100-150 đại biểu

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
	Định mức lao động	**140**	
A	**Định mức LĐTT** (*Định mức công của LĐTT có chuyên môn*)	**105**	
1	**Công tác chuẩn bị tổ chức**		
1.1	Xây dựng, thẩm định kế hoạch, dự toán - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10	
1.2	Khảo sát, tiền trạm địa điểm tổ chức, mô hình thăm quan. (không tính thời gian di chuyển) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20	
1.3	Công tác chuẩn bị nội dung, công tác tổ chức - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	09	
1.4	Thiết kế backdrop hội trường, *standee*, băng rôn, pano ... - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	05	
2	**Tổ chức thực hiện**		
2.1	Ban Tổ chức, tổ thư ký - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	40	
2.2	Chủ trì, điều hành - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	03	
2.3	Chuyên gia, cố vấn - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	08	
2.4	Báo cáo viên, tham luận tại diễn đàn, hội thảo, hội nghị - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	05	
2.5	Hướng dẫn tham quan, thực hành ... - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	02	
2.6	Bộ phận phục vụ - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	02	
2.7	Dẫn chương trình - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	01	
B	**Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**35**	**= 1/3 x LĐTT**

1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	07	= 20% định mức LĐGT
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	14	= 40% định mức LĐGT
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	14	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện nội dung của khuyến nông**				
1	Hội trường *(phòng họp, máy chiếu, màn chiếu, màn hình led, micro, thiết bị âm thanh ánh sáng, thiết bị tổ chức trực tuyến,...)*	Ngày	02	Sức chứa (chỗ ngồi) tối đa bằng 150% số đại biểu	Áp dụng Nghị quyết 329/2020/NQ-HĐND
2	Backdrop trong phòng hội trường	m^2	30	Loại thông dụng trên thị trường	Áp dụng Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL ngày 15/4/2020
3	Standee	Chiếc	10		
4	Băng rôn, pano, phướn	m^2	100		
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Hội trường (phòng họp, máy chiếu, màn chiếu, màn hình led, micro, thiết bị âm thanh ánh sáng, thiết bị tổ chức trực tuyến,…)	Ngày	02	Sức chứa (chỗ ngồi) tối đa bằng 150% số đại biểu	Thực hiện theo giá thị trường

2	Backdrop trong phòng hội trường	M^2	30	Loại thông dụng trên thị trường	
3	Standee	Chiếc	10		
4	Băng rôn, pano, phướn	M^2	100		
5	Bộ máy vi tính (01 chiếc)	Giờ	280	Loại thông dụng trên thị trường	
6	Máy in (01 chiếc)	Giờ	280		

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng	Ghi chú
	Văn phòng phẩm (giấy, bút...)	Bộ	100-150	Loại thông dụng trên thị trường	Áp dụng Nghị quyết 329/2020/NQ-HĐND

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức khác thực hiện nội dung của khuyến nông**				
1	Video clip phóng sự về chủ đề diễn đàn (10 phút)	Clip	01		
2	Tài liệu diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, hội nghị				Áp dụng Nghị quyết 329/2020/NQ-HĐND
2.1	Xây dựng tài liệu diễn đàn, tọa đàm (báo cáo đề dẫn, báo cáo tham luận, quy trình kỹ thuật, tài liệu tham khảo)	Bài	20		
2.2	In tài liệu diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, hội nghị	Cuốn	Theo quy mô số lượng đại biểu của từng diễn đàn, tọa đàm		
3	Hỗ trợ nông dân tham gia diễn đàn,	Người /ngày	140		

3.1	Số lượng nông dân	Người	Tối đa bằng 80% đại biểu tham dự		
3.2	Số ngày được hỗ trợ	Ngày	02		Theo thời gian thực tế tổ chức diễn đàn/tọa đàm
4	Bồi dưỡng khách mời	Người	30		
5	Bồi dưỡng báo chí	Người	10		Nghị quyết số 1072/QĐ-BVHTTDL ngày 15/4/2020
6	Nước uống giữa giờ	Người /ngày	300		Áp dụng Nghị quyết 329/2020/NQ-HĐND
7	Phương tiện đi lại (thuê xe) phục vụ đi lại, đưa đón ban tổ chức, chuyên gia, khách mời quan trọng	Chuyến	Theo thực tế	Loại thông dụng trên thị trường (01 chuyến gồm đi và về)	
II	**Định mức khác thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Video clip phóng sự về chủ đề diễn đàn (10 phút)	Clip	01		Áp dụng theo cơ chế giá thị trường của Báo và phát thanh, truyền hình đồng tháp Đồng Tháp và theo Quyết định số 20/2020/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh Tiền Giang.
2	Tài liệu diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, hội nghị				Áp dụng Nghị quyết 329/2020/NQ-HĐND
2.1	Xây dựng tài liệu diễn đàn, tọa đàm (báo cáo đề dẫn,	Bài	20		

	báo cáo tham luận, quy trình kỹ thuật, tài liệu tham khảo)				
2.2	In tài liệu diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, hội nghị	Cuốn	Theo thực tế		
3	Hỗ trợ đại biểu tham gia diễn đàn, tọa đàm	Người	Theo thực tế		
4	Nước uống giữa giờ	Người /ngày	300		
5	Phương tiện đi lại (thuê xe) phục vụ đi lại, đưa đón ban tổ chức, chuyên gia, khách mời quan trọng	Chuyến	Theo thực tế	Loại thông dụng trên thị trường (01 chuyến gồm đi và về)	Thực hiện theo giá thị trường

VIII. ĐỊNH MỨC KTKT TỔ CHỨC HỘI THẢO, HỘI NGHỊ KHUYẾN NÔNG, HỘI THẢO ĐẦU BỜ, HỘI NGHỊ TỔNG KẾT (QUY MÔ 30-50 ĐẠI BIỂU)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Tổ chức hội thảo, hội nghị khuyến nông, hội thảo đầu bờ, hội nghị tổng kết (quy mô 30-50 đại biểu).**

2. Mã sản phẩm dịch vụ: **TTTT-08**

3. Thời gian thực hiện: 97 ngày

4. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

5. Nội dung thực hiện: Tổ chức các hội thảo, hội nghị khuyến nông, hội thảo đầu bờ, hội nghị tổng kết nhằm tuyên truyền lan tỏa các mô hình dự án khuyến nông điển hình trong sản xuất, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, tạo sản phẩm an toàn, nâng cao giá trị; là nơi trao đổi thông tin giữa cơ quan quản lý nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và nông dân về sản xuất nông nghiệp.

6. Quy mô: 30-50 đại biểu.

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
	Định mức lao động	**97**	
A	**Định mức LĐTT** (*Định mức công của LĐTT có chuyên môn*)	**73**	
1	**Công tác chuẩn bị tổ chức**		
1.1	Xây dựng kế hoạch, dự toán - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	07	
1.2	Thẩm định kế hoạch, dự toán - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	02	
1.3	Khảo sát, tiền trạm địa điểm tổ chức, mô hình thăm quan. (không tính thời gian di chuyển) - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	10	
1.4	Soạn thảo và ban hành các công văn phối hợp, giấy mời tham dự,... - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	01	
1.5	Liên hệ, hướng dẫn, tổng hợp đăng ký tham gia của địa phương/đơn vị và đại biểu. - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	02	
1.6	Tổng hợp báo cáo, biên tập, maket tài liệu hội thảo - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	05	
1.7	Thiết kế phông hội trường, standee, băng rôn, pano, cờ phướn tại mô hình. - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	05	
2	**Tổ chức thực hiện**		
2.1	Ban Tổ chức, tổ thư ký - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	30	
2.2	Chủ trì, điều hành - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	01	
2.3	Chuyên gia, cố vấn - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	05	
2.4	Báo cáo viên, tham luận tại diễn đàn, hội thảo, hội nghị - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	03	

2.5	Hướng dẫn tham quan, thực hành ... - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	01	
2.6	Bộ phận phục vụ - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	01	
B	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**24**	**= 1/3 x LĐTT**
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4,80	= 20% định mức LĐGT
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	9,60	= 40% định mức LĐGT
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,60	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện nội dung của khuyến nông**				
1	Hội trường *(phòng họp, máy chiếu, màn chiếu, màn hình led, micro, thiết bị âm thanh ánh sáng, thiết bị tổ chức trực tuyến,...)*	Ngày	01	Sức chứa (chỗ ngồi) tối đa bằng 150% số đại biểu	Áp dụng Nghị quyết 329/2020/NQ-HĐND
2	Backdrop trong phòng hội trường	m^2	20	Loại thông dụng trên thị trường	Áp dụng theo Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL ngày 15/4/2020
3	Standee	Chiếc	10		
4	Băng rôn, pano, phướn	m^2	50		
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Hội trường (phòng họp, máy	Ngày	01	Sức chứa (chỗ ngồi) tối đa bằng	Thực hiện theo

	chiếu, màn chiếu, màn hình led, micro, thiết bị âm thanh ánh sáng, thiết bị tổ chức trực tuyến,…)			150% số đại biểu	giá thị trường
2	Backdrop trong phòng hội trường	m^2	20	Loại thông dụng trên thị trường	
3	Standee	Chiếc	10		
4	Băng rôn, pano, phướn	m^2	50		
5	Bộ máy vi tính (01 chiếc)	Giờ	192	Loại thông dụng trên thị trường	
6	Máy in (01 chiếc)	Giờ	192		

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng	Ghi chú
	Văn phòng phẩm (mực in, giấy, bút...)	Bộ	30-50	Loại thông dụng trên thị trường	Áp dụng Nghị quyết 329/2020/NQ-HĐND

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức khác thực hiện nội dung của khuyến nông**				
1	Tài liệu hội thảo				
1.1	Xây dựng tài liệu hội thảo	Bài	10		Áp dụng Nghị quyết 329/2020/NQ-HĐND
1.2	In tài liệu hội thảo	Cuốn	Theo quy mô số lượng đại biểu		
2	Hỗ trợ nông dân tham gia hội thảo	Người /ngày	20		
2.1	Số lượng nông dân	Người	Tối đa bằng		

			80% đại biểu tham dự		
2.2	Số ngày được hỗ trợ	Ngày	01		Theo thời gian thực tế tổ chức diễn đàn/tọa đàm
3	Bồi dưỡng khách mời	Người	10		
4	Bồi dưỡng báo chí	Người	05		
6	Nước uống giữa giờ	Người /ngày	50		Áp dụng Nghị quyết 329/2020/NQ-HĐND
7	Phương tiện đi lại (thuê xe) phục vụ đi lại, đưa đón ban tổ chức, ban chủ tọa, chuyên gia, cố vấn, khách mời quan trọng	Chuyến	Theo thực tế	Loại thông dụng trên thị trường (01 chuyến gồm đi và về)	
II	**Định mức khác thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Tài liệu hội thảo				Áp dụng Nghị quyết 329/2020/NQ-HĐND
1.1	Xây dựng tài liệu hội thảo	Bài	10		
1.2	In tài liệu hội thảo	Cuốn	Theo quy mô số lượng đại biểu		
2	Hỗ trợ đại biểu tham gia hội thảo	Người	Theo thực tế		
3	Nước uống giữa giờ	Người /ngày	50		
4	Phương tiện đi lại (thuê xe) phục vụ đi lại, đưa đón ban tổ chức, ban chủ tọa, chuyên gia, cố vấn, khách mời quan trọng	Chuyến	Theo thực tế	Loại thông dụng trên thị trường (01 chuyến gồm đi và về)	Thực hiện theo giá thị trường

IX. ĐỊNH MỨC KTKT TỔ CHỨC HỘI THẢO, HỘI NGHỊ KHUYẾN NÔNG, HỘI THẢO ĐẦU BỜ, HỘI NGHỊ TỔNG KẾT (QUY MÔ 100-150 ĐẠI BIỂU)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Tổ chức hội thảo, hội nghị khuyến nông, hội thảo đầu bờ, hội nghị tổng kết (quy mô 100-150 đại biểu)**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **TTTT-09**

3. Thời gian thực hiện: 141 ngày

4. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

5. Nội dung thực hiện: Tổ chức các hội thảo, hội nghị khuyến nông, hội thảo đầu bờ, hội nghị tổng kết nhằm tuyên truyền lan tỏa các mô hình dự án khuyến nông điển hình trong sản xuất, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, tạo sản phẩm an toàn, nâng cao giá trị; là nơi trao đổi thông tin giữa cơ quan quản lý nhà nước, nhà khoa học, doanh nghiệp và nông dân về sản xuất nông nghiệp.

6. Quy mô: 100-150 đại biểu

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
	Định mức lao động	**141**	
A	**Định mức LĐTT** *(Định mức công của LĐTT có chuyên môn)*	**106**	
1	Công tác chuẩn bị tổ chức		
1.1	Xây dựng kế hoạch, dự toán - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	10	
1.2	Thẩm định kế hoạch, dự toán - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	02	
1.3	Khảo sát, tiền trạm địa điểm tổ chức, mô hình thăm quan. (không tính thời gian di chuyển) - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	20	
1.4	Soạn thảo và ban hành các công văn phối hợp, giấy mời tham dự,... - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	01	
1.5	Liên hệ, hướng dẫn, tổng hợp đăng ký	03	

	tham gia của địa phương/đơn vị và đại biểu. - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên		
1.6	Tổng hợp báo cáo, biên tập, maket tài liệu hội thảo - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	05	
1.7	Thiết kế phông hội trường, standee, băng rôn, pano, cờ phướn tại mô hình. - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	05	
2	Tổ chức thực hiện		
2.1	Ban Tổ chức, tổ thư ký - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	40	
2.2	Chủ trì, điều hành - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	03	
2.3	Chuyên gia, cố vấn - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	08	
2.4	Báo cáo viên, tham luận tại diễn đàn, hội thảo, hội nghị - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	05	
2.5	Hướng dẫn tham quan, thực hành ... - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	02	
2.6	Bộ phận phục vụ - Trình độ chuyên môn: đại học trở lên	02	
B	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**35**	**= 1/3 x LĐTT**
1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	7	= 20% định mức LĐGT
2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	14	= 40% định mức LĐGT
3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	14	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất	Ghi chú

				lượng	
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện nội dung của khuyến nông**				
1	Hội trường *(phòng họp, máy chiếu, màn chiếu, màn hình led, micro, thiết bị âm thanh ánh sáng, thiết bị tổ chức trực tuyến,...)*	Ngày	02	Sức chứa (chỗ ngồi) tối đa bằng 150% số đại biểu	Áp dụng Nghị quyết 329/2020/NQ-HĐND
2	Backdrop trong phòng hội trường	m^2	30	Loại thông dụng trên thị trường	Áp dụng theo Quyết định số 1072/QĐ-BVHTTDL ngày 15/4/2020
3	Standee	Chiếc	10		
4	Băng rôn, pano, phướn	m^2	100		
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Hội trường *(phòng họp, máy chiếu, màn chiếu, màn hình led, micro, thiết bị âm thanh ánh sáng, thiết bị tổ chức trực tuyến,...)*	Ngày	02	Sức chứa (chỗ ngồi) tối đa bằng 150% số đại biểu	Thực hiện theo giá thị trường
2	Backdrop trong phòng hội trường	m^2	30	Loại thông dụng trên thị trường	
3	Standee	Chiếc	10		
4	Băng rôn, pano, phướn	m^2	100		
5	Bộ máy vi tính (01 chiếc)	Giờ	280	Loại thông dụng trên thị trường	
6	Máy in (01 chiếc)	Giờ	280		

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng	Ghi chú

	Văn phòng phẩm (mực in, giấy, bút...)	Bộ	100-150	Loại thông dụng trên thị trường	Áp dụng Nghị quyết 329/2020/NQ-HĐND

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức khác thực hiện nội dung của khuyến nông**				
1	Tài liệu hội thảo				
1.1	Xây dựng tài liệu hội thảo	Bài	20		Áp dụng Nghị quyết 329/2020/NQ-HĐND
1.2	In tài liệu hội thảo	Cuốn	Theo quy mô số lượng đại biểu		
2	Hỗ trợ nông dân tham gia hội thảo	Người /ngày	140		
2.1	Số lượng nông dân	Người	Tối đa bằng 80% đại biểu tham dự		
2.2	Số ngày được hỗ trợ	Ngày	02		Theo thời gian thực tế tổ chức hội thảo
3	Bồi dưỡng khách mời	Người	30		
4	Bồi dưỡng báo chí	Người	10		
6	Nước uống giữa giờ	Người /ngày	300		Áp dụng Nghị quyết 329/2020/NQ-HĐND
7	Phương tiện đi lại (thuê xe) phục vụ đi lại, đưa đón ban tổ chức, ban chủ tọa, chuyên gia, cố vấn, khách mời quan trọng	Chuyến	Theo thực tế	Loại thông dụng trên thị trường (01 chuyến gồm đi và về)	
II	**Định mức khác thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Tài liệu hội thảo				Kinh phí thực hiện

1.1	Xây dựng tài liệu hội thảo	Bài	20		Áp dụng Nghị quyết 329/2020/NQ-HĐND
1.2	In tài liệu hội thảo	Cuốn	Theo quy mô số lượng đại biểu		
2	Hỗ trợ đại biểu tham gia hội thảo	Người	Theo thực tế		
3	Nước uống giữa giờ	Người /ngày	300		
4	Phương tiện đi lại (thuê xe) phục vụ đi lại, đưa đón ban tổ chức, ban chủ tọa, chuyên gia, cố vấn, khách mời quan trọng	Chuyến	Theo thực tế	Loại thông dụng trên thị trường (01 chuyến gồm đi và về)	Thực hiện theo giá thị trường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN KHUYẾN NÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Năm 2025

MỤC LỤC

I. Tập huấn chuyển giao công nghệ, tư vấn khuyến nông 3
II. Tập huấn chuyên đề khuyến nông 5
III. Tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng khuyến nông 7
IV. Tập huấn nâng cao kỹ thuật 9
V. Tập huấn, đào tạo giảng viên khuyến nông nòng cốt 11
VI. Tập huấn nâng cao kỹ thuật chuyên môn 14
VII. Xây dựng tài liệu tập huấn khuyến nông (dưới 50 trang A4) 16
VIII. Xây dựng tài liệu tập huấn khuyến nông (dưới 100 trang A4) 18
IX. Xây dựng tài liệu tập huấn khuyến nông (dưới 150 trang A4) 20
X. Xây dựng tài liệu tập huấn khuyến nông (không quá 200 trang A4) 21

DANH MỤC ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN KHUYẾN NÔNG

Mã Dịch vụ	Tên Dịch vụ, sản phẩm
THKN-01	Tập huấn chuyển giao công nghệ, tư vấn khuyến nông
THKN-02	Tập huấn chuyên đề
THKN-03	Tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng khuyến nông
THKN-04	Tập huấn nâng cao kỹ thuật
THKN-05	Tập huấn, đào tạo giảng viên khuyến nông nòng cốt
THKN-06	Tập huấn nâng cao kỹ thuật chuyên môn
TLKN-01	Xây dựng tài liệu tập huấn khuyến nông (dưới 50 trang A4)
TLKN-02	Xây dựng tài liệu tập huấn khuyến nông (dưới 100 trang A4)
TLKN-03	Xây dựng tài liệu tập huấn khuyến nông (dưới 150 trang A4)
TLKN-04	Xây dựng tài liệu tập huấn khuyến nông (không quá 200 trang A4)

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Nội dung	Ký hiệu viết tắt
1	Lao động trực tiếp	LĐTT
2	Lao động gián tiếp	LĐGT

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN KHUYẾN NÔNG

I. TẬP HUẤN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ, TƯ VẤN KHUYẾN NÔNG

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Tập huấn chuyển giao công nghệ, tư vấn khuyến nông**.
2. Mã dịch vụ sự nghiệp công: **THKN-01.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian thực hiện: 01 ngày.
5. Số người tham dự tập huấn: ≤30 người (nhưng không thấp hơn 50%).
6. Đối tượng tập huấn: người sản xuất, người hoạt động khuyến nông.
7. Nội dung chương trình tập huấn: Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, cho các đối tượng chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật mới hoặc theo nhu cầu của địa phương.

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
	Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công	**7**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**5**	
1.1	Công giảng bày - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
1.2	Công thu tập tài liệu, chỉnh lý nội dung phù hợp với yêu cầu thực tế của địa phương. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
1.3	Công trợ giảng. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
1.4	Công xây dựng kế hoạch tập huấn, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
2	**Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**2**	**= 1/3 x LĐTT**

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	0,40	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	0,80	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ *(lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư).* - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	0,80	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	16	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	16	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	8	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	8	

3. Định mức vật tư:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công				
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ	30	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Hội trường	Ngày	01	
2	Phương tiện đi lại	Chuyến		
2.1	Xe đưa, rước giảng viên	Chuyến	01	
2.2	Xe đưa rước học viên đi tham quan	Chuyến	-	
3	Photocopy tài liệu	Tờ	900	Loại thông dụng trên thị trường

II. TẬP HUẤN CHUYÊN ĐỀ KHUYẾN NÔNG

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Tập huấn chuyên đề khuyến nông.**
2. Mã dịch vụ sự nghiệp công: **THKN-02.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian thực hiện: 2 ngày (lý thuyết: 1,5 ngày; tham quan: 0,5 ngày).
5. Số người tham dự tập huấn: ≤ 30 người (nhưng không thấp hơn 50%).
6. Đối tượng tập huấn: người sản xuất, người hoạt động khuyến nông.
7. Nội dung chương trình tập huấn: Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp, kỹ năng khuyến nông, bồi dưỡng kiến thức về chính sách, pháp luật cho các đối tượng chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật mới hoặc theo nhu cầu của địa phương.

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
	Định mức lao động	**11,5**	
1	**Định mức LĐTT có chuyên môn**	**8,5**	
	Công giảng bày - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1,5	

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
	Công thu tập tài liệu, chỉnh lý nội dung phù hợp với yêu cầu thực tế của địa phương. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1,5	
	Công trợ giảng. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1,5	
	Công hướng dẫn tham quan . -Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
	Công xây dựng kế hoạch tập huấn, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	
2	**Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**3**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý *(Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách)* - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	0,60	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành *(lãnh đạo phòng, trại)* - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1,20	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ *(lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư).* - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1,20	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	24	
2	Máy in	Chiếc	01	24	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
3	Máy Laptop	Chiếc	01	16	Loại thông dụng trên thị trường
4	Máy chiếu	Chiếc	01	16	

3. Định mức vật tư:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công				
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ	30	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Hội trường	Ngày	02	
2	Phương tiện đi lại	Chuyến		
2.1	Xe đưa, rước giảng viên	Chuyến	02	Xe 07 chỗ, Loại thông dụng trên thị trường
2.2	Xe đưa rước học viên đi tham quan	Chuyến	01	Xe 42 chỗ, Loại thông dụng trên thị trường
3	Photocopy tài liệu	Tờ	900	Loại thông dụng trên thị trường

III. TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ, KỸ NĂNG KHUYẾN NÔNG

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng khuyến nông**.
2. Mã dịch vụ sự nghiệp công: **THKN-03.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian tập huấn Thời gian tập huấn: 03 ngày (lý thuyết: 02 ngày; tham quan: 01 ngày).

5. Số người tham dự tập huấn: ≤ 30 người (nhưng không thấp hơn 50%).

6. Đối tượng tập huấn: người sản xuất, người hoạt động khuyến nông.

7. Nội dung chương trình tập huấn: Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp, kỹ năng khuyến nông, bồi dưỡng kiến thức về chính sách, pháp luật cho các đối tượng chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật mới hoặc theo nhu cầu của địa phương.

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
	Định mức lao động	**16**	
1	**Định mức LĐTT có chuyên môn**	**12**	
	Công giảng bày - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
	Công thu tập tài liệu, chỉnh lý nội dung phù hợp với yêu cầu thực tế của địa phương. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
	Công trợ giảng. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
	Công hướng dẫn tham quan . -Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
	Công xây dựng kế hoạch tập huấn, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
2	**Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**4**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	0,80	= 20% định mức LĐGT.

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1,60	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1,60	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	32	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	32	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	16	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	16	

3. Định mức vật tư:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công				
1	Văn phòng phẩm *(Giấy, bút, bìa sơ mi,..)*	Bộ	30	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Hội trường	Ngày	02	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
2	Phương tiện đi lại	Chuyến		
2.1	Xe đưa, rước giảng viên	Chuyến	03	Xe 07 chỗ, Loại thông dụng trên thị trường
2.2	Xe đưa rước học viên đi tham quan	Chuyến	01	Xe 42 chỗ, Loại thông dụng trên thị trường
3	Photocopy tài liệu	Tờ	900	Loại thông dụng trên thị trường

IV. TẬP HUẤN NÂNG CAO KỸ THUẬT

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Tập huấn nâng cao kỹ thuật**.

2. Mã dịch vụ sự nghiệp công: **THKN-04.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian tập huấn Thời gian tập huấn: 4 ngày (lý thuyết: 01 ngày; thực hành: 03 ngày)

5. Số người tham dự tập huấn: ≤ 30 người (nhưng không thấp hơn 50%).

6. Đối tượng tập huấn: người sản xuất, người hoạt động khuyến nông.

7. Nội dung chương trình tập huấn: Nâng cao kỹ năng - phương pháp khuyến nông, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề, kiến thức mới cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật để tổ chức triển khai thực hiện các yêu cầu nhiệm vụ phát triển nông nghiệp nông thôn tại địa phương (thụ tinh nhân tạo cho heo).

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
	Định mức lao động	**23**	
1	**Định mức LĐTT có chuyên môn**	**17**	

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
	Công giảng bày - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
	Công thu tập tài liệu, chỉnh lý nội dung phù hợp với yêu cầu thực tế của địa phương. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
	Công trợ giảng. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
	Công xây dựng kế hoạch tập huấn, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	5	
2	**Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**6**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2,40	= 40% định mức LĐGT

22. Định mức máy móc, thiết bị:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	48	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
2	Máy in	Chiếc	01	48	Loại thông dụng trên thị trường
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công				
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ	30	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Hội trường	Ngày	04	
2	Phương tiện đi lại	Chuyến		
2.1	Xe đưa, rước giảng viên	Chuyến	04	Xe 07 chỗ, Loại thông dụng trên thị trường
2.2	Xe đưa rước học viên đi tham quan	Chuyến	-	Xe 42 chỗ, Loại thông dụng trên thị trường
3	Photocopy tài liệu	Tờ	900	Loại thông dụng trên thị trường

V. TẬP HUẤN, ĐÀO TẠO GIẢNG VIÊN KHUYẾN NÔNG NÒNG CỐT

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Tập huấn, đào tạo giảng viên khuyến nông nòng cốt**.
2. Mã dịch vụ sự nghiệp công: **THKN-05.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian tập huấn Thời gian tập huấn: 5 ngày (lý thuyết, thực hành: 04 ngày; tham quan: 01 ngày).

5. Số người tham dự tập huấn: ≤ 40 người (nhưng không thấp hơn 50%).

6. Đối tượng tập huấn: Cán bộ khuyến nông.

7. Nội dung chương trình tập huấn: Nâng cao kỹ năng - phương pháp khuyến nông, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề, kiến thức mới cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật.

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
	Định mức lao động	**27**	
1	**Định mức LĐTT có chuyên môn**	**20**	
	Công giảng bày - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
	Công thu tập tài liệu, chỉnh lý nội dung phù hợp với yêu cầu thực tế của địa phương. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
	Công trợ giảng. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
	Công hướng dẫn tham quan . -Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
	Công xây dựng kế hoạch tập huấn, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	
2	**Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**7**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1,40	= 20% định mức LĐGT.

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2,80	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2,80	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	56	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	56	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công				
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ	30	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Hội trường	Ngày	04	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
2	Phương tiện đi lại	Chuyến		
2.1	Xe đưa, rước giảng viên	Chuyến	05	Xe 07 chỗ, Loại thông dụng trên thị trường
2.2	Xe đưa rước học viên đi tham quan	Chuyến	01	Xe 42 chỗ, Loại thông dụng trên thị trường
3	Photocopy tài liệu	Tờ	900	Loại thông dụng trên thị trường

VI. TẬP HUẤN NÂNG CAO KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Tập huấn nâng cao kỹ thuật chuyên môn.**

2. Mã dịch vụ sự nghiệp công: **THKN-06.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian tập huấn Thời gian tập huấn: 10 ngày (lý thuyết: 05 ngày; thực hành: 05 ngày).

5. Số người tham dự tập huấn: ≤ 30 người (nhưng không thấp hơn 50%).

6. Đối tượng tập huấn: Cán bộ khuyến nông.

7. Nội dung chương trình tập huấn: IPM, ICM, IPHM, nhân giống lúa, gieo tinh nhân tạo bò…

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
	Định mức lao động	**40**	
1	**Định mức LĐTT có chuyên môn**	**30**	
	Công giảng bày - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10	

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
	Công thu tập tài liệu, chỉnh lý nội dung phù hợp với yêu cầu thực tế của địa phương. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	5	
	Công trợ giảng. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10	
	Công xây dựng kế hoạch tập huấn, báo cáo, hoàn thiện hồ sơ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	5	
2	**Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**10**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2,00	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,00	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ *(lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư).* - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,00	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	80	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	80	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	80	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
4	Máy chiếu	Chiếc	01	80	

3. Định mức vật tư:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công				
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ	30	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Hội trường	Ngày	10	
2	Phương tiện đi lại	Chuyến		
2.1	Xe đưa, rước giảng viên	Chuyến	10	Xe 07 chỗ, Loại thông dụng trên thị trường
2.2	Xe đưa rước học viên đi tham quan	Chuyến	-	Xe 42 chỗ, Loại thông dụng trên thị trường
3	Photocopy tài liệu	Tờ	900	Loại thông dụng trên thị trường

VII. XÂY DỰNG TÀI LIỆU TẬP HUẤN KHUYẾN NÔNG (DƯỚI 50 TRANG A4)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Xây dựng tài liệu tập huấn khuyến nông (dưới 50 trang A4).**

2. Mã dịch vụ sự nghiệp công: **TLKN-01.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Đối tượng sử dụng: đối tượng chuyển giao và đối tượng nhận chuyển giao, các tổ chức, cá nhân quan tâm.

5. Nội dung: biên soạn đề cương, tài liệu tập huấn khuyến nông.

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
	Định mức lao động	**63**	
1	**Định mức LĐTT có chuyên môn**	**47**	
	Công xây dựng đề cương tài liệu và khung báo cáo các hợp phần, nội dung khảo sát thực địa. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	9	
	Công thu thập tài liệu. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	
	Công khảo sát thực tế. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	7	
	Công xử lý số liệu. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	7	
	Công biên soạn: Thành viên biên soạn. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	18	
	Công biên soạn: Kỹ thuật viên hỗ trợ, sưu tập, photo, đánh máy. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	
2	**Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**16**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3,20	= 20% định mức LĐGT.

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	128	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	128	

3. Định mức vật tư:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công				
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường	

VIII. XÂY DỰNG TÀI LIỆU TẬP HUẤN KHUYẾN NÔNG (DƯỚI 100 TRANG A4)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Xây dựng tài liệu tập huấn khuyến nông (dưới 100 trang A4)**

2. Mã dịch vụ sự nghiệp công: **TLKN-02.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Đối tượng sử dụng: đối tượng chuyển giao và đối tượng nhận chuyển giao, các tổ chức, cá nhân quan tâm.

5. Nội dung: biên soạn đề cương, tài liệu tập huấn khuyến nông.

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
	Định mức lao động	**117**	
1	**Định mức LĐTT có chuyên môn**	**88**	
	Công xây dựng đề cương tài liệu và khung báo cáo các hợp phần, nội dung khảo sát thực địa. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	16	
	Công thu thập tài liệu. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	
	Công khảo sát thực tế. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	13	
	Công xử lý số liệu. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	13	
	Công biên soạn: Thành viên biên soạn. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	34	
	Công biên soạn: Kỹ thuật viên hỗ trợ, sưu tập, photo, đánh máy. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	
2	**Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**29**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,80	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,60	= 40% định mức LĐGT.

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,60	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	232	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	232	

3. Định mức vật tư:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công				
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường	

IX. XÂY DỰNG TÀI LIỆU TẬP HUẤN KHUYẾN NÔNG (DƯỚI 150 TRANG A4)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Xây dựng tài liệu tập huấn khuyến nông (dưới 150 trang A4).**

2. Mã dịch vụ sự nghiệp công: **TLKN-03.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Đối tượng sử dụng: đối tượng chuyển giao và đối tượng nhận chuyển giao, các tổ chức, cá nhân quan tâm.

5. Nội dung: biên soạn đề cương, tài liệu tập huấn khuyến nông.

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
	Định mức lao động	**148**	
1	**Định mức LĐTT có chuyên môn**	**111**	
	Công xây dựng đề cương tài liệu và khung báo cáo các hợp phần, nội dung khảo sát thực địa. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	18	
	Công thu thập tài liệu. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	8	
	Công khảo sát thực tế. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	16	
	Công xử lý số liệu. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	16	
	Công biên soạn: Thành viên biên soạn. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	45	
	Công biên soạn: Kỹ thuật viên hỗ trợ, sưu tập, photo, đánh máy. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	8	
2	**Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**37**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	7,40	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	14,80	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	14,80	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	296	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	296	

3. Định mức vật tư:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công				
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường	

X. XÂY DỰNG TÀI LIỆU TẬP HUẤN KHUYẾN NÔNG (KHÔNG QUÁ 200 TRANG A4)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Xây dựng tài liệu tập huấn khuyến nông (không quá 200 trang A4).**

2. Mã dịch vụ sự nghiệp công: **TLKN-04.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Đối tượng sử dụng: đối tượng chuyển giao và đối tượng nhận chuyển giao, các tổ chức, cá nhân quan tâm.

5. Nội dung: biên soạn đề cương, tài liệu tập huấn khuyến nông.

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
	Định mức lao động	**180**	
1	**Định mức LĐTT có chuyên môn**	**135**	

STT	Định mức lao động thực hiện các nội dung của dịch vụ công	Định mức (công)	Ghi chú
	Công xây dựng đề cương tài liệu và khung báo cáo các hợp phần, nội dung khảo sát thực địa. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20	
	Công thu thập tài liệu. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10	
	Công khảo sát thực tế. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20	
	Công xử lý số liệu. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20	
	Công biên soạn: Thành viên biên soạn. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	55	
	Công biên soạn: Kỹ thuật viên hỗ trợ, sưu tập, photo, đánh máy. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	10	
2	**Định mức LĐGT (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**45**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,00	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	18,00	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	18,00	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	360	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
2	Máy in	Chiếc	01	360	Loại thông dụng trên thị trường

3. Định mức vật tư:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công				
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục III
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ HÌNH/DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN 1. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT 1

Mục I: Cây lương thực 1

1. Mô hình sản xuất lúa 1

2. Mô hình sản xuất lúa sử dụng khoáng tự nhiên phun bằng dây bay 7

3. Mô hình sản xuất cây bắp 11

4. Mô hình sản xuất khoai mì an toàn 16

Mục II: Cây ăn trái 20

1. Mô hình trồng, thâm canh cây sầu riêng 20

2. Mô hình trồng, thâm canh cây vú sữa 25

3. Mô hình trồng, thâm canh cây xoài 31

4. Mô hình trồng, thâm canh cây có múi 38

5. Mô hình trồng, thâm canh cây thanh long 51

6. Mô hình trồng, thâm canh cây khóm 57

7. Mô hình trồng, thâm canh cây mãng cầu 63

8. Mô hình trồng, thâm canh cây mít 69

9. Mô hình trồng, thâm canh cây sơ ri 74

10. Mô hình trồng, thâm canh cây chôm chôm 80

11. Mô hình trồng, thâm canh cây nhãn 85

12. Mô hình trồng, thâm canh cây măng cụt 90

13. Mô hình trồng, thâm canh cây chanh dây 95

14. Mô hình trồng, thâm canh cây sapo 100

15. Mô hình trồng, thâm canh cây ca cao 105

16. Mô hình trồng, thâm canh cây ổi 110

17. Mô hình trồng, thâm canh cây mận 116

18. Mô hình trồng, thâm canh cây đu đủ 121

19. Mô hình trồng, thâm canh cây gấc 126

20. Mô hình trồng, thâm canh cây bơ 131

21. Mô hình trồng, thâm canh cây dừa 136

22. Mô hình trồng, thâm canh cây na 142

23. Mô hình trồng, thâm canh cây táo 147

24. Mô hình trồng, thâm canh cây cà na 152

25. Mô hình trồng, thâm canh cây cóc 156
26. Mô hình trồng, thâm canh cây dâu 160
27. Mô hình trồng, thâm canh cây bòn bon 165
28. Mô hình trồng, thâm canh cây cau 170
29. Mô hình trồng, thâm canh cây lêkima 175
30. Mô hình trồng, thâm canh cây thanh trà 180
31. Mô hình trồng, thâm canh cây chuối 185
Mục III: Cây rau 190
1. Mô hình sản xuất cây ăn củ 190
2. Mô hình sản xuất nhóm cây họ đậu 196
3. Mô hình sản xuất rau ăn lá 201
4. Mô hình sản xuất rau ăn quả 206
5. Mô hình sản xuất rau gia vị, rau khác 211
6. Mô hình sản xuất cây sả 220
7. Mô hình sản xuất cây kiệu 224
8. Mô hình sản xuất củ hành tím 229
9. Mô hình sản xuất măng tây 233
10. Mô hình sản xuất dưa hấu 239
11. Mô hình sản xuất dưa lê dưa lưới 243
12. Mô hình ứng dụng giá thể trồng rau trong nhà màng nhà lưới 248
13. Mô hình sản xuất cây sen 255
Mục IV: Cây nấm 260
1. Mô hình sản xuất nấm rơm 260
2. Mô hình sản xuất nấm mèo, bào ngư 263
3. Mô hình sản xuất nấm linh chi 267
4. Mô hình sản xuất nấm mối đen 271
5. Mô hình sản xuất nấm sò 275
6. Mô hình sản xuất nấm mộc nhĩ 279
7. Mô hình sản xuất nấm hương 283
8. Mô hình sản xuất nấm đùi gà, kim châm 287
Mục V: Cây hoa - kiểng 291
1. Mô hình sản xuất hoa cúc (cúc hà lan, cúc vàng hòe,…) 291
2. Mô hình sản xuất cúc mâm xôi 295
3. Mô hình sản xuất huệ trắng 299

4. Mô hình sản xuất vạn thọ 303
5. Mô hình sản xuất cát tường 307
6. Mô hình sản xuất hoa lan (mokara, dendrobium) 311
7. Mô hình sản xuất hoa hồng 315
8. Mô hình sản xuất hoa đồng tiền 319
9. Mô hình sản xuất hoa lily 323
10. Mô hình sản xuất mai vàng 327
11. Mô hình sản xuất mai nu gò công 331
12. Mô hình sản xuất mai chiếu thủy 335
13. Mô hình sản xuất kiểng lá (trầu bà, ngũ gia bì, phú quý, lưỡi hổ, dạ lan thanh, …) 339

PHẦN 2. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI 343

1. Mô hình chăn nuôi heo thương phẩm 343
2. Mô hình chăn nuôi heo sinh sản 348
3. Mô hình chăn nuôi gà thương phẩm 352
4. Mô hình chăn nuôi gà sinh sản 356
5. Mô hình chăn nuôi vịt thương phẩm 360
6. Mô hình chăn nuôi vịt sinh sản 364
7. Mô hình chăn nuôi chim cút sinh sản 368
8. Mô hình chăn nuôi đà điểu thương phẩm 372
9. Mô hình chăn nuôi đà điểu sinh sản 376
10. Mô hình chăn nuôi bồ câu 380
11. Mô hình chăn nuôi trâu, bò sinh sản 383
12. Mô hình chăn nuôi trâu, bò thương phẩm 387
13. Mô hình chăn nuôi vỗ béo trâu, bò 390
14. Mô hình chăn nuôi bò sữa 394
15. Mô hình cải tạo trâu bò bằng thụ tinh nhân tạo 398
16. Mô hình chăn nuôi dê, cừu thương phẩm 401
17. Mô hình chăn nuôi dê, cừu sinh sản 405
18. Mô hình chăn nuôi dê sữa thương phẩm 408
19. Mô hình chăn nuôi thỏ thương phẩm 412
20. Mô hình chăn nuôi thỏ sinh sản 415
21. Mô hình chăn nuôi ong 418
22. Mô hình chăn nuôi chồn hương (cầy vòi hương) sinh sản 422

23. Mô hình chăn nuôi hươu sinh sản....426
24. Mô hình chăn nuôi hươu lấy nhung....430
25. Mô hình chăn nuôi nhím sinh sản....434
26. Mô hình chăn nuôi nhím thịt....438
27. Mô hình nuôi dúi thương phẩm....442
28. Mô hình nuôi dúi sinh sản....446
29. Mô hình nuôi vịt trời thương phẩm....449
30. Mô hình nuôi trùn quế....453
31. Trồng, chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh....456
32. Mô hình nuôi ruồi lính đen....460

PHẦN 3. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG LĨNH VỰC THỦY SẢN....463

1. Mô hình ương cá tra giống....463
2. Nuôi tôm càng xanh toàn đực hai giai đoạn....467
3. Mô hình nuôi tôm càng xanh theo tiêu chuẩn hữu cơ....470
4. Mô hình nuôi tôm càng xanh thâm canh trong ao....474
5. Mô hình nuôi tôm càng xanh bán thâm canh trong ao....478
6. Mô hình nuôi luân canh tôm càng xanh – lúa....481
7. Mô hình nuôi xen canh tôm càng xanh – lúa....485
8. Mô hình nuôi cá - lúa....489
9. Mô hình nuôi xen canh chạch đồng và cua đồng trong ruộng lúa....493
10. Mô hình nuôi cá rô phi/điêu hồng trong lồng bè....497
11. Mô hình nuôi cá rô phi/điêu hồng thâm canh trong ao....500
12. Mô hình nuôi cá rô phi/điêu hồng bán thâm canh trong ao....504
13. Mô hình nuôi ghép cá rô phi/điêu hồng là chính trong ao/hồ....508
14. Mô hình nuôi cá trắm đen trong ao/hồ....512
15. Mô hình nuôi cá trắm đen trong lồng bè....516
16. Mô hình nuôi cá trắm cỏ trong lồng bè....520
17. Mô hình nuôi ghép cá trắm cỏ là chính trong ao hồ....523
18. Mô hình nuôi cá chim trắng trong ao hồ....527
19. Mô hình nuôi cá lóc bông trong lồng bè....531
20. Mô hình nuôi cá lóc bông trong ao hồ....535
21. Mô hình nuôi cá lóc đen trong ao....539
22. Mô hình nuôi cá bống tượng trong ao/hồ....542

23. Mô hình nuôi cá bống tượng trong bể 545
24. Mô hình nuôi cá thát lát trong lồng bè..... 548
25. Mô hình nuôi cá thát lát trong ao/hồ..... 551
26. Mô hình nuôi cá sặc rằn trong ao/hồ 555
27. Mô hình nuôi cá rô đồng trong ao/hồ 559
28. Mô hình nuôi ghép cá chép là chính trong ao/hồ 563
29. Mô hình nuôi trê trong ao/hồ..... 567
30. Mô hình nuôi cá tra/basa trong ao/hồ 571
31. Mô hình nuôi cá nheo mỹ trong lồng bè..... 575
32. Mô hình nuôi cá lăng nha trong lồng bè..... 579
33. Mô hình nuôi cá lăng chấm trong lồng bè..... 582
34. Mô hình nuôi cá lăng chấm trong ao hồ 586
35. Mô hình nuôi cá chình nước ngọt trong bể..... 590
36. Mô hình nuôi cá chình nước ngọt trong lồng bè 593
37. Mô hình nuôi cá dứa/cá tra bần trong ao 596
38. Mô hình nuôi cá chạch đồng trong ao 600
39. Mô hình nuôi cá chạch lấu trong vèo 603
40. Mô hình nuôi cá chạch lấu công nghệ cao/tuần hoàn nước..... 607
41. Mô hình nuôi cá tai tượng trong ao 610
42. Mô hình nuôi lươn trong bể..... 613
43. Mô hình nuôi lươn trong bể công nghệ cao/tuần hoàn..... 616
44. Mô hình nuôi ếch trong bể/lồng bè..... 620
45. Mô hình nuôi ba ba trong bể..... 623
46. Mô hình cá chép nhật trong ao 626
47. Mô hình nuôi cá trắm giòn trong lồng bè..... 629
48. Mô hình nuôi cá trắm giòn trong ao hồ 633
49. Mô hình ương cá linh ống (C*irhinus jullieni*) trong ao (giai đoạn từ cá hương lên cá thương phẩm)..... 636
50. Mô hình nuôi cá heo đuôi đỏ (*Botia modesta)* trong lồng/bè..... 640
51. Mô hình nuôi cá heo đuôi đỏ (*Botia modesta*) trong ao 644
52. Mô hình nuôi cá chốt (*Mystus mysticetus*) trong ao 648
53. Mô hình nuôi ốc bươu trong ao hồ 652
54. Mô hình nuôi ốc bươu trong bể/bạt 655
55. Mô hình nuôi tôm sú theo tiêu chuẩn hữu cơ 659
56. Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh 663

57. Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng hai giai đoạn 667
58. Mô hình ương tôm sú trong ao 671
59. Mô hình nuôi tôm sú thâm canh hai giai đoạn 675
60. Mô hình nuôi tôm sú thâm canh trong ao 679
61. Mô hình nuôi tôm sú bán thâm canh 683
62. Mô hình nuôi tôm sú quảng canh cải tiến 687
63. Mô hình nuôi tôm sú hai giai đoạn - lúa 691
64. Mô hình nuôi tôm sú luân canh (1 vụ tôm, 1 vụ lúa) 695
65. Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng theo tiêu chuẩn hữu cơ 699
66. Mô hình nuôi ốc hương trong ao/hồ 703
67. Mô hình nuôi ốc hương trong bể 706
68. Mô hình nuôi hàu trong lồng 710
69. Mô hình ương nghêu giống từ cấp I lên cấp II 714
70. Mô hình nuôi nghêu bãi triều 718
71. Mô hình nuôi vỗ béo nghêu trong ao 722
72. Mô hình nuôi sò huyết bãi triều 726
73. Mô hình nuôi vỗ béo sò huyết trong ao 730
74. Mô hình nuôi cua biển trong ao 734
75. Mô hình nuôi cua biển 02 giai đoạn 737
76. Mô hình ghép tôm – cua biển 741
77. Mô hình ghép tôm – cua biển – cá đối mục 744
78. Mô hình nuôi cá chim vây vàng/cá măng trong ao 747
79. Mô hình nuôi cá đối mục 751
80. Mô hình nuôi cá đối mục – tôm sú 755
81. Mô hình nuôi cá nâu trong ao 759
82. Mô hình nuôi cá chẽm/cá hồng mỹ/cá hồng đỏ/cá tráp vàng trong ao 763
83. Mô hình nuôi cá bống bớp thương phẩm bằng thức ăn công nghiệp 767
84. Mô hình khai thác ghẹ bằng lồng bẫy 771
85. Mô hình lưới rê 3 lớp cải tiến khai thác xa bờ 775
86. Mô hình ứng dụng các trang thiết bị hàng hải trên tàu khai thác hải sản xa bờ và tàu dịch vụ hậu cần nghề cá 778
87. Mô hình sử dụng đèn led chuyên dụng cho tàu lưới vây kết hợp ánh sáng đánh bắt ở vùng biển khơi 782
88. Mô hình ứng dụng đèn led cho nghề lưới chụp khai thác vùng khơi 786
89. Mô hình nhật ký điện tử trên tàu cá 790

90. Mô hình bảo quản sản phẩm trên tàu khai thác hải sản xa bờ 793
91. Mô hình hầm bảo quản trên tàu khai thác hải sản xa bờ và tàu dịch vụ hậu cần nghề cá bằng công nghệ sử dụng vật liệu CPF 797
92. Mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học trong chế biến nước mắm..... 801

DANH MỤC ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG

Mã dịch vụ	Tên sản phẩm, dịch vụ
	Phần 1 ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT
	Mục I: CÂY LƯƠNG THỰC
MHTT-01	1. Mô hình sản xuất lúa
MHTT-02	2. Mô hình sản xuất lúa sử dụng khoáng tự nhiên phun bằng dây bay
MHTT-03	3. Mô hình sản xuất cây bắp
MHTT-04	4. Mô hình sản xuất khoai mì an toàn
	Mục II: CÂY ĂN TRÁI
MHTT-05	1. Mô hình trồng, thâm canh cây sầu riêng
MHTT-06	2. Mô hình trồng, thâm canh cây vú sữa
MHTT-07	3. Mô hình trồng, thâm canh cây xoài
MHTT-08	4. Mô hình trồng, thâm canh cây có múi
MHTT-09	5. Mô hình trồng, thâm canh cây thanh long
MHTT-10	6. Mô hình trồng, thâm canh cây khóm
MHTT-11	7. Mô hình trồng, thâm canh cây mãng cầu
MHTT-12	8. Mô hình trồng, thâm canh cây mít
MHTT-13	9. Mô hình trồng, thâm canh cây sơ ri
MHTT-14	10. Mô hình trồng, thâm canh cây chôm chôm
MHTT-15	11. Mô hình trồng, thâm canh cây nhãn
MHTT-16	12. Mô hình trồng, thâm canh cây măng cụt

Mã dịch vụ	Tên sản phẩm, dịch vụ
MHTT-17	13. Mô hình trồng, thâm canh cây chanh dây
MHTT-18	14. Mô hình trồng, thâm canh cây sapo
MHTT-19	15. Mô hình trồng, thâm canh cây ca cao
MHTT-20	16. Mô hình trồng, thâm canh cây ổi
MHTT-21	17. Mô hình trồng, thâm canh cây mận
MHTT-22	18. Mô hình trồng, thâm canh cây đu đủ
MHTT-23	19. Mô hình trồng, thâm canh cây gấc
MHTT-24	20. Mô hình trồng, thâm canh cây bơ
MHTT-25	21. Mô hình trồng, thâm canh cây dừa
MHTT-26	22. Mô hình trồng, thâm canh cây na
MHTT-27	23. Mô hình trồng, thâm canh cây táo
MHTT-28	24. Mô hình trồng, thâm canh cây cà na
MHTT-29	25. Mô hình trồng, thâm canh cây cóc
MHTT-30	26. Mô hình trồng, thâm canh cây dâu
MHTT-31	27. Mô hình trồng, thâm canh cây bòn bon
MHTT-32	28. Mô hình trồng, thâm canh cây cau
MHTT-33	29. Mô hình trồng, thâm canh cây lêkima
MHTT-34	30. Mô hình trồng, thâm canh cây thanh trà
MHTT-35	31. Mô hình trồng, thâm canh cây chuối
	Mục III: CÂY RAU
MHTT-36	1. Mô hình sản xuất cây ăn củ

Mã dịch vụ	Tên sản phẩm, dịch vụ
MHTT-37	2. Mô hình sản xuất nhóm cây họ đậu
MHTT-38	3. Mô hình sản xuất rau ăn lá
MHTT-39	4. Mô hình sản xuất rau ăn quả
MHTT-40	5. Mô hình sản xuất rau gia vị, rau khác
MHTT-41	6. Mô hình sản xuất cây sả
MHTT-42	7. Mô hình sản xuất cây kiệu
MHTT-43	8. Mô hình sản xuất củ hành tím
MHTT-44	9. Mô hình sản xuất măng tây
MHTT-45	10. Mô hình sản xuất dưa hấu
MHTT-46	11. Mô hình sản xuất dưa lê dưa lưới
MHTT-47	12. Mô hình ứng dụng giá thể trồng rau trong nhà màng nhà lưới
MHTT-48	13. Mô hình sản xuất cây sen
	Mục IV: CÂY NẤM
MHTT-49	1. Mô hình sản xuất nấm rơm
MHTT-50	2. Mô hình sản xuất nấm mèo, bào ngư
MHTT-51	3. Mô hình sản xuất nấm linh chi
MHTT-52	4. Mô hình sản xuất nấm mối đen
MHTT-53	5. Mô hình sản xuất nấm sò
MHTT-54	6. Mô hình sản xuất nấm mộc nhĩ
MHTT-55	7. Mô hình sản xuất nấm hương
MHTT-56	8. Mô hình sản xuất nấm đùi gà, kim châm

Mã dịch vụ	Tên sản phẩm, dịch vụ
	Mục V: CÂY HOA - KIỂNG
MHTT-57	1. Mô hình sản xuất hoa cúc (cúc hà lan, cúc vàng hòe,…)
MHTT-58	2. Mô hình sản xuất cúc mâm xôi
MHTT-59	3. Mô hình sản xuất huệ trắng
MHTT-60	4. Mô hình sản xuất vạn thọ
MHTT-61	5. Mô hình sản xuất cát tường
MHTT-62	6. Mô hình sản xuất hoa lan (mokara, dendrobium)
MHTT-63	7. Mô hình sản xuất hoa hồng
MHTT-64	8. Mô hình sản xuất hoa đồng tiền
MHTT-65	9. Mô hình sản xuất hoa lily
MHTT-66	10. Mô hình sản xuất mai vàng
MHTT-67	11. Mô hình sản xuất mai nu gò công
MHTT-68	12. Mô hình sản xuất mai chiếu thủy
MHTT-69	13. Mô hình sản xuất kiểng lá (trầu bà, ngũ gia bì, phú quý, lưỡi hổ, dạ lan thanh, …)
	Phần 2 ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI
MHCN-01	1. Mô hình chăn nuôi heo thương phẩm
MHCN-02	2. Mô hình chăn nuôi heo sinh sản
MHCN-03	3. Mô hình chăn nuôi gà thương phẩm
MHCN-04	4. Mô hình chăn nuôi gà sinh sản
MHCN-05	5. Mô hình chăn nuôi vịt thương phẩm
MHCN-06	6. Mô hình chăn nuôi vịt sinh sản

Mã dịch vụ	Tên sản phẩm, dịch vụ
MHCN-07	7. Mô hình chăn nuôi chim cút sinh sản
MHCN-08	8. Mô hình chăn nuôi đà điểu thương phẩm
MHCN-09	9. Mô hình chăn nuôi đà điểu sinh sản
MHCN-10	10. Mô hình chăn nuôi bồ câu
MHCN-11	11. Mô hình chăn nuôi trâu, bò sinh sản
MHCN-12	12. Mô hình chăn nuôi trâu, bò thương phẩm
MHCN-13	13. Mô hình chăn nuôi vỗ béo trâu, bò
MHCN-14	14. Mô hình chăn nuôi bò sữa
MHCN-15	15. Mô hình cải tạo trâu bò bằng thụ tinh nhân tạo
MHCN-16	16. Mô hình chăn nuôi dê, cừu thương phẩm
MHCN-17	17. Mô hình chăn nuôi dê, cừu sinh sản
MHCN-18	18. Mô hình chăn nuôi dê sữa thương phẩm
MHCN-19	19. Mô hình chăn nuôi thỏ thương phẩm
MHCN-20	20. Mô hình chăn nuôi thỏ sinh sản
MHCN-21	21. Mô hình chăn nuôi ong
MHCN-22	22. Mô hình chăn nuôi chồn hương (cầy vòi hương) sinh sản (paradoxurus hermaphroditus)
MHCN-23	23. Mô hình chăn nuôi hươu sinh sản
MHCN-24	24. Mô hình chăn nuôi hươu lấy nhung
MHCN-25	25. Mô hình chăn nuôi nhím sinh sản (nhím bờm – hystrix brachyura)
MHCN-26	26. Mô hình chăn nuôi nhím thịt
MHCN-27	27. Mô hình nuôi dúi thương phẩm (dúi mốc lớn-rhizomys pruinosus)

Mã dịch vụ	Tên sản phẩm, dịch vụ
MHCN-28	28. Mô hình nuôi dúi sinh sản (dúi mốc lớn-rhizomys pruinosus)
MHCN-29	29. Mô hình nuôi vịt trời thương phẩm
MHCN-30	30. Mô hình nuôi trùn quế
MHCN-31	31. Trồng, chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh
MHCN-32	32. Mô hình nuôi ruồi lính đen
	Phần 3 ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG LĨNH VỰC THỦY SẢN
MHTS-01	1. Mô hình ương cá tra giống
MHTS-02	2. Nuôi tôm càng xanh toàn đực hai giai đoạn
MHTS-03	3. Mô hình nuôi tôm càng xanh theo tiêu chuẩn hữu cơ
MHTS-04	4. Mô hình nuôi tôm càng xanh thâm canh trong ao
MHTS-05	5. Mô hình nuôi tôm càng xanh bán thâm canh trong ao
MHTS-06	6. Mô hình nuôi luân canh tôm càng xanh – lúa
MHTS-07	7. Mô hình nuôi xen canh tôm càng xanh – lúa
MHTS-08	8. Mô hình nuôi cá - lúa
MHTS-09	9. Mô hình nuôi xen canh chạch đồng và cua đồng trong ruộng lúa
MHTS-10	10. Mô hình nuôi cá rô phi/điêu hồng trong lồng bè
MHTS-11	11. Mô hình nuôi cá rô phi/điêu hồng thâm canh trong ao
MHTS-12	12. Mô hình nuôi cá rô phi/điêu hồng bán thâm canh trong ao
MHTS-13	13. Mô hình nuôi ghép cá rô phi/điêu hồng là chính trong ao/hồ
MHTS-14	14. Mô hình nuôi cá trắm đen trong ao/hồ
MHTS-15	15. Mô hình nuôi cá trắm đen trong lồng bè

Mã dịch vụ	Tên sản phẩm, dịch vụ
MHTS-16	16. Mô hình nuôi cá trắm cỏ trong lồng bè
MHTS-17	17. Mô hình nuôi ghép cá trắm cỏ là chính trong ao hồ
MHTS-18	18. Mô hình nuôi cá chim trắng trong ao hồ
MHTS-19	19. Mô hình nuôi cá lóc bông trong lồng bè
MHTS-20	20. Mô hình nuôi cá lóc bông trong ao hồ
MHTS-21	21. Mô hình nuôi cá lóc đen trong ao
MHTS-22	22. Mô hình nuôi cá bống tượng trong ao/hồ
MHTS-23	23. Mô hình nuôi cá bống tượng trong bể
MHTS-24	24. Mô hình nuôi cá thát lát trong lồng bè
MHTS-25	25. Mô hình nuôi cá thát lát trong ao/hồ
MHTS-26	26. Mô hình nuôi cá sặc rằn trong ao/hồ
MHTS-27	27. Mô hình nuôi cá rô đồng trong ao/hồ
MHTS-28	28. Mô hình nuôi ghép cá chép là chính trong ao/hồ
MHTS-29	29. Mô hình nuôi trê trong ao/hồ
MHTS-30	30. Mô hình nuôi cá tra/basa trong ao/hồ
MHTS-31	31. Mô hình nuôi cá nheo mỹ trong lồng bè
MHTS-32	32. Mô hình nuôi cá lăng nha trong lồng bè
MHTS-33	33. Mô hình nuôi cá lăng chấm trong lồng bè
MHTS-34	34. Mô hình nuôi cá lăng chấm trong ao hồ
MHTS-35	35. Mô hình nuôi cá chình nước ngọt trong bể
MHTS-36	36. Mô hình nuôi cá chình nước ngọt trong lồng bè

Mã dịch vụ	Tên sản phẩm, dịch vụ
MHTS-37	37. Mô hình nuôi cá dứa/cá tra bần trong ao
MHTS-38	38. Mô hình nuôi cá chạch đồng trong ao
MHTS-39	39. Mô hình nuôi cá chạch lấu trong vèo
MHTS-40	40. Mô hình ương cá chạch lấu giống
MHTS-41	41. Mô hình nuôi cá chạch lấu công nghệ cao/tuần hoàn nước
MHTS-42	42. Mô hình nuôi cá tai tượng trong ao
MHTS-43	43. Mô hình nuôi lươn trong bể
MHTS-44	44. Mô hình nuôi ếch trong bể/lồng bè
MHTS-45	45. Mô hình nuôi ba ba trong bể
MHTS-46	46. Mô hình cá chép nhật trong ao
MHTS-47	47. Mô hình nuôi cá trắm giòn trong lồng bè
MHTS-48	48. Mô hình nuôi cá trắm giòn trong ao hồ
MHTS-49	49. Mô hình ương cá linh ống (cirhinus jullieni) trong ao (giai đoạn từ cá hương lên cá thương phẩm)
MHTS-50	50. Mô hình nuôi cá heo đuôi đỏ (botia modesta) trong lồng/bè
MHTS-51	51. Mô hình nuôi cá heo đuôi đỏ (botia modesta) trong ao
MHTS-52	52. Mô hình nuôi cá chốt (mystus mysticetus) trong ao
MHTS-53	53. Mô hình nuôi ốc bươu trong ao hồ
MHTS-54	54. Mô hình nuôi ốc bươu trong bể/bạt
MHTS-55	55. Mô hình nuôi tôm sú theo tiêu chuẩn hữu cơ
MHTS-56	56. Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh
MHTS-57	57. Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng hai giai đoạn

Mã dịch vụ	Tên sản phẩm, dịch vụ
MHTS-58	58. Mô hình ương tôm sú trong ao
MHTS-59	59. Mô hình nuôi tôm sú thâm canh hai giai đoạn
MHTS-60	60. Mô hình nuôi tôm sú thâm canh trong ao
MHTS-61	61. Mô hình nuôi tôm sú bán thâm canh
MHTS-62	62. Mô hình nuôi tôm sú quảng canh cải tiến
MHTS-63	63. Mô hình nuôi tôm sú hai giai đoạn - lúa
MHTS-64	64. Mô hình nuôi tôm sú luân canh (1 vụ tôm, 1 vụ lúa)
MHTS-65	65. Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng theo tiêu chuẩn hữu cơ
MHTS-66	66. Mô hình nuôi ốc hương trong ao/hồ
MHTS-67	67. Mô hình nuôi ốc hương trong bể
MHTS-68	68. Mô hình nuôi hàu trong lồng
MHTS-69	69. Mô hình ương nghêu giống từ cấp i lên cấp ii
MHTS-70	70. Mô hình nuôi nghêu bãi triều
MHTS-71	71. Mô hình nuôi vỗ béo nghêu trong ao
MHTS-72	72. Mô hình nuôi sò huyết bãi triều
MHTS-73	73. Mô hình nuôi vỗ béo sò huyết trong ao
MHTS-74	74. Mô hình nuôi cua biển trong ao
MHTS-75	75. Mô hình nuôi cua biển 02 giai đoạn
MHTS-76	76. Mô hình ghép tôm – cua biển
MHTS-77	77. Mô hình ghép tôm – cua biển – cá đối mục
MHTS-78	78. Mô hình nuôi cá chim vây vàng/cá măng trong ao

Mã dịch vụ	Tên sản phẩm, dịch vụ
MHTS-79	79. Mô hình nuôi cá đối mục
MHTS-80	80. Mô hình nuôi cá đối mục – tôm sú
MHTS-81	81. Mô hình nuôi cá nâu trong ao
MHTS-82	82. Mô hình nuôi cá chẽm/cá hồng mỹ/cá hồng đỏ/cá tráp vàng trong ao
MHTS-83	83. Mô hình nuôi cá bống bớp thương phẩm bằng thức ăn công nghiệp
MHTS-84	84. Mô hình khai thác ghẹ bằng lồng bẫy
MHTS-85	85. Mô hình lưới rê 3 lớp cải tiến khai thác xa bờ
MHTS-86	86. Mô hình ứng dụng các trang thiết bị hàng hải trên tàu khai thác hải sản xa bờ và tàu dịch vụ hậu cần nghề cá
MHTS-87	87. Mô hình sử dụng đèn led chuyên dụng cho tàu lưới vây kết hợp ánh sáng đánh bắt ở vùng biển khơi
MHTS-88	88. Mô hình ứng dụng đèn led cho nghề lưới chụp khai thác vùng khơi
MHTS-89	89. Mô hình nhật ký điện tử trên tàu cá
MHTS-90	90. Mô hình bảo quản sản phẩm trên tàu khai thác hải sản xa bờ
MHTS-91	91. Mô hình hầm bảo quản trên tàu khai thác hải sản xa bờ và tàu dịch vụ hậu cần nghề cá bằng công nghệ sử dụng vật liệu cpf
MHTS-92	92. Mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học trong chế biến nước mắm

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Nội dung	Ký hiệu viết tắt
1	Kinh tế - kỹ thuật	KTKT
2	Dịch vụ công	DVC
3	Lao động trực tiếp	LĐTT
4	Lao động gián tiếp	LĐGT

Phần 1
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT
Mục I:
CÂY LƯƠNG THỰC

1. MÔ HÌNH SẢN XUẤT LÚA

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình Sản xuất lúa.**

2. Mã dịch vụ: **MHTT-01.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Sản xuất lúa giống (từ cấp xác nhận trở lên)	05	20
2	MH Sản xuất lúa thương phẩm ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật	05	20
3	MH Sản xuất lúa chất lượng cao, giảm phát thải	05	50
4	MH Sản xuất lúa theo GAP	05	20
5	MH Sản xuất lúa hữu cơ	12	20

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động	Định mức (công)					Ghi chú
		Lúa thuần	Lúa thương phẩm	Chất lượng cao, phát thải thấp	GAP	Hữu cơ	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**20**	**20**	**20**	**20**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	20	20	20	20	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	**100**	**100**	**124**	**161**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	**75**	**75**	**93**	**121**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung *(nhu cầu địa phương,*	2	2	2	2	2	

STT	Định mức lao động	Định mức (công)					Ghi chú
		Lúa thuần	Lúa thương phẩm	Chất lượng cao, phát thải thấp	GAP	Hữu cơ	
	thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên						
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	2	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	1	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	6	6	6	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	2	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	24	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	3	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	2	2	

STT	Định mức lao động	Định mức (công)					Ghi chú
		Lúa thuần	Lúa thương phẩm	Chất lượng cao, phát thải thấp	GAP	Hữu cơ	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	-	-	6	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	-	-	12	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	20	20	20	20	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	4	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	4	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	2	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	2	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	1	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**25**	**25**	**25**	**31**	**40**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách)	5.00	5.00	5.00	6.20	8.00	= 20% định

STT	Định mức lao động	Định mức (công)					Ghi chú
		Lúa thuần	Lúa thương phẩm	Chất lượng cao, phát thải thấp	GAP	Hữu cơ	
	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.						mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành *(lãnh đạo phòng, trại)* - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10.00	10.00	10.00	12.4	16.00	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ *(lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư).* - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10.00	10.00	10.00	12.4	16.00	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Lúa thuần	Lúa thương phẩm	Chất lượng cao, phát thải thấp	GAP	Hữu cơ	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**							
1	Máy làm đất	Máy	01	01	01	01	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật của mô hình/dự án
2	Khâu gieo cấy	Máy						
	Thiết bị sạ (hàng/cụm)		01	01	01	01	01	
	Máy trộn đất		01	01	01	01	01	
	Máy gieo hạt		01	01	01	01	01	
	Máy cấy		01	01	01	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	01	01		
4	Máy gặt đập liên hợp	Máy	01	01	01	01	01	
5	Máy thu gom rơm	Máy			01			
6	Máy đo khí Metan (CH_4), khí cacbonic (CO_2)	Máy			01			

STT	Nội dung	ĐVT	Lúa thuần	Lúa thương phẩm	Chất lượng cao, phát thải thấp	GAP	Hữu cơ	Tiêu chuẩn, chất lượng
7	Cảm ứng mực mước ruộng thông minh	Máy			01			
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**							
1	Bộ máy vi tính	Giờ	200	200	200	248	320	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	200	200	200	248	320	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	32	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	32	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng					Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
			Lúa thuần	Lúa thương phẩm	Chất lượng cao, phát thải thấp	GAP	Hữu cơ		
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**								Tính cho 01 ha
1	Giống	kg	50	100	70	100	80	QCVN 01-54:2011/ BNNPTNT	
2	Phân bón								
	Đạm nguyên chất (N)	kg	80	95	100	95	-	QCVN 01-189:2019/ BNNPTNT có thể sử dụng phân hỗ hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	kg	60	40	40	40	-		
	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	60	30	40	30	-		
3	Phân hữu cơ sinh học/vi sinh	kg	2.000	-	2.500	-	2.000		
4	Phân sinh học	kg	-	-	-	-	1.000		
5	Chế phẩm sinh học	kg/lít	-	10	40	10	-		
6	Vôi bột	kg	-	-	300	-	-		
7	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	1.000	1.000	1.000	-	Đảm bảo	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng					Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
			Lúa thuần	Lúa thương phẩm	Chất lượng cao, phát thải thấp	GAP	Hữu cơ		
								yêu cầu chất lượng theo quy định hiện hành và theo quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
8	Thuốc phòng trừ sâu, bệnh thảo mộc, sinh học	1.000đ	-	-	-	-	600		
9	Vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ sản xuất							Theo quy trình kỹ thuật	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**								Tính trên 01 MH
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/ MH	01	01	01	01	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/ MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

2. MÔ HÌNH SẢN XUẤT LÚA SỬ DỤNG KHOÁNG TỰ NHIÊN PHUN BẰNG DÂY BAY

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình sản xuất lúa sử dụng khoáng tự nhiên phun bằng dây bay.**

2. Mã dịch vụ: **MHTT-02.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH sản xuất lúa sử dụng khoáng tự nhiên phun bằng dây bay	5	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**20**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	20	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người; - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành: - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật: Đơn xin xây dựng mô hình, hợp đồng trình diễn kỹ thuật, - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**25**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5.00	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10.00	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10.00	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy làm đất	Máy	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật của mô hình/dự án
2	Khâu gieo cấy	Máy		
	Máy sạ		01	
	Máy trộn đất		01	
	Máy gieo hạt		01	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
	Máy cấy		01	
3	Thiết bị thổi gió (phun khoáng, rãi phân	Cái	0,2	(Động cơ 2 thì, bình rãi 25 kg) 5 hecta 1 máy
4	Ống dây bay 30m	Cái	2	(Đây PE 7-8 g/m, đục lỗ 10 mm-500mm) 1 hecta 2 sợi
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	200	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	200	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				Tính cho 01 ha
1	Giống				
	Sạ lan	Kg	80	Từ cấp xác nhận trở lên	
	Sạ hàng, sạ cum	Kg	60		
2	Phân hữu cơ bổ sung vi sinh, phân hữu cơ vi sinh chứa 5x10^5 Trichoderma sp.	Kg	10	TCCS	
3	Phân trung lượng thành phần chính là canxi ≥20%	Kg	300-500		
4	Đạn nguyên chất (N)	Kg	90-100		
5	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	50-60		
6	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	30		
7	Phan trung lượng thành phần Ca 21,45% - Mg 5,43%, dạng bột mịn có chứng nhận OMRI hoặc tương đương	Kg	250-300		
8	Phân vi lượng thành phần Cu 15000 ppm, dạng bột mịn có chứng nhận OMRI hoặc tương đương	Kg	50-60		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				Tính trên 01 MH

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

3. MÔ HÌNH SẢN XUẤT CÂY BẮP

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình sản xuất cây bắp**

2. Mã dịch vụ: **MHTT-03.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Sản xuất bắp thương phẩm an toàn	04	5
2	MH sản xuất bắp rau an toàn	04	5
3	MH Sản xuất bắp thương phẩm theo GAP	04	5
4	MH sản xuất bắp rau theo GAP	04	5

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**20**	**20**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	**20**	20	5 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	**124**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	**93**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người; - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	6	

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành: - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật: Đơn xin xây dựng mô hình, hợp đồng trình diễn kỹ thuật, - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20	20	5 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**25**	**31**	**= 1/3 x LĐTT**

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,00	6,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00	12,40	= 40% định mức LĐGT
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00	12,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy gieo hạt	Máy	01	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình/dự án
2	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
3	Máy lên luống	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	200	248	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	200	248	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (Mô hình An toàn,GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				Tính cho 01 ha
1	**Sản xuất bắp thương phẩm**				
a	Giống	Kg	18	Hạt lai F1	
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	160	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp	
	Lân nguyên chất	Kg	80		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (Mô hình An toàn,GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	(P_2O_5)			với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	85		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		
	Vôi	Kg	500		
c	Thuốc BVTV	1.000đ	600	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
2	**Sản xuất bắp rau**				
a	Giống	Kg	30		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	122	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	30		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	52		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	10		
	Phân bón lá	Lít	2		
	Vôi	Kg	500		
c	Thuốc BVTV	1.000đ	600	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				Tính trên 01 MH
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**

2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

4. MÔ HÌNH SẢN XUẤT KHOAI MÌ AN TOÀN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình sản xuất khoai mì an toàn**

2. Mã dịch vụ: **MHTT-04**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Sản xuất khoai mì an toàn	10	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**123**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**93**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người; - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành:	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật: Đơn xin xây dựng mô hình, hợp đồng trình diễn kỹ thuật, - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	= 40% định mức LĐGT
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế	12,00	= 40% định mức LĐGT

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
	toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.		

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cày (rạch hàng)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình/dự án
2	Máy rạch hàng cầm tay				
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	267	320	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	267	320	
3	Máy Laptop	Giờ	36	36	
4	Máy chiếu	Giờ	36	36	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				Tính cho 01 ha
1	**Sản xuất khoai mì an toàn**				
a	Giống	hom	12.000 - 14.000	Giống sạch bệnh, tỉnh lệ nảy mầm trêm 95%	
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	140	Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	Theo QĐ726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	50		
	Kali nguyên chất (K_2O)	kg	180		
	Thuốc xử lý hom giống	1.000đ	2.000		
	Thuốc cỏ	1.000đ	2.400		
c	Thuốc BVTV	kg	04		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				Tính trên 01 MH

1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

Mục II:
CÂY ĂN TRÁI

1. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY SẦU RIÊNG

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh sầu riêng

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-05**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây sầu riêng an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây sầu riêng theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	**36**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình	4	4	

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
	khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với

2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
3	Máy phun BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1,2				
1	Giống				
	Trồng mới	cây	220	Cây giống ghép, mầm ghép ≥30cm.	
	Trồng dặm	cây	11		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	46	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	32		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	40		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	70	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	32		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
	Phân hữu cơ/sinh	Kg	3.000		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	học/vi sinh				
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	40		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

2. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY VÚ SỮA

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây vú sữa
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-06**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây vú sữa an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây vú sữa theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	**36**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình.	4	4	

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1				
1	Giống				
	- Vú sữa Lò Rèn			Cây giống ghép, mầm ghép ≥30cm.	
	Trồng mới	cây	200		
	Trồng dặm	Cây	10		
	- Vú sữa Hoàng Kim				
	Trồng mới	cây	400		
	Trồng dặm	cây	20		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	58	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	72		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	39		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	115	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	88		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	141		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	124	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	107		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	168		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	161	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	128		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	213		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
2	Túi bao trái	Túi	50.000		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

3. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY XOÀI

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây xoài

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-07**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây xoài an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây xoài theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	36	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
1	**Xoài cát Hòa Lộc**				
	Năm thứ 1,2				
a	Giống				
	Trồng mới	cây	278		
	Trồng dặm	cây	15		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	69	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	64		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	72		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Vôi	Kg	500		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	92	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	64		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	168		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	138	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	77		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	202		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
	Túi bao trái	Túi	70.000		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
2	**Xoài cát chu**				
	Năm thứ 1,2				
a	Giống				
	Trồng mới	Cây	278		
	Trồng dặm	Cây	14		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	65		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000	hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg	400		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	240		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg			
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	138	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	77		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	202		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
b	Túi bao trái	Túi	70.000		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
3	**Xoài khác (Đài Loan, Thái, Úc…)**				
	Năm thứ 1,2				
a	Giống				
	Trồng mới	Cây	400		
	Trồng dặm	Cây	20		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	QCVN 01-	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	65	189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	138	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên (P_2O_5)	Kg	92		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	240		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	276	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	110		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	200		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.400		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
b	Túi bao trái	Túi	70.000		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	Cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	Cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

4. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY CÓ MÚI

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây có múi
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-08**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây bưởi an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây cam, quýt an toàn	09	10
3	MH Trồng, thâm canh cây chanh, tắc (hạnh) an toàn	09	10
4	MH Trồng, thâm canh cây bưởi theo GAP	09	10
5	MH Trồng, thâm canh cây cam, quýt theo GAP	09	10
6	MH Trồng, thâm canh cây chanh, tắc (hạnh) theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	36	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương	1	1	

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình.	2	2	

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
1	**Cây bưởi**				
	Năm thứ 1,2				
a	Giống				
	Trồng mới	cây	450	Cây giống ghép, mầm ghép ≥30cm	
	Trồng dặm	cây	23		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	70		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	190	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Năm thứ 4 trở đi				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	190	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	300		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
b	Túi bao trái	Túi	20.000		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
2	**Cam, quýt**				
2.1	**Cam xoàn**				
	Năm thứ 1				
a	Giống				
	Trồng mới	Cây	800		
	Trồng dặm	Cây	40		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	5.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg	1.000		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Năm thứ 2				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	180	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	150		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	220		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg	625		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	200	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	230		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg	625		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	200	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	230		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
2.2	**Cam khác**				
	Năm thứ 1				
a	Giống				
	Trồng mới	Cây	800		
	Trồng dặm	Cây	40		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg	625		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	180	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	150		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	220		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg	625		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	200	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	230		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	220	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	240		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	270		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
2.3	**Quýt hồng**				
	Năm thứ 1,2				
a	Giống				
	Trồng mới	Cây	750		
	Trồng dặm	Cây	38		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg	625		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	140	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	150		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	200		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
2.4	**Quýt khác**				
	Năm thứ 1,2				
a	Giống				
	Trồng mới	Cây	800		
	Trồng dặm	Cây	40		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg	625		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg			
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTN	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
				T	
	Năm thứ 4 trở đi				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	140	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	150		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	200		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
3	**Chanh, tắc (hạnh)**				
	Năm thứ 1				
a	Giống				
	+ Trồng mới	Cây	1.100		
	+ Trồng dặm	Cây	55		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	166	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	180		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	288		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	166	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	195		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	240		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	172	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	224		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Photo tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

5. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY THANH LONG

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây thanh long
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-09**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây thanh long an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây thanh long theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	36	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	

1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	

2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
1	**Thanh long trồng trụ**				
	Năm thứ 1				

a	Giống				
	Hom giống	Hom	4.444		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	266	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	266		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	200		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.500		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	530	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	530		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	400		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.500		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3 trở đi				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	830	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5,	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	555		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	830		

	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000	K_2O tương ứng	
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
b	Túi bao trái	Túi	40.000		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
2	**Thanh long trồng giàn**				
	Năm thứ 1				
a	Giống				
	Hom giống	Hom	5.555		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	330	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	330		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	250		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	660	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	660		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	500		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	6.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		

	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3 trở đi				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	1.030	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	690		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	1.030		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	9.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
b	Túi bao trái	Túi	40.000		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

6. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY KHÓM

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây khóm
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-10**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây khóm an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây khóm theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	36	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình.	4	4	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**

2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
1	**Khóm MD2**				
	Năm thứ 1				
a	Giống				
	Trồng mới	Chồi	40.000		

	Trồng dặm	Chồi	2.000		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	552	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	256		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	1.080		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2,3				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	552	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	256		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	1.080		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	650	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	350		

	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	1.000		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
2	**Khóm Queen**				
	Năm thứ 1				
a	Giống				
	Trồng mới	Chồi	40.000		
	Trồng dặm	Chồi	2.000		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	460	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	320		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	840		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2,3				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	460	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	320		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	840		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		

	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	552	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	256		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	960		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

7. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY MÃNG CẦU

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây mãng cầu
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-11**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây mãng cầu an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây mãng cầu theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	**Mô hình GAP**	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	36	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình.	4	4	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**

2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,.00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	-	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	-	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	-	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
1	**Mãng cầu xiêm**				
	Năm thứ 1				
a	Giống				
	Trồng mới	cây	625		

	Trồng dặm	cây	32		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	92	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	88		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	45		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	92	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	88		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	45		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	172	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O	

				tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.500		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	161	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	96		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
b	Túi bao trái	Túi	15.000		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

8. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY MÍT

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây mít
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-12**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây mít an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây mít theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	36	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương	1	1	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến	4	4	

	nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	

II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1,2				
1	Giống				
	Trồng mới	cây	800	Cây giống ghép, mầm ghép ≥30cm	
	Trồng dặm	cây	40		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	200	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	100		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	240	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	240		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	240		

	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000	tương ứng	
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	280	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	280		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	280		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
2	Túi bao trái	Kg	1.500		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

9. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY SƠ RI

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây sơ ri
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-13**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh Cây sơ ri an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh Cây sơ ri theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	36	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương	1	1	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	

1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	

3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1				
1	Giống				
	Trồng mới	cây	625	Cây giống cao từ 50-60cm	
	Trồng dặm	cây	31		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	46	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	32		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	30		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	69	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	56		

	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	45	hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.500		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	92	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	64		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	207	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	88		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**

1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

10. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY CHÔM CHÔM

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây chôm chôm
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-14**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây chôm chôm an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây chôm chôm theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	**36**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình	1	1	

	xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	

1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	

3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1,2				
1	Giống				
	Trồng mới	cây	220	Cây giống ghép, mầm ghép ≥30cm	
	Trồng dặm	cây	11		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	70	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	65		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	110		

	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	65	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	180	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	130		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	210		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

11. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY NHÃN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây nhãn
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-15**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây nhãn an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây nhãn theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	36	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình	1	1	

	xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	

1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	

3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	240	288	
3	Máy Laptop	Chiếc	32	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1,2				
1	Giống				
	Trồng mới	cây	400	Cây giống ghép, mầm ghép ≥25cm	
	Trồng dặm	cây	20		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	70	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	65		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	400		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	92	QCVN 01-	

	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	65	189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	400		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	140	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	210		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	400		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

12. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY MĂNG CỤT

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây măng cụt
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-16**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây măng cụt an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây măng cụt theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	**36**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương	1	1	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	

1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	

3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1,2				
1	Giống				
	Trồng mới	cây	200	Cây giống ghép, mầm ghép ≥30cm	
	Trồng dặm	cây	10		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	50	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	35		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	40		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3,4,5,6				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	QCVN 01-	

	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	35	189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 7 trở đi				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	50		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	80		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

13. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY CHANH DÂY

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây chanh dây
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-17**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây chanh dây an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây chanh dây theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	**36**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình	1	1	

	xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	

1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	

3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1				
1	Giống				
	Trồng mới	cây	1.300	Cây giống ghép cao 30-40cm, mầm ghép ≥ 15cm	
	Trồng dặm	cây	65		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	70	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	360		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				
	Phân bón				

	Đạm nguyên chất (N)	Kg	185	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	420		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	660		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

14. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY SAPO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây sapo

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-18**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây sapo an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây sapo theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	**36**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	

1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình.	2	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1				
1	Giống				
	Trồng mới	cây	250	Cây ghép cao từ 30-40 cm, chiều cao mắt ghép ≥ 15cm	
	Trồng dặm	cây	13		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	55	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	53		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	51		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	69	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	72		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	72		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	124	QCVN 01-	

	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80	189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	161	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	88		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
3	Túi bao trái (bao nilon+ dây thun)	Kg	15		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

15. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY CA CAO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây ca cao

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-19**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây ca cao an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây ca cao theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	**36**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	

1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình.	2	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1				
1	Giống				
	Trồng mới	cây	800	Cây giống ghép, mầm ghép ≥30cm	
	Trồng dặm	cây	40		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	65		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg	400		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	75		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg	400		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		

	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	240	hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg			
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	240		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít			
	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/ MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

16. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY ỔI

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây ổi

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-20**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây ổi an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây ổi an toàn theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	**36**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	

1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình.	2	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1				
1	Giống				
	Trồng mới	cây	1.300	Giống không nhiễm sâu bệnh. Độ tuổi Cây giống khoảng 2 tuần sau ươm, khi Cây có 4 - 5 lá thật. Chiều cao Cây giống từ 50-70cm, đường kính gốc từ 1,5-2cm.	
	Trồng dặm	cây	65		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	69	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	37		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	72		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.500		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	92	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	48		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	

	Năm thứ 3				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	129	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	72		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	161	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	88		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	4.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

17. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY MẬN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây mận

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-21**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây mận an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây mận theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	**36**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	

1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình.	2	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1				
1	Giống				
	Trồng mới	cây	625	Chiều cao Cây giống từ 50 - 60 cm, đường kính gốc ≥1cm	
	Trồng dặm	cây	31		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	69	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	45		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	30		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	92	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	56		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	138	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT	
	Lân nguyên chất	Kg	72		

	(P_2O_5)			Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	161	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	96		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/ MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

18. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY ĐU ĐỦ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây đu đủ
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-22**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây đu đủ an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây đu đủ theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	**36**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học	1	1	

	trở lên.			
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến	4	4	

	nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	

3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
1	Giống				
	Trồng mới	cây	2.000	Giống không nhiễm sâu bệnh; độ tuổi Cây giống khoảng 2 tuần sau ươm, khi Cây có 4 - 5 lá thật	
	Trồng dặm	cây	100		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	600	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	600		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	450		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

19. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY GẤC

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây gấc

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-23**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây gấc an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây gấc theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	**36**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học	2	2	

	trở lên.			
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)

1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
1	Giống	cây	400	Nhân từ phương pháp sinh sản vô tính, sạch bệnh (Giâm trong bầu bằng hom)	
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	55	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	32		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	48		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		

	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

20. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY BƠ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây bơ

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-24**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây bơ an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây bơ theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	**36**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	

1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình.	2	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1,2				
1	Giống				
	Trồng mới	cây	250	Cây giống ghép, mầm ghép ≥30cm.	
	Trồng dặm	cây	13		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	50	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	35		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	40		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3 trở đi				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	70		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

21. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY DỪA

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây dừa

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-25**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh Cây dừa an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh Cây dừa theo GAP	09	10
3	MH Trồng, thâm canh Cây dừa hữu cơ	12	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)			Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Mô hình hữu cơ	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	**36**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	**159**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	**119**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện.	2	2	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.				
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn:	36	36	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)

	Đại học trở lên.				
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**40**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	8,00	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	16,00	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	16,00	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Mô hình hữu cơ	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**					
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật của mô hình/dự án
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**					
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	320	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	320	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP, hữu cơ)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
1	**Trồng, thâm canh cây dừa An toàn và VietGAP**				
	Năm thứ 1,2				
a	Giống				
	Trồng mới	cây	278		
	Trồng dặm	cây	14		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	42	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	115		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				

a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	83	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	115		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	144		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	92	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	136		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	168		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	1.000		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
2	**Trồng, thâm canh Cây dừa theo tiêu chuẩn hữu cơ**				
	Năm thứ 1,2				
a	Phân bón				
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	10.000	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT	
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
a	Phân bón				

	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	20.000	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT	
	Chế phẩm sinh học	Kg/Lít	500		
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
a	Phân bón				
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	20.000	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT	
	Chế phẩm sinh học	Kg/Lít	500		
	Vôi	Kg	1.000		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

22. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY NA

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây Na
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-26**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây Na an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây Na theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	36	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	

1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	

1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				

1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1				Căn cứ QĐ 116
1	Giống				
	Trồng mới	cây	1.100	Cây giống ghép, mầm ghép ≥30cm	
	Trồng dặm	cây	55		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	230	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Vôi	Kg	1.000		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	230	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg			

	Vôi	Kg	1.000		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3 trở đi				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	230	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		
	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

23. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY TÁO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây Táo
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-27**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây Táo an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây Táo theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	36	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	

1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	

1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				

1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1				Căn cứ QĐ 116
1	Giống				
	Trồng mới	cây	555	Cây giống ghép, mầm ghép ≥30cm	
	Trồng dặm	cây	28		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	230	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	210		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2 trở đi				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	230	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	210		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		

	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

24. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY CÀ NA

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây cà na

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-28**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây cà na	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	36	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.			chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1				
a	Giống				
	Trồng mới	cây	625		
	Trồng dặm	cây	32		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	60		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Vôi	Kg	1.000		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	60		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Vôi	Kg	1.000		

b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3 trở đi				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	60		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				Tính trên 01 MH
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

25. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY CÓC

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây cóc

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-29**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây cóc	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	36	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.			chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1				
a	Giống				
	Trồng mới	cây	400		
	Trồng dặm	cây			
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	70		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Vôi	Kg	500		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	70		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		
	Vôi	Kg			

b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3 trở đi				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	70		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

26. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY DÂU

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây dâu
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-30**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây dâu	09	05

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	**36**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình.	2	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách)	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1 *(Thời kì kiến thiết cơ bản)*				
a	Giống				
	Trồng mới	cây	400	chiều cao từ 30 - 40 cm, cành nhánh phân bố đều, không bị sâu bệnh, bộ rễ khỏe	
	Trồng dặm	cây	20		

b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	70	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	Phân HCSH khi thay thế sang phân HCVS hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	65		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Vôi	Kg	500		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2 *(Thời kì kiến thiết cơ bản)*				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	Phân HCSH khi thay thế sang phân HCVS hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	90		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	80		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Vôi	Kg	200		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3 *(Thời kì kiến thiết cơ bản)*				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	250	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	Phân HCSH khi thay thế sang phân HCVS hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	150		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Vôi	Kg			
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				

	(Thời kỳ kinh doanh)				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	250	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	Phân HCSH khi thay thế sang phân HCVS hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	150		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

27. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY BÒN BON

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây Bòn bon
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-31**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây Bòn bon an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây Bòn bon theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	36	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình	1	1	

	xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến	4	4	

	nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	

II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1				
1	Giống				
	Trồng mới	cây	400		
	Trồng dặm	cây	20		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	70	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	65		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	90		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	80		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
1	Phân bón				

	Đạm nguyên chất (N)	Kg	250	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	150		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	250	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	150		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

28. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY CAU

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây cau
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-32**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây cau	09	05

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	36	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình.	2	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.

2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1 *(Thời kì kiến thiết cơ bản)*				
a	Giống				
	Trồng mới	cây	1.600	cây thân thẳng, không sâu bệnh, vết thương. Cây giống ươm được 04 lá	
	Trồng dặm	cây			
b	Phân bón				

	Đạm nguyên chất (N)	Kg	138	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	Phân HCSH khi thay thế sang phân HCVS hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	330		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	210		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Vôi	Kg	500		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2 *(Thời kì kiến thiết cơ bản)*				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	138	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	Phân HCSH khi thay thế sang phân HCVS hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	330		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	210		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3 *(Thời kì kiến thiết cơ bản)*				
a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	210	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	Phân HCSH khi thay thế sang phân HCVS hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	330		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	360		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Vôi	Kg			
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi *(Thời kỳ kinh doanh)*				

a	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	210	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	Phân HCSH khi thay thế sang phân HCVS hoặc phân bón dạng nước thì mức bón theo quy trình của loại phân bón đó.
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	330		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	360		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Vôi	Kg	500		
b	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

29. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY LÊKIMA

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây Lêkima

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-33**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây Lêkima an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây Lêkima theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	36	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	

1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình.	2	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	
3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1				
1	Giống				
	Trồng mới	cây	330	Cây giống ghép, chiều cao ≥30 cm	
	Trồng dặm	cây	16		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	70		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	80		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	90		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	130	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	130	QCVN 01-	

	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100	189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		
	Vôi	Kg	500		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**	**Tính trên 01 MH**			
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

30. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY THANH TRÀ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây thanh trà
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-34**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây thanh trà an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây thanh trà theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	36	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương	1	1	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	

1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	

3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1				
1	Giống				
	Trồng mới	cây	278	Cây cao khoảng 40-100 cm	
	Trồng dặm	cây	13		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	50	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	35		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	40		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Vôi	Kg	200		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	50	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	35		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	40		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Vôi	Kg	200		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-	

				188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 3				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	35		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.500	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 4 trở đi				
1	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	35		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Vôi	Kg	200		
2	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**	**Tính trên 01 MH**			
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

31. MÔ HÌNH TRỒNG, THÂM CANH CÂY CHUỐI

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình Trồng, thâm canh cây chuối
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-35**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Trồng, thâm canh cây chuối an toàn	09	10
2	MH Trồng, thâm canh cây chuối theo GAP	09	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	36	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**119**	**143**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	**107**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương	1	1	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	

1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,00	7,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,00	14,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy cắt cỏ	Máy	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ
2	Hệ thống tưới tiết kiệm nước	Hệ thống	01	01	

3	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Năm thứ 1, 2				
1	Giống				
-	Giống trồng mới			cây giống cao 70 - 80cm	
	Chuối tiêu	cây	2.000 - 2.500		
	Chuối tây	cây	1.800 - 2.000		
-	Giống trồng dặm	cây	100		
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	260	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	360		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Vôi	Kg	1.000		
3	Thuốc BVTV	1.000 đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

Mục III:
CÂY RAU

1. MÔ HÌNH SẢN XUẤT CÂY ĂN CỦ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình sản xuất nhóm rau ăn củ**

2. Mã dịch vụ: **MHTT-36.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Sản xuất khoai lang an toàn	04	5
2	MH Sản xuất khoai mỡ (khoai tím) an toàn	04	5
3	MH Sản xuất khoai lang theo GAP	04	5
4	MH sản xuất cây khoai môn (khoai sọ) an toàn	04	5
5	MH Sản xuất khoai mỡ (khoai tím) theo GAP	04	5
6	MH sản xuất cây khoai môn (khoai sọ) theo GAP	04	5
7	MH sản xuất cây ấu an toàn		

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**20**	**20**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	20	20	5 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	**124**	

1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	**93**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người; - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành: - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật: Đơn xin xây dựng mô hình, hợp đồng trình diễn kỹ thuật, - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20	20	5 công/ tháng x số tháng thực

				hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**25**	**31**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,00	6,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00	12,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00	12,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy làm đất	Máy	01	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình/dự án
2	Máy lên luống	Máy	01	01	
3	Máy thu hoạch	Máy	01	01	
4	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	

II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	200	248	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	200	248	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (Mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				Tính cho 01 ha
1	**Sản xuất khoai lang**				
a	Hom giống	Kg	1.500	Hạt lai F1	
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	90	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT có thể sử dụng phân hỗ hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	60		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	100		
	Phân bón hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		
	Vôi	Kg	500		
c	Thuốc BVTV	1.000đ	700	QC 01-188:2018/BNNPTNT	
2	**Sản xuất khoai mỡ (khoai tím)**				
a	Hom giống	Kg	3.000	Hạt lai F1	
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	99	QCVN 01-	

				189:2019/BNNPTNT có thể sử dụng phân hỗ hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	85		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	59		
	Phân bón hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	15		
	Vôi	Kg	500		
c	Thuốc BVTV	1.000đ	700	QC 01-188:2018/BNNPTNT	
3	**Sản xuất khoai môn (khoai sọ)**				
a	Giống	Kg	1.400	Xác nhận trở lên	
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	150	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT có thể sử dụng phân hỗ hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	100		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
	Phân bón hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Vôi	kg	1.000		
	Thuốc BVTV	1.000	1.000	QC 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				Tính trên 01 MH
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức (Mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

2. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NHÓM CÂY HỌ ĐẬU

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình sản xuất nhóm cây họ đậu**

2. Mã dịch vụ: **MHTT-37.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Sản xuất đậu nành, đậu phộng, đậu xanh an toàn	04	5
2	MH Sản xuất đậu nành rau an toàn	04	5
3	MH Sản xuất đậu nành, đậu phộng, đậu xanh theo GAP	04	5
4	MH Sản xuất đậu nành rau theo GAP	04	5

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		An toàn	GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**20**	**20**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	20	20	5 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	**124**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	**93**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người; - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	

1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành: - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật: Đơn xin xây dựng mô hình, hợp đồng trình diễn kỹ thuật, - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20	20	5 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình	2	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên			
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**25**	**31**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,00	6,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00	12,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00	12,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy làm đất	Máy	01	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình/dự án
2	Máy lên luống	Máy	01	01	
3	Máy thu hoạch	Máy	01	01	
4	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	200	248	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	200	248	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (Mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				Tính cho 01 ha
1	**Sản xuất đậu nành, đậu phộng, đậu xanh**				
a	Giống				
	Đậu nành	Kg	90	TCCS	
	Đậu phộng	Kg	220		
	Đậu xanh	Kg	30		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	40	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT có thể sử dụng phân hỗ hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	90		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	80		
	Phân bón hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000		
	Vôi	Kg	500		
c	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	QC 01-188:2018/BNNPTNT	
2	**Sản xuất đậu nành rau**				
a	Giống	Kg	100	TCCS	
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	265	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT có thể sử dụng phân hỗ hợp với tỷ lệ quy đổi N,	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	86		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90		

	Phân bón hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.500	P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	10		
	Phân bón lá	Lít	2		
	Vôi	Kg	500		
c	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	QC 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				Tính trên 01 MH
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức (Mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

3. MÔ HÌNH SẢN XUẤT RAU ĂN LÁ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình sản xuất rau ăn lá (rau muống, rau dền, mông tơi, cải các loại,…)**

2. Mã dịch vụ: **MHTT-38.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Sản xuất rau ăn lá an toàn	3	5
	MH Sản xuất rau ăn lá theo GAP	3	5
2	MH Sản xuất rau ăn lá hữu cơ	12	5

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)			Ghi chú
		An toàn	GAP	Hữu cơ	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**18**	**18**	**72**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	18	18	72	6 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**97**	**121**	**193**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**73**	**91**	**145**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người; - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	

1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	6	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành: - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật: Đơn xin xây dựng mô hình, hợp đồng trình diễn kỹ thuật, - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	18	18	72	6 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô	2	2	2	

	hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên				
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**24**	**30**	**48**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,8	6	9,6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,6	12	19,2	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,6	12	19,2	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Mô hình hữu cơ	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**					
1	Máy làm đất	Máy	01	01	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình/dự án
2	Máy lên luống	Máy	01	01	01	
3	Máy thu hoạch	Máy	01	01	01	
4	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**					
1	Bộ máy vi tính	Giờ	192	240	384	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	192	240	384	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng		Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
			An toàn, GAP	Hữu cơ		
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**					Tính cho 01 ha
1	Giống					
	Cải xanh	Kg	6	6	TCCS	
	Cải ngọt	Kg	5	5		
	Cải ngồng	Kg	2,5	2,5		
	Cải tùa sại	Kg	4	4		
	Cải xà lách	Kg	0,6	0,6		
	Cải thìa	Kg	2	2		
	Cải bó xôi	Kg	20	20		
	Rau muống	Kg	12	12		
	Mồng tơi	Kg	25	25		
	Rau dền	Kg	6	6		
2	Phân bón					
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	35	-	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT có thể sử dụng phân hỗ hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	25	-		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	45	-		
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	-	56	Sử dụng phân tự nhiên (Rocphosphate $P_2O_5 \geq 28\%$ hoặc Apatit $P_2O_5 \geq 14\%$)	

	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	-	18	Sử dụng Kali sulphate ($K_2O \leq 30\%$)	
	Phân bón hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.500	1.500	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT	
	Phân bón lá	Kg	500	-		
	Phân bón lá hữu cơ	lít	-	3		
	Phân bón gốc hữu cơ	Kg	-	250		
	Chất điều hòa dinh trưởng	Kg	-	700	Vôi hoặc Dolomit	
	Vôi	Kg	500	-		
	Trichoderma	Kg	-	30	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT	
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	-	3		
	Bẫy Feromon	chiếc	-	20		
	Xử lý phế phẩm	1.000đ	-	500		
3	Thuốc BVTV	1.000đ	500	-	QC 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**					Tính trên 01 MH
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	bộ/MH	01	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức (Mô hình an toàn, GAP, hữu cơ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

4. MÔ HÌNH SẢN XUẤT RAU ĂN QUẢ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình sản xuất rau ăn quả (dưa leo, khổ qua, bí xanh, bí đỏ, cà chua, cà tím, bầu, mướp,…)**

2. Mã dịch vụ: **MHTT-39.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Sản xuất rau ăn quả an toàn	05	5
	MH Sản xuất rau ăn quả theo GAP	05	5
2	MH Sản xuất rau ăn quả hữu cơ	12	5

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)			Ghi chú
		An toàn	GAP	Hữu cơ	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**25**	**25**	**60**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	25	25	60	5 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**107**	**131**	**177**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**80**	**98**	**133**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người; - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	

1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	6	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành: - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật: Đơn xin xây dựng mô hình, hợp đồng trình diễn kỹ thuật, - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	25	25	60	5 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	

1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**26**	**33**	**44**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,2	6,6	8,8	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,4	13,2	17,6	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,4	13,2	17,6	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Mô hình hữu cơ	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**					
1	Máy làm đất	Máy	01	01	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình/dự án
2	Máy lên luống	Máy	01	01	01	
3	Máy thu hoạch	Máy	01	01	01	
4	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**					
1	Bộ máy vi tính	Giờ	208	264	352	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	208	264	352	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng		Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
			An toàn, GAP	Hữu cơ		
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**					Tính cho 01 ha
1	Giống					
	Cà chua	Kg	0,25	0,25	TCCS	
	Dưa leo	Kg	0,7	0,7		
	Khổ qua	Kg	2,5	2,5		
	Bí xanh	Kg	1	1		
	Bí đỏ	Kg	1	1		
	Bầu	Kg	2	2		
	Mướp	Kg	1,2	1,2		
2	Phân bón					
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	120	-	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT có thể sử dụng phân hỗ hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	90	-		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120	-		
	Lân nguyên chất tự nhiên (P_2O_5)	Kg	-	78	Sử dụng phân tự nhiên (Rocphosphate $P_2O_5 \geq 28\%$ hoặc Apatit $P_2O_5 \geq 14\%$)	
	Kali nguyên chất tự nhiên (K_2O)	Kg	-	120	Sử dụng Kali sulphate ($K_2O \leq 30\%$)	
	Phân bón hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000	2.000	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT	
	Phân bón lá	Kg	1.000	-		

	Phân bón lá hữu cơ	lít	-	5		
	Phân bón gốc hữu cơ	Kg	-	400		
	Chất điều hòa dinh trưởng	Kg	-	700	Vôi hoặc Dolomit	
	Trichoderma	Kg	-	30	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT	
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	-	8		
	Bẫy Feromon	chiếc	-	30		
	Xử lý phế phẩm	1.000đ	-	2.000		
3	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	-	QC 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**					Tính trên 01 MH
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	bộ/MH	01	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức (Mô hình an toàn, GAP, hữu cơ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

5. MÔ HÌNH SẢN XUẤT RAU GIA VỊ, RAU KHÁC

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình sản xuất rau gia vị, rau khác (hành lá, hẹ, ớt, rau húng cây, diếp cá, ngò gai, ngò rí, huống lũi, tía tô, cần nước, quế, rau ôm, rau má, rau răm, đậu đũ cove, củ cải trắng, gừng, cà tím, cà pháo, đậu bắp,…)

2. Mã dịch vụ: **MHTT-40.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Sản xuất hành lá, hẹ an toàn	03	5
2	MH Sản xuất hành lá, hẹ theo GAP	03	5
3	MH Sản xuất ớt an toàn	03	5
4	MH Sản xuất ớt theo GAP	03	5
5	MH Sản xuất rau húng cây, diếp cá, ngò gai an toàn	03	5
6	MH Sản xuất rau húng cây, diếp cá, ngò gai theo GAP	03	5
7	MH Sản xuất ngò rí, húng lủi, tía tô, cần nước, quế an toàn	03	5
8	MH Sản xuất ngò rí, húng lủi, tía tô, cần nước, quế theo GAP	03	5
9	MH Sản xuất rau ôm, rau răm, rau má an toàn	03	5
10	MH Sản xuất rau ôm, rau răm, rau má theo GAP	03	5
11	MH Sản xuất đậu đũa, cove an toàn	03	5
12	MH Sản xuất đậu đũa, cove theo GAP	03	5
13	MH Sản xuất củ cải trắng, gừng an toàn	03	5
14	MH Sản xuất củ cải trắng, gừng theo GAP	03	5
15	MH Sản xuất cà tím, cà pháo, đậu bắp an toàn	03	5
16	MH Sản xuất cà tím, cà pháo, đậu bắp theo GAP	03	5

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		An toàn	GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**18**	**18**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	18	18	6 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**97**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**73**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người; - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành: - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật: Đơn xin xây dựng mô hình, hợp đồng trình diễn kỹ	3	3	

	thuật, - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên			
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	18	18	6 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**24**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,8	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,6	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,6	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy làm đất	Máy	01	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình/dự án
2	Máy lên luống	Máy	01	01	
3	Máy thu hoạch	Máy	01	01	
4	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	192	240	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	192	240	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (Mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				Tính cho 01 ha
1	**Sản xuất hành lá, hẹ**				
a	Giống	Kg	6	TCCS	
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	100	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT có thể sử dụng phân hỗ hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	60		

	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	90	tương ứng	
	Phân bón hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1500	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT	
	Phân bón lá	Kg	1.000		
	Vôi	Kg	500	TCCS	
3	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	QC 01-188:2018/BNNPTNT	
2	**Sản xuất ớt**				
a	Giống	Kg	0,4	TCCS	
b	Phân bón	Kg			
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	138	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	64		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.500		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	10		
	Vôi	Kg	500	TCCS	
c	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
3	**Sản xuất rau húng cây, diếp cá, ngò gai**				
a	Giống			TCCS	
	Húng cây	Cây	5.000		
	Diếp cá	Cây	6.000		
	Ngò gai	Kg	40		
b	Phân bón	Kg			
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	140	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	50		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		

	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000	tương ứng	
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	10		
	Vôi	Kg	500	TCCS	
c	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
4	**Sản xuất ngò rí, húng lủi, tía tô, cần nước, quế**				
a	Giống				
	Ngò rí	Kg	10	TCCS	
	Húng lủi	Cây	5.000		
	Cần nước	Cây	6.000		
	Tía tô	Kg	6		
	Quế	Kg	5		
b	Phân bón	Kg			
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	28	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	19		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	54		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	10		
	Vôi	Kg	500	TCCS	
c	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
5	**Sản xuất rau ôm, rau răm, rau má**				
a	Giống				
	Rau ôm, rau răm	Cây	6.000	TCCS	
	Rau má	Cây	2.500		
b	Phân bón	Kg			
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	50	QCVN 01-	

	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	35	189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	40		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	10		
	Vôi	Kg	500	TCCS	
c	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
6	**Sản xuất đậu đũa, cove**				
a	Giống				
	Đậu đũa	Kg	35		
	Đậu cove	Kg	25		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	92	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	48		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	10		
	Vôi	Kg	500		
c	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000		
7	**Sản xuất củ cải trắng, gừng**				
a	Giống				
	Củ cải trắng	Kg	10	TCCS	
	Gừng	Kg	1.500		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	92	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	64		

	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120	hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	10		
	Vôi	Kg	500	TCCS	
c	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
8	**Sản xuất cà tím, cà pháo, đậu bắp**				
a	Giống				
	Đậu bắp	Kg	15	TCCS	
	Cà chua, cà tím	Kg	0,3		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	115	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	96		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	180		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	10		
	Vôi	Kg	500	TCCS	
c	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				Tính trên 01 MH
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức (Mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

6. MÔ HÌNH SẢN XUẤT CÂY SẢ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình sản xuất cây sả**

2. Mã dịch vụ: **MHTT-41.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Sản xuất cây sả an toàn	06	5
2	MH Sản xuất cây sả theo GAP	06	5

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		An toàn	GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**30**	**30**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	30	30	5 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**113**	**137**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**85**	**103**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người; - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	6	

1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành: - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật: Đơn xin xây dựng mô hình, hợp đồng trình diễn kỹ thuật, - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình (5 ngày/tháng/người x số tháng) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	30	30	5 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**28**	**34**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,6	6,8	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại)	11,2	13,6	= 40% định mức LĐGT

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,2	13,6	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy làm đất	Máy	01	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình/dự án
2	Máy lên luống	Máy	01	01	
3	Máy thu hoạch	Máy	01	01	
4	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	224	272	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	224	272	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (Mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				Tính cho 01 ha
1	Giống	Kg	2.000	TCCS	
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	92	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	48		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		

	Phân bón hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT	
	Chế phẩm sinh học	Kg/Lít	10		
	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	TCCS	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				Tính trên 01 MH
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức (Mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

7. MÔ HÌNH SẢN XUẤT CÂY KIỆU

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất cây kiệu**

2. Mã dịch vụ: **MHTT-42.**

3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Mô hình Sản xuất kiệu an toàn	06	5

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**30**	**30**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	30	30	5 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**113**	**137**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**85**	**103**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện	6	6	

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
	tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành: - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	30	30	5 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**28**	**34**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,6	6,8	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,2	13,6	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,2	13,6	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy làm đất	Máy	01	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình/dự án
2	Máy lên luống	Máy	01	01	
3	Máy thu hoạch	Máy	01	01	
4	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				

1	Bộ máy vi tính	Giờ	224	272	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	224	272	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (Mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				Tính cho 01 ha
	Sản xuất kiệu				
a	Giống	Kg	1.000		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	66	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	116		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	105		
	Phân bón hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Vôi	Kg	1.500		
c	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				Tính trên 01 MH
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức (Mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Photo tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

8. MÔ HÌNH SẢN XUẤT CỦ HÀNH TÍM

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình sản xuất củ hành tím**

2. Mã dịch vụ: **MHTT-43.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Sản xuất củ hành tím an toàn	03	5
2	MH Sản xuất củ hành tím theo GAP	03	5

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		An toàn	GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**18**	**18**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	18	18	6 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**97**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**73**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người; - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	6	

1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành: - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật: Đơn xin xây dựng mô hình, hợp đồng trình diễn kỹ thuật, - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	18	18	6 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**24**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,8	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại)	9,6	12	= 40% định mức LĐGT.

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,6	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy làm đất	Máy	01	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình/dự án
2	Máy lên luống	Máy	01	01	
3	Máy thu hoạch	Máy	01	01	
4	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	192	240	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	192	240	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (Mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				Tính cho 01 ha
1	Giống	Kg	1.200	TCCS	
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	204	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	69		

	Phân bón hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.000	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT	
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	10		
	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	TCCS	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				Tính trên 01 MH
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức (Mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

9. MÔ HÌNH SẢN XUẤT MĂNG TÂY

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình sản xuất măng tây**

2. Mã dịch vụ: **MHTT-44.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Sản xuất cây măng tây an toàn	09	5
	MH Sản xuất cây măng tây theo GAP	09	5
2	MH Sản xuất cây măng tây hữu cơ	12	5

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)			Ghi chú
		An toàn	GAP	Hữu cơ	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	**36**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	36	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	**145**	**161**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	**109**	**121**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người; - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	

1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	6	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành: - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật: Đơn xin xây dựng mô hình, hợp đồng trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	12	

1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	36	36	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**36**	**40**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,0	7,2	8	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,0	14,4	16	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12,0	14,4	16	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Mô hình hữu cơ	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**					
1	Máy làm đất	Máy	01	01	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình/dự án
2	Máy lên luống	Máy	01	01	01	
3	Máy thu hoạch	Máy	01	01	01	
4	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**					
1	Bộ máy vi tính	Giờ	240	288	320	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	240	288	320	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng		Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
			An toàn, GAP	Hữu cơ		
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**					Tính cho 01 ha
1	Giống	Kg/Hạt	0,7	18.500	TCCS	
	Giống trồng dặm	Kg/Hạt	-	3.500		
2	Vật tư làm giàn					
	Cọc	Cây	-	1.200	Cao 1,5m	
	Sợi dây cước PE	Kg	-	160		
	Dây buộc (cước PE)	Kg	-	30		

3	Phân bón					
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	345	-	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT có thể sử dụng phân hỗ hợp với tỷ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	288	-		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	300	-		
	Lân nguyên chất tự nhiên (P_2O_5)	Kg	-	56	Sử dụng phân tự nhiên (Rocphosphate $P_2O_5 \geq$ 28% hoặc Apatit $P_2O_5 \geq$ 14%)	
	Kali nguyên chất tự nhiên (K_2O)	Kg	-	18	Sử dụng Kali sulphate ($K_2O \leq 30\%$)	
	Phân bón hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	5.000	4.000	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT	
	Phân bón lá	Kg/lít	10	-	Sử dụng Kali sulphate ($K_2O \leq 30\%$)	
	Phân bón lá hữu cơ	lít	-	3	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT	
	Phân bón gốc hữu cơ	Kg	-	250		
	Chất điều hòa dinh trưởng	Kg	-	700	Vôi hoặc Dolomit	
	Vôi	Kg	500	-		
	Chế phẩm BVTV sinh học	Kg	10			
3	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	-	TCCS	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**					Tính trên 01 MH
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	bộ/MH	01	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức (Mô hình an toàn, GAP, hữu cơ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

10. MÔ HÌNH SẢN XUẤT DƯA HẤU

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình sản xuất dưa hấu**

2. Mã dịch vụ: **MHTT-45.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Sản xuất dưa hấu an toàn	03	5
2	MH Sản xuất dưa hấu theo GAP	03	5

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		An toàn	GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**18**	**18**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	18	18	6 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**97**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**73**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người; - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình	2	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên			
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành: - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật: Đơn xin xây dựng mô hình, hợp đồng trình diễn kỹ thuật, - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	18	18	6 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**24**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,8	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,6	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán	9,6	12	= 40% định mức LĐGT

	trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy làm đất	Máy	01	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình/dự án
2	Máy lên luống	Máy	01	01	
3	Máy thu hoạch	Máy	01	01	
4	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	192	240	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	192	240	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (Mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				Tính cho 01 ha
1	Giống	Kg	0,5	TCCS	
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	115	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.500		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	10		
	Vôi	Kg	500	TCCS	
3	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
4	Màn phủ nông nghiệp (400m/ cuộn)	Cuộn	10	TCCS	

II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				Tính trên 01 MH
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức (Mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

11. MÔ HÌNH SẢN XUẤT DƯA LÊ DƯA LƯỚI

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình sản xuất dưa lê, dưa lưới**

2. Mã dịch vụ: **MHTT-46.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Sản xuất dưa lê, dưa lưới an toàn	03	5
2	MH Sản xuất dưa lê, dưa lưới theo GAP	03	5

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Mô hình an toàn	Mô hình GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**18**	**18**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	18	18	6 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**97**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**73**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người; - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương	1	1	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên			
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành: - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật: Đơn xin xây dựng mô hình, hợp đồng trình diễn kỹ thuật, - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	18	18	6 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	

1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**24**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,8	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,6	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,6	12	= 40% định mức LĐGT.

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy làm đất	Máy	01	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình/dự án
2	Máy lên luống	Máy	01	01	
3	Máy thu hoạch	Máy	01	01	
4	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	192	240	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	192	240	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (Mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				Tính cho 01 ha
1	Giống	Hạt	22.000	TCCS	
2	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	169	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	298		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	450		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Chế phẩm sinh học	Kg/lít	10		
	Vôi	Kg	169		
	Can xi	Kg	125		
	Magie	Kg	50		
	Vi lượng	Kg	10		
	Humic	Kg	10		
	MAP	Kg	25		
	KNO_3	Kg	30		
	$Mg(NO_3)_2$	Kg	25		
	K_2SO_4	Kg	20		
	Canxi bo	Lít	20		
	Vôi	Kg	500		
3	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
4	Màng phủ nông	cuộn	10		

	nghiệp (400m/cuộn)				
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				Tính trên 01 MH
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức (Mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

12. MÔ HÌNH ỨNG DỤNG GIÁ THỂ TRỒNG RAU TRONG NHÀ MÀNG NHÀ LƯỚI

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình Ứng dụng giá thể trồng rau trong nhà màng nhà lưới**

2. Mã dịch vụ: **MHTT-47.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m^2)
1	MH Ứng dụng giá thể trồng rau trong nhà màng nhà lưới an toàn	02	1.000
2	MH Ứng dụng giá thể trồng rau trong nhà màng nhà lưới theo GAP	02	1.000

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		An toàn	GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**12**	**12**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	12	12	6 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**89**	**113**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**67**	**85**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Số lượng theo yêu cầu: 02 người; - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa	1	1	

	phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên			
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành: - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật: Đơn xin xây dựng mô hình, hợp đồng trình diễn kỹ thuật, - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	12	12	6 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	

1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**22**	**28**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,4	5,6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,8	11,2	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,8	11,2	= 40% định mức LĐGT.

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Mô hình an toàn	Mô hình GAP	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy làm đất	Máy	01	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình/dự án
2	Máy lên luống	Máy	01	01	
3	Máy thu hoạch	Máy	01	01	
4	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	176	224	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	176	224	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng (Mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				Tính cho 01 ha
1	**Sản xuất dưa lưới, dưa lê trong nhà màng/nhà lưới**				
a	Giống	Hạt	3.000	Hạt giống F1, tỷ lệ nảy mầm ≥ 85%	
b	Phân bón				
	Phân bón, dinh dưỡng (Hàm lượng dinh dưỡng cơ bản gồm: N, K_2O, P_2O_5, Mg, Mn, Cu, Zn, B, Mo, Ca, Fe)	Kg/lít	761	Tương đương Ure: 15 Kg, KH_2PO_4: 80 Kg, $Ca(NO_3)_2$: 255 Kg, KNO_3: 155 Kg, $Mg(NO_3)_2$: 180 Kg, $MgSO_4.7H_2O$:180 Kg, K_2SO_4: 65 Kg, Chelated-Fe 08 Kg, H_3BO_3: 01 Kg, $(NH_4)_6MoO_{24}.2H_2O$: 0,1 Kg, $MnSO_4.4H_2O$:01 Kg, $ZnSO_4$: 01 Kg, $CuSO_4.5H_2O$: 0,5 Kg	Có thể sử dụng phân bón, dinh dưỡng chuyên dùng cho Cây rau
c	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000		
d	Giá thể trồng	m^3	40	Mụn dừa, phân trùn quế, Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh, chế phẩm vi sinh, tro trấu,…	
e	Vôi	Kg	200	-Hàm lượng CaO 60-65% -Độ mịn ≥ 70% - Độ trắng ≥ 85%	
f	Kẹp thân	Cái	13.000	Nhựa, vật liệu khác tương đương	
g	Túi đóng bầu (vật liệu đựng giá thể)	Cái	3.000	Nhựa	Có thể sử dụng máng trồng bằng nhựa, vật liệu khác tương

					đương
2	**Sản xuất dưa leo trong nhà màng/nhà lưới**				
a	Giống	Hạt	3.000	Hạt giống F1, tỷ lệ nảy mầm ≥ 85%	
b	Phân bón, dinh dưỡng (Hàm lượng dinh dưỡng cơ bản gồm: N, K_2O, P_2O_5, Mg, Mn, Cu, Zn, B, Mo, Ca, Fe)	Kg/lít	761	Tương đương Ure: 15 Kg, KH_2PO_4: 80 Kg, $Ca(NO_3)_2$: 255 Kg, KNO_3: 155 Kg, $Mg(NO_3)_2$: 180 Kg, $MgSO_4.7H_2O$:180 Kg, K_2SO_4: 65 Kg, Chelated-Fe 08 Kg, H_3BO_3: 01 Kg, $(NH_4)_6MoO_{24}.2H_2O$: 0,1 Kg, $MnSO_4.4H_2O$:01 Kg, $ZnSO_4$: 01 Kg, $CuSO_4.5H_2O$: 0,5 Kg	Có thể sử dụng phân bón, dinh dưỡng chuyên dùng cho Cây rau
c	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000		
d	Giá thể trồng	m^3	40	Mụn dừa, phân trùn quế, Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh, chế phẩm vi sinh, tro trấu,…	
e	Vôi	Kg	200	-Hàm lượng CaO 60-65% -Độ mịn ≥ 70% - Độ trắng ≥ 85%	
g	Kẹp thân	Cái	13.000	Nhựa, vật liệu khác tương đương	
h	Túi đóng bầu (vật liệu đựng giá thể)	Cái	3.000	Nhựa	Có thể sử dụng máng trồng bằng nhựa, vật liệu khác tương đương
3	**Sản xuất cà chua trong nhà màng/nhà lưới**				
a	Giống	Hạt	2.400	Hạt giống F1, tỷ lệ nảy mầm ≥ 85%	
b	Phân bón, dinh dưỡng (Hàm lượng dinh dưỡng cơ bản gồm: N, K_2O,	Kg/lít	600	Tương đương Ure: 15 Kg, KH_2PO_4: 80 Kg, $Ca(NO_3)_2$: 255 Kg,	Có thể sử dụng phân bón, dinh

	P_2O_5, Mg, Mn, Cu, Zn, B, Mo, Ca, Fe)			KNO_3: 155 Kg, $Mg(NO_3)_2$: 180 Kg, $MgSO_4.7H_2O$:180 Kg, K_2SO_4: 65 Kg, Chelated-Fe 08 Kg, H_3BO_3: 01 Kg, $(NH_4)_6MoO_{24}.2H_2O$: 0,1 Kg, $MnSO_4.4H_2O$:01 Kg, $ZnSO_4$: 01 Kg, $CuSO_4.5H_2O$: 0,5 Kg	dưỡng chuyên dùng cho Cây rau
c	Thuốc BVTV	1.000đ	2.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
e	Giá thể trồng	m^3	30	Mụn dừa, phân trùn quế, Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh, chế phẩm vi sinh, tro trấu,…	
f	Vôi	Kg	200	-Hàm lượng CaO 60-65% -Độ mịn ≥ 70% - Độ trắng ≥ 85%	
g	Kẹp thân	Cái	8.000	Nhựa, vật liệu khác tương đương	
h	Túi đóng bầu (vật liệu đựng giá thể)	Cái	2.200	Nhựa	Có thể sử dụng máng trồng bằng nhựa, vật liệu khác tương đương
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				Tính trên 01 MH
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức (Mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã

				số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

13. MÔ HÌNH SẢN XUẤT CÂY SEN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: S**ản xuất sen**

2. Mã dịch vụ: **MHTT-48.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	MH Sản xuất sen lấy gương (hạt) an toàn	09	5
2	MH Sản xuất hoa sen trồng chậu	09	5

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		Sen trồng chậu	Sen trồng ruộng, đầm, ao	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**45**	**45**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	45	45	05 công/ tháng x số tháng thực hiện MH; Sen trồng ruộng tính 5ha /vụ/người
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**157**	**157**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**118**	**118**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học	2	2	

	trở lên.			
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	-	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học	45	45	05 công/ tháng x số tháng thực hiện MH; Sen trồng ruộng tính 3ha

	trở lên.			/vụ/người
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**39**	**39**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	7,8	7,8	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	15,6	15,6	= 40% định mức LĐGT
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	15,6	15,6	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Sen trồng chậu	Sen trồng ruộng, đầm, ao	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Máy làm đất	Máy	01	01	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình/dự án
2	Máy lên luống	Máy	01	01	
3	Máy thu hoạch	Máy	01	01	
4	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	312	312	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	312	312	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				Tính cho 01 ha
1	**Sản xuất sen lấy gương (hạt) an toàn**				
a	Giống	Củ/thân	2.000		Theo Quyết định 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	70	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5,	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	24		

	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60	K_2O tương ứng	
	Vôi bột	Kg	150		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.500		
c	Thuốc BVTV	1.000đ	3.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
2	**Sản xuất hoa sen trồng chậu**				
a	Giống	Củ/thân	1.000		Theo Quyết định 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	30	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	30		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	20		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	150		
c	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
d	Chậu trồng	cái	1.000		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				Tính trên 01 MH
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức (Mô hình an toàn, GAP)	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

Mục IV:
CÂY NẤM

1. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NẤM RƠM

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất nấm rơm**.

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-49.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (tấn nguyên liệu)
1	Sản xuất nấm rơm	04	20

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**16**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**89**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**67**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)

1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**22**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,40	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	176	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	176	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông (***Định mức cho 01tấn nguyên liệu thô)*				
a	Giống	Kg	15		
b	Nguyên liệu	Kg	1.000		
c	Vôi	Kg	20		
d	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	1.000		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

2. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NẤM MÈO, BÀO NGƯ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất nấm mèo, bào ngư**.

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-50.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (tấn nguyên liệu)
1	Sản xuất nấm mèo, bào ngư	04	20

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**16**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**89**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**67**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**22**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,40	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	176	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	176	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông** *(Định mức cho 01tấn nguyên liệu thô)*				
a	Giống	m^2	100		
	- Nấm mèo	Bịch	6.000	Phôi giống đúng độ tuổi, hệ sợi nấm mọc lan kín đến đáy túi; Không nhiễm nấm mốc như có đốm màu xanh, đen, cam.	
	- Bào ngư	Bịch	9.000		
b	Thuốc sát trùng	Kg	2		
c	Vôi	Kg	35		
d	Trụ, Cây gát	Cây	120		
e	Dây treo (dây nilon 2.000 sợi; 2,6 m/sợi)	Cuộn	2		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

3. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NẤM LINH CHI

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất nấm Linh Chi**.

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-51.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (tấn nguyên liệu)
1	Sản xuất nấm Linh Chi	04	20

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**16**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**89**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**67**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**22**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,40	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	176	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	176	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông** *(Định mức cho 01tấn nguyên liệu thô)*				
a	Giống	Chai	60		
b	Nguyên liệu	Kg	1.000		
c	Cám và phụ gia				
	Cám gạo	Kg	50	5%	
	Cám ngô	Kg	70	7%	
	Bột nhẹ ($CaCO_3$)	Kg	10	1%	
d	Đường ăn	Kg	50	5‰	
e	Túi PE (25 x 35)	Kg	10		
f	Nút, Bông, chun,…	Kg	12		
h	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	2.000		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**

1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

4. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NẤM MỐI ĐEN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất nấm mối đen.**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-52.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m2)
1	Sản xuất nấm mối đen	04	50

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**16**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**89**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**67**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**22**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,40	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	176	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	176	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 50 m2)**
a	Phôi giống	Bịch	4.096	- 64 phôi/m^2 kệ. - Phôi giống đúng độ tuổi, hệ sợi nấm mọc lan kín đến đáy túi; Không nhiễm nấm mốc như có đốm màu xanh, đen, cam.	
b	Kệ sắt	Kệ	4	Kích cỡ: 1mx 4m, cao 1m8, 4 tầng. Thiết kế cho nhà trồng 5m x10m.	
c	Máy lạnh (2HP)	Cái	1		
d	Hệ thống thông gió, tưới ẩm	Bộ	1		
e	Thuốc sát trùng	Kg	2		
f	Vôi	Kg	35	-Hàm lượng CaO 60-65% - Độ mịn ≥ 70% - Độ trắng ≥ 85%	

II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

5. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NẤM SÒ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất nấm sò.**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-53.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (tấn nguyên liệu)
1	Sản xuất nấm sò	04	20

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**16**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**89**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**67**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**22**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,40	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	176	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	176	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông** *(Định mức cho 01tấn nguyên liệu thô)*				
a	Giống	Kg	45		
b	Nguyên liệu	Kg	1.000		
c	Túi PE (30 x 45)	Kg	6		
d	Nút, bông, chun…	Kg	12		
f	Giàn giá, dụng cụ	1.000 đ	2.000		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**

2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

6. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NẤM MỘC NHĨ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất nấm mộc nhĩ.**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-54.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (tấn nguyên liệu)
1	Sản xuất nấm mộc nhĩ	04	20

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**16**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**89**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**67**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**22**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,40	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	176	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	176	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông** *(Định mức cho 01tấn nguyên liệu thô)*				
a	Giống	Que	1.800		
b	Nguyên liệu	Kg	1.000		
c	Cám và phụ gia				
	Cám gạo	Kg	50	5%	
	Bột nhẹ ($CaCO_3$)	Kg	10	1%	
	$MgSO_4$	Kg	1,0	1,5%	
	KH_2PO_4	Kg	0,5	0,5‰	
d	Túi PE (19x38)	Kg	10		
e	Nút, bông, chun,…	Kg	12		
f	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	1.500		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**

1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

7. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NẤM HƯƠNG

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất nấm hương**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-55.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (tấn nguyên liệu)
1	Sản xuất nấm hương	04	20

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**16**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**89**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**67**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**22**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,40	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	176	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	176	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông** *(Định mức cho 01tấn nguyên liệu thô)*				
a	Giống	Chai	60		
b	Nguyên liệu	Kg	1.000		
c	Cám và phụ gia				
	Cám gạo	Kg	70	7%	
	Bột nhẹ ($CaCO_3$)	Kg	20	2%	
d	Túi PE (19x38)	Kg	10		
e	Nút, Bông, chun, …	Kg	12		
f	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	2.000		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

8. MÔ HÌNH SẢN XUẤT NẤM ĐÙI GÀ, KIM CHÂM

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất nấm đùi gà, kim châm**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-56.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (tấn nguyên liệu)
1	Sản xuất nấm đùi gà, kim châm	04	20

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**16**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**89**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**67**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**22**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,40	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	176	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	176	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông** *(Định mức cho 01tấn nguyên liệu thô)*				
a	Giống	Chai	60		
b	Nguyên liệu	Kg	1.000		
c	Túi PE (19x38)	Kg	10		
d	Nút, Bông, chun, …	Kg	12		
e	Cám và phụ gia				
	Cám gạo	Kg	200	20%	
	Cám ngô	Kg	50	5%	
	Bột đậu tương	Kg	20	2%	
	Bột nhẹ ($CaCO_3$)	Kg	10	1%	
	Đường ăn	Kg	5,0	0.5%	
	Giàn giá, dụng cụ	1.000đ	2.000		
II	**Định mức vật tư thực**				**Tính trên 01**

	hiện giá dịch vụ công				**MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

Mục V:
CÂY HOA - KIỂNG

1. MÔ HÌNH SẢN XUẤT HOA CÚC (CÚC HÀ LAN, CÚC VÀNG HÒE,…)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất hoa cúc (cúc Hà Lan, cúc vàng hòe,…)**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-57.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Sản xuất hoa cúc (cúc Hà Lan, cúc vàng hòe,…)	06	1,0

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**105**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**79**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	

1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**26**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	208	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	208	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
a	Giống	Cây	400.000		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	140	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	175		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Phân bón lá	Kg/lít	5	TCCS	
	Vôi	Kg	800		
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	TCCS	

d	Vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ sản xuất	-	-	Theo quy trình kỹ thuật	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

2. MÔ HÌNH SẢN XUẤT CÚC MÂM XÔI

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất cúc mâm xôi (6 tháng)**.

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-58.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Sản xuất cúc mâm xôi	06	1,0

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**105**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**79**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**26**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	208	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	208	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
a	Giống	Cây	13.000	Cây giống có 4-5 lá	
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	92	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	96		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.500		
	Phân bón lá	Kg/lít	10	TCCS	
	Vôi	Kg	500	TCCS	
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	

d	Chậu trồng	Cái	3.250	Chậu nhựa hoặc vật liệu khác tương đương	4 Cây/chậu
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

3. MÔ HÌNH SẢN XUẤT HUỆ TRẮNG

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất huệ trắng**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-59.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Sản xuất huệ trắng	04	1,0

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**16**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**95**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**71**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**24**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,80	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,60	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,60	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	192	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	192	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
a	Giống	Cây	300.000	TCCS	
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	138	TCCS Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	64		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	1.500		
	Vôi	Kg	500	TCCS	
	Phân bón lá	Kg/lít	5	//	
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	

II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

4. MÔ HÌNH SẢN XUẤT VẠN THỌ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất vạn thọ**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-60.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Sản xuất vạn thọ	02	1,0

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**08**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	08	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**84**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**63**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	08	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**21**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	168	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	168	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
a	Giống				
	- Hạt giống	Kg	0,4	Tỷ lệ nảy mầm ≥ 80%	
	- Cây giống	Cây	80.000	Cây giống có 5-6 lá	
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	92	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	96		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	30		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.500		
	Phân bón lá	Kg/lít	5		

	Vôi	Kg	500	TCCS	
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
d	Chậu trồng	Cái	20.000	Chậu nhựa hoặc vật liệu khác tương đương	4 Cây/chậu
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

5. MÔ HÌNH SẢN XUẤT CÁT TƯỜNG

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất cát tường (03 tháng)**.

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-61.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Sản xuất cát tường	03	1,0

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**12**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	12	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**89**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**67**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**22**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,40	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	176	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	176	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
a	Giống	Cây	60.000	Cây giống có 5-6 lá	
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	115	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	64		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	150		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Phân bón lá	Kg/lít	10		
	Vôi	Kg	500	TCCS	
c	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	

d	Chậu trồng	Cái	15.000	Chậu nhựa hoặc vật liệu khác tương đương	4 Cây/chậu
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

6. MÔ HÌNH SẢN XUẤT HOA LAN (MOKARA, DENDROBIUM)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất hoa lan (mokara, dendrobium)**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-62**.

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Sản xuất hoa lan (mokara, dendrobium)	06	1,0

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**105**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**79**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**26**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	208	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	208	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
	Giống	Cây	100.000	Có 03 - 04 rễ, rễ phát triển khỏe, lá xanh, không bị sâu bệnh	
	Năm thứ 1				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	6	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	2		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	2		
	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				

	Đạm nguyên chất (N)	Kg	12	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	4		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	4		
	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	T QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

7. MÔ HÌNH SẢN XUẤT HOA HỒNG

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất hoa hồng**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-63.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Sản xuất hoa hồng	02	1,0

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**08**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	08	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**84**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**63**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	08	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**21**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	168	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	168	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
a	Giống	Cây	50.000		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	460	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	400		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	480		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	5.000		
	Phân bón lá	Kg/lít	5		
c	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
d	Vật rẻ tiền mau hỏng phục			Theo quy trình kỹ thuật	

	vụ sản xuất				
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

8. MÔ HÌNH SẢN XUẤT HOA ĐỒNG TIỀN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất hoa đồng tiền**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-64.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Sản xuất hoa đồng tiền	04	1,0

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**16**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**95**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**71**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**24**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,80	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,60	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,60	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	192	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	192	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
a	Giống (1 cây/ chậu)	Cây	80.000	Cây giống cao 4-5 cm, có từ 5-6 lá	
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	500	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	500		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	375		
	Phân bón lá	Kg/lít	5	TCCS	
c	Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
d	Chậu trồng Cây (20cm x 22cm)	Cái	80.000		

e	Giá thể	Kg	65.000	Tương đương 500m^3	
f	Lưới đen che nắng 60%	m^2	10.000		
g	Màng che nilon (diện tích x1,3)	m^2	13.000		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

9. MÔ HÌNH SẢN XUẤT HOA LILY

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất hoa Lily**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-65.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Sản xuất hoa Lily	03	1,0

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**12**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	12	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**89**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**67**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**22**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,40	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	176	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	176	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
a	- Giống (3 Cây/ chậu)	Củ	150.000		
	- Giống (5 Cây/ chậu)	Củ	150.000		
b	Phân bón				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	500	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	500		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	375		
	Phân bón lá	Kg/lít	5	TCCS	
c	Thuốc BVTV	1000đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	

d	Chậu trồng Cây (22 cm x 25 cm)	Cái	50.000		
e	Chậu trồng Cây (32 cm x 30 cm)	Cái	30.000		
f	Giá thể	Kg	50.000	Tương đương 315 m^3	
g	Lưới đen che nắng 60%	m^2	10.000		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

10. MÔ HÌNH SẢN XUẤT MAI VÀNG

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất mai vàng**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-66.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Sản xuất mai vàng	06	1,0

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**105**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**79**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12

	chỉ đấu thầu.		công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**26**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	208	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	208	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
a	Giống	Cây	7.000	Có 3 cặp lá trưởng thành trở lên, thân vững chắc, Cây không bị tổn thương, không bị sâu bệnh, rễ phát triển tốt, có nhiều rễ thứ cấp	
	Năm thứ 1				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	123	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng g	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	234		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	42		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.500	TCCS	
	Vôi	Kg	2.000		

	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	328	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	576		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	5.000	TCCS	
	Vôi	Kg	2.000		
	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

11. MÔ HÌNH SẢN XUẤT MAI NU GÒ CÔNG

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất mai nu gò công**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-67.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Sản xuất mai nu gò công	06	1,0

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**105**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**79**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**26**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	208	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	208	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
a	Giống	Cây	4.444	Có 3 cặp lá trưởng thành trở lên, thân vững chắc, Cây không bị tổn thương, không bị sâu bệnh, rễ phát triển tốt, có nhiều rễ thứ cấp	
	Năm thứ 1				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	81	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.500		
	Vôi	Kg	2.000		

	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2,3				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	161	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	120		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.000		
	Vôi	Kg	2.000		
	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

12. MÔ HÌNH SẢN XUẤT MAI CHIẾU THỦY

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất mai chiếu thủy (6 tháng)**.

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-68.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Sản xuất mai chiếu thủy	06	1,0

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**105**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**79**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**26**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	208	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	208	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
a	Giống	Cây	4.444	Có 3 cặp lá trưởng thành trở lên, thân vững chắc, Cây không bị tổn thương, không bị sâu bệnh, rễ phát triển tốt, có nhiều rễ thứ cấp	
	Năm thứ 1				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	81	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	80		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	60		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	2.500		
	Vôi	Kg	2.000		

	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
	Năm thứ 2,3				
	Đạm nguyên chất (N)	Kg	161	QCVN 01-189:2019/BNNPTNT Có thể sử dụng phân hỗn hợp với tỉ lệ quy đổi N, P_2O_5, K_2O tương ứng	
	Lân nguyên chất (P_2O_5)	Kg	160		
	Kali nguyên chất (K_2O)	Kg	72		
	Phân hữu cơ/sinh học/vi sinh	Kg	3.000		
	Vôi	Kg	2.000		
	Thuốc BVTV	1.000 đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

13. MÔ HÌNH SẢN XUẤT KIỂNG LÁ (TRẦU BÀ, NGŨ GIA BÌ, PHÚ QUÝ, LƯỠI HỔ, DẠ LAN THANH, …)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Sản xuất kiểng lá** (trầu bà, ngũ gia bì, phú quý, lưỡi hổ, dạ lan thanh, …).

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTT-69.**

3. Địa bàn thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Mô hình sản xuất kiểng lá	3	1 ha

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**12**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình. - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	12	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**89**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**67**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương . - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**22**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,40	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,80	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng,	8,80	= 40% định mức LĐGT

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
	kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.		

2. Định mức máy móc, thiết bị:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy phun thuốc BVTV	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	176	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	176	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**Tính trên 01 ha**
1	Cây giống kiểng lá	Cây	100.000	5–6 lá thật, không sâu bệnh	
2	Chậu nhựa trồng cây	Cái	100.000	20–25cm đường kính	cây/chậu
	Giá thể (xơ dừa, tro trấu)	Kg	250.000	Trộn sẵn theo tỷ lệ phù hợp	
	Phân hữu cơ vi sinh	Kg	2.500	Chứng nhận theo QCVN 01-189:2019	
	Phân bón lá	Kg/Lít	10	Theo nhu cầu giai đoạn	
	Vôi bột xử lý giá thể	Kg	500	TCCS	
3	Thuốc BVTV sinh học	1.000đ	1.000	QCVN 01-188:2018/BNNPTNT	

4	Lưới đen che nắng 60%	m^2	10.000	Che nắng 10.000m^2 diện tích chậu	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**Tính trên 01 MH**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

Phần 2
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

1. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI HEO THƯƠNG PHẨM

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình Chăn nuôi heo thương phẩm**.
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-01.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
1	MH chăn nuôi heo ATSH	06	150
2	MH chăn nuôi heo GAP	06	100
3	MH chăn nuôi heo hữu cơ	08	40 - 50

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)			Ghi chú
		ATSH	GAP	Hữu cơ	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	**24**	**32**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	24	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	**126**	**137**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	**95**	**103**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	4	4	

1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	24	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	2	

1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**25**	**31**	**34**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,00	6,20	6,80	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00	12,40	13,60	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00	12,40	13,60	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng			Tiêu chuẩn, chất lượng
			ATSH	GAP	Hữu cơ	
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**					
1	Hệ thống làm mát chuồng	Hệ thống	01	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống máng ăn tự động	Hệ thống	01	01	01	
3	Hệ thống máng uống tự động	Hệ thống	01	01	01	
4	Máy phát điện	Máy	01	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**					
1	Bộ máy vi tính	Giờ	200	248	272	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	200	248	272	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	32	

3. Định mức vật tư:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng			Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
			ATSH	GAP	Hữu cơ		
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**						**(Tính trên 01 con)**
1	Giống	Kg/con	7-10	7-10	7-10	Con giống được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.	TCVN 11910:2018-Heo Giống- Yêu cầu kỹ thuật; Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN

							24/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT
2	Thức ăn	Kg/con	225	225	225	Tỷ lệ protein thô 16-18% đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	
3	Thuốc thú y						
3.1	Vắc-xin	Liều/con	06	06	06	(01) Dịch tả heo (01) Lở mồm long móng (01) Tai Xanh (01) Tụ huyết trùng (01) Phó thương hàn (01) Đóng dấu	Danh mục vắc-xin là yêu cầu tối thiểu, tùy theo tình hình dịch tễ tại địa phương và khuyến cáo của cơ quan thú ý, cán bộ kỹ thuật có trách nhiệm hướng dẫn bổ sung các loại vắc-xin cần thiết khác
3.2	Hoá chất sát trùng	Lít/MH	20	20	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	Phun xịt định kỳ 1 lần/tuần và phun đột xuất khi có nguy cơ dịch bệnh
3.3	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều/con	02	02	02		
3.4	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,1	0,1		Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
3.5	Chế phẩm vi sinh						
	Chế phẩm bổ sung vào thức ăn	kg/con	-	-	1,6	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	Tỷ lệ 0,7 % thức ăn
	Chế phẩm bổ sung vào nước uống	lít/con	-	-	0,1		
	Chế phẩm phun trong chuồng nuôi	lít/con	-	-	0,1		
	Chế phẩm bổ	kg/con	-	-	0,1		

	sung vào chất độn chuồng						
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**						(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	01	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức			Tiêu chuẩn, chất lượng
			ATSH	GAP	Hữu cơ	
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	01	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	02	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	300	300	Loại thông dụng trên thị trường

2. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI HEO SINH SẢN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình Chăn nuôi heo sinh sản**.
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-02.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
1	MH Chănnuôi heo sinh sản	18	110

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**72**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	72	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**164**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**123**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	72	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)

1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**41**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Chuồng nuôi heo nái chửa	Lồng/con	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Chuồng nuôi heo nái nuôi con	Lồng/con	01	
3	Hệ thống làm mát chuồng	Bộ	01	
4	Hệ thống máng ăn tự động	Bộ	02	
5	Hệ thống máng uống tự động	Bộ	02	
6	Sàn nuôi lợn con sau cai sữa	m^2/con	0,6	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	328	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	328	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				***(Tính trên 01 con)***
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	TCVN 11910:2018- Heo giống- Yêu cầu kỹ thuật;

					Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT
	Giống hậu bị (giống ngoại)	Kg	100		
	Giống hậu bị (giống nội)	Kg	22		
2	Thức ăn				
	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo giống ngoại	Kg	534	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của dự án	
	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho heo giống nội	Kg	482		
3	Thuốc thú y				
	Vắc-xin	Liều	12	(02) Dịch tả (02) LMLM (02) Tai xanh (02) Tụ huyết trùng (02) Phó thương hàn (02) Đóng dấu heo	Danh mục vắc-xin là yêu cầu tối thiểu, tùy theo tình hình dịch tễ tại địa phương và khuyến cáo của cơ quan thú ý, cán bộ kỹ thuật có trách nhiệm hướng dẫn bổ sung các loại vắc-xin cần thiết khác
	Hoá chất sát trùng	Lít	40	Dung dịch pha loãng theo quy định	Phun xịt định kỳ 1 lần/tuần và phun đột xuất khi có nguy cơ dịch bệnh
	Chế phẩm sinh học	Kg	0,2	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều	02		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

3. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI GÀ THƯƠNG PHẨM

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình Chăn nuôi gà thương phẩm**.
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-03.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
1	MH chăn nuôi gà an toàn sinh học	05	3.000
2	MH chăn nuôi gà GAP	05	5.000
3	MH chăn nuôi gà hữu cơ	06	2.000 - 3.000

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)			Ghi chú
		ATSH	GAP	Hữu cơ	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**20**	**20**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	20	20	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**94**	**121**	**126**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**71**	**91**	**95**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	4	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	2	

1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	24	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	20	20	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	1	

2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**23**	**30**	**31**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,60	6,00	6,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,20	12,00	12,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,20	12,00	12,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng			Tiêu chuẩn, chất lượng
			ATSH	GAP	Hữu cơ	
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**					
1	Hệ thống làm mát chuồng	Hệ thống	01	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01	01	01	
3	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01	01	01	
4	Máy phát điện	Máy	01	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**					
1	Bộ máy vi tính	Giờ	184	240	248	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	184	240	248	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	32	

3. Định mức vật tư:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng			Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
			ATSH	GAP	Hữu cơ		
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**						**(Tính trên 01 con)**
1	Giống	Con				Con giống được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh					Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của	
	Thức ăn cho gà nuôi	Kg	6,3	6,3	6,6		

	thả vườn (lông màu)					dự án	
	Thức ăn cho gà tre thả vườn	kg	3,5	3,5	3,5		
	Thức ăn cho gà nuôi công nghiệp (lông trắng)	Kg	5,5	5,5	-		
	Thức ăn cho gà ác thịt	Kg	0,6	0,6	0,6		
3	Vắc-xin	Liều	7	7	7	(02) Gumboro (02) ND - IB (01) Newcastle (01) Đậu gà (01) Cúm Gia cầm	Danh mục vắc-xin là yêu cầu tối thiểu, tùy theo tình hình dịch tễ tại địa phương và khuyến cáo của cơ quan thú ý, cán bộ kỷ thuật có trách nhiệm hướng dẫn bổ sung các loại vắc-xin cần thiết khác
4	Hoá chất sát trùng	Lít	0,5	0,5	0,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	Phun xịt định kỳ 1 lần/tuần và phun đột xuất khi có nguy cơ dịch bệnh
5	Chế phẩm sinh học	Kg	0,05	0,05	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**						(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	01	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức			Tiêu chuẩn, chất lượng
			ATSH	GAP	Hữu cơ	
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	01	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	02	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	300	300	Loại thông dụng trên thị trường

4. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI GÀ SINH SẢN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình chăn nuôi gà sinh sản**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-04.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
	MH Chăn nuôi gà sinh sản	18	2.000

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**72**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	72	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**164**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**123**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình.	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	72	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**41**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy móc, thiết bị chăn nuôi (cho 1 trang trại chăn nuôi)			
	Lồng tầng	Con/m^2	8-12	
	Sàn nhựa	Con/m^2	6-8	
	Hệ thống làm mát chuồng	Hệ thống	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01	
	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01	
	Hệ thống thu trứng	Hệ thống	01	
	Hệ thống tải phân	Hệ thống	01	
	Máy phát điện	Máy	01	
2	Thiết bị, vật tư ấp trứng gà (Áp dụng cho quy mô ≥ 1.000 gà mái/cơ sở/hộ/nhóm hộ)			
	Máy ấp trứng gia cầm	Chiếc	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
	Máy nở	Chiếc	01	Công suất = 30% máy ấp

	Máy phát điện	Chiếc	01	
	Máy phun thuốc sát trùng	Chiếc	01	
	Hoá chất sát trùng	Lít/cơ sở	20	Dung dịch pha loãng theo quy định
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	328	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	328	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)**
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg		Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình/dự án	
	Thức ăn cho gà đẻ công nghiệp	Kg	9,1		
	Thức ăn cho gà ác đẻ	Kg	5,5		
3	Thuốc thú y				
	Vắc-xin	Liều	14	(03) Gumboro (02) IB (04) Newcastle (01) Đậu gà (02) Cúm Gia cầm (02) ILT	Danh mục vắc-xin là yêu cầu tối thiểu, tùy theo tình hình dịch tễ tại địa phương và khuyến cáo của cơ quan thú ý, cán bộ kỹ thuật có trách nhiệm hướng dẫn bổ sung các loại vắc-xin cần thiết khác
	Hoá chất sát trùng	Lít	2,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	Phun xịt định kỳ 1 lần/tuần và phun đột xuất khi có nguy cơ dịch bệnh
	Chế phẩm sinh học	Kg	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/ MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

5. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI VỊT THƯƠNG PHẨM

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình Chăn nuôi vịt thương phẩm**.

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-05.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
1	MH Chănnuôi vịt an toàn sinh học	05	3.000
2	MH Chănnuôi vịt GAP	05	5.000

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)		Ghi chú
		ATSH	GAP	
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**20**	**20**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	20	20	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**94**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**71**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư,	24	24	03 người x 2 tổ

	thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.			x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	20	20	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**23**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám	4,60	6,00	= 20% định

	đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.			mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,20	12,00	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,20	12,00	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng		Tiêu chuẩn, chất lượng
			ATSH	GAP	
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				
1	Hệ thống làm mátchuồng	Hệ thống	01	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01	01	
3	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01	01	
4	Máy phát điện	Máy	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	184	240	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	184	240	
3	Máy Laptop	Giờ	32	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	32	

3. Định mức vật tư:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng		Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
			ATSH	GAP		
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**					**(Tính trên 01 con)**
1	Giống	Con			Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg	9,4	9,4	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình/dự án	
3	Vắc-xin	Liều	4	4	(02) Dịch tả (01) Viêm gan (01) Cúm Gia cầm	Danh mục vắc-xin là yêu cầu tối thiểu, tùy theo tình hình dịch tễ tại địa phương và khuyến cáo của cơ quan thú ý, cán bộ kỹ thuật có trách nhiệm hướng dẫn bổ

						sung các loại vắc-xin cần thiết khác
4	Hoá chất sát trùng	Lít	0,5	0,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	Phun xịt định kỳ 1 lần/tuần và phun đột xuất khi có nguy cơ dịch bệnh
5	Chế phẩm sinh học	Kg	0,05	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**					(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức		Tiêu chuẩn, chất lượng
			ATSH	GAP	
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	300	Loại thông dụng trên thị trường

6. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI VỊT SINH SẢN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Môhình **Chăn nuôi vịt sinh sản**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-06.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
	MH Chăn nuôi vịt sinh sản	18	2.000

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**72**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	72	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**164**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**123**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	

1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	72	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**41**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy móc, thiết bị chăn nuôi (cho 1 trang trại chăn nuôi)			
	Sàn nhựa	Con/m^2	3,5-4	
	Hệ thống làm mát chuồng	Hệ thống	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01	
	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01	
	Máy phát điện	Máy	01	
2	Thiết bị, vật tư ấp trứng vịt (Áp dụng cho quy mô ≥ 1.000 vịt mái/cơ sở/hộ/nhóm hộ)			
	Máy ấp trứng gia cầm	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
	Máy nở	Máy	01	Công suất = 30% máy ấp
	Máy phát điện	Máy	01	
	Máy phun thuốc sát trùng	Máy	01	
	Hoá chất sát trùng	Lít/cơ sở	20	Dung dịch pha loãng theo quy định

II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	328	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	328	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)**
1	Giống	Con		Con giống được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg	30	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình/dự án	
3	Thuốc thú y				
	Vắc-xin	Liều	11	(03) Viêm gan vịt (03) Dịch tả vịt (03) Cúm Gia cầm (02) Tụ huyết trùng	Danh mục vắc-xin là yêu cầu tối thiểu, tùy theo tình hình dịch tễ tại địa phương và khuyến cáo của cơ quan thú ý, cán bộ kỹ thuật có trách nhiệm hướng dẫn bổ sung các loại vắc-xin cần thiết khác
	Hoá chất sát trùng	Lít	2,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	Phun xịt định kỳ 1 lần/tuần và phun đột xuất khi có nguy cơ dịch bệnh
	Chế phẩm sinh học	Kg	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/ MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

7. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI CHIM CÚT SINH SẢN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Mô hình **Chăn nuôi chim cút sinh sản**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-07.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
	MH Chăn nuôi chim cút sinh sản	18	4.000

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**72**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	72	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**164**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**123**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn:

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	72	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**41**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
	Thiết bị, vật tư ấp trứng (Áp dụng cho quy mô ≥ 4.000 mái sinh sản/cơ sở/hộ/nhóm hộ)			
1	Máy ấp trứng chim cút	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị

2	Máy nở	Máy	01	Công suất = 30% máy ấp
3	Máy phát điện	Máy	01	
4	Máy phun thuốc sát trùng	Máy	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	328	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	328	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)**
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg	0,7	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình/dự án	
3	Vắc-xin	Liều	04	(04) Newcastle	Danh mục vắc-xin là yêu cầu tối thiểu, tùy theo tình hình dịch tễ tại địa phương và khuyến cáo của cơ quan thú ý, cán bộ kỷ thuật có trách nhiệm hướng dẫn bổ sung các loại vắc-xin cần thiết khác
4	Hoá chất sát trùng	Lít	01	Dung dịch pha loãng theo quy định	Phun xịt định kỳ 1 lần/tuần và phun đột xuất khi có nguy cơ dịch bệnh
5	Chế phẩm sinh học	Kg	0,01	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy	

				định của pháp luật	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/ MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

8. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI ĐÀ ĐIỂU THƯƠNG PHẨM

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hìnhChăn nuôi đà điểu thương phẩm**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-08.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
	MH Chăn nuôi đà điểu thương phẩm	12	100

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các	2	

	hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**33**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,60	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13,20	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13,20	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Hệ thống làm mát chuồng	Hệ thống	01	
2	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01	
3	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01	
4	Máy phát điện	Cái	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	264	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	264	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)**
1	Giống	Kg	≥ 3,0	Đà điểu 01 tháng tuổi, giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg	426	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình/dự án	
3	Thuốc thú y				
	Vắc-xin	Liều	04	(02) Newcastle (02) Cúm Gia cầm (1 liều Newcastle = 4 lần liều gà, 1 liều Cúm = 3 lần liều gà)	Danh mục vắc-xin là yêu cầu tối thiểu, tùy theo tình hình dịch tễ tại địa phương và khuyến cáo của cơ quan thú ý, cán bộ kỹ thuật có trách nhiệm hướng dẫn bổ sung các loại vắc-xin cần thiết khác
	Hoá chất sát trùng	Lít	40	Dung dịch pha loãng theo quy định	Phun xịt định kỳ 1 lần/tuần và phun đột xuất khi có nguy cơ dịch bệnh
	Chế phẩm sinh học	Kg	0,5	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**

2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

9. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI ĐÀ ĐIỂU SINH SẢN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình Chăn nuôi đà điểu sinh sản**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-09.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
	MH Chăn nuôi đà điểu sinh sản	24	50

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**96**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	96	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**196**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**147**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	96	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**49**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,80	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	19,60	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	19,60	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông** *(Áp dụng cho quy mô ≥ 50 mái sinh sản/cơ sở/hộ/nhóm hộ)*			
1	Máy ấp trứng đà điểu	Máy	01	
2	Máy nở	Máy	01	
3	Máy phát điện	Máy	01	
4	Máy phun thuốc sát trùng	Máy	01	
5	Hoá chất sát trùng	Lít	20	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	392	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	392	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				(Tính trên 01 con)
1	Giống	Kg	≥ 3,0	Đà điểu 01 tháng tuổi, giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg	796	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình/dự án	
3	Thuốc thú y				
	Vắc-xin	Liều	06	(03) Newcastle (03)Cúm Gia cầm (Liều vắc xin Newcastle, Cúm GC = 3 lần liều cho gà)	Danh mục vắc-xin là yêu cầu tối thiểu, tùy theo tình hình dịch tễ tại địa phương và khuyến cáo của cơ quan thú ý, cán bộ kỹ thuật có trách nhiệm hướng dẫn bổ sung các loại vắc-xin cần thiết khác
	Hoá chất sát trùng	Lít	80	Dung dịch pha loãng theo quy định	Phun xịt định kỳ 1 lần/tuần và phun đột

					xuất khi có nguy cơ dịch bệnh
	Chế phẩm sinh học	Kg	0,5	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

10. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI BỒ CÂU

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình Chăn nuôi bồ câu**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-10.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
	MH Chăn nuôi bồ câu	18	1.000

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**72**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	72	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**164**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**123**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ

	quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	72	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**41**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,20	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16,40	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16,40	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông** *(Áp dụng cho quy mô ≥ 500 mái sinh sản/cơ sở/hộ/nhóm hộ)*			
1	Máy ấp trứng bồ câu	Máy	01	
2	Máy nở	Máy	01	
3	Máy phát điện	Máy	01	
4	Máy phun thuốc sát trùng	Máy	01	
5	Hoá chất sát trùng	Lít	20	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	328	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	328	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)**
1	Giống			Giống bồ câu ngoại và bồ câu lai từ 03 tháng tuổi. Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg	10,8	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình/dự án	
3	Thuốc thú y				
	Vắc-xin	Liều	01	Newcastle	Danh mục vắc-xin là yêu cầu tối thiểu, tùy theo tình hình dịch tễ tại địa phương và khuyến cáo của cơ quan thú ý, cán bộ kỷ thuật có trách nhiệm hướng dẫn bổ sung các loại vắc-xin cần thiết

					khác
	Hoá chất sát trùng	Lít	02	Dung dịch pha loãng theo quy định	Phun xịt định kỳ 1 lần/tuần và phun đột xuất khi có nguy cơ dịch bệnh
	Chế phẩm sinh học	Kg	0,03	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

11. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI TRÂU, BÒ SINH SẢN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình Chăn nuôi trâu, bò sinh sản**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-11.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
	MH Chăn nuôi trâu, bò sinh sản	18	Quy mô 10-20 con cái, 2-5 con đực

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**72**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	72	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**164**	

1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**123**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	72	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**41**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,2	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại)	16,4	= 40% định mức LĐGT.

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.		
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16,4	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông** *(Áp dụng cho 1 trang trại chăn nuôi)*			
1	Máy băm thái cỏ	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Máy trộn thức ăn	Máy	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	328	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	328	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)**
1	Giống			Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
	Bò cái giống	Kg	220		
	Trâu cái giống	Kg	350		
2	Thức ăn hỗn hợp				
	Thức ăn hỗn hợp cho bò cái chửa	Kg	540	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình/dự án	
	Thức ăn hỗn hợp cho trâu cái chửa	Kg	660		
3	Tảng đá liếm	Kg	03		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

12. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI TRÂU, BÒ THƯƠNG PHẨM

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình Chăn nuôi trâu, bò thương phẩm**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-12.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
	MH Chăn nuôi trâu, bò thương phẩm	18	Quy mô 50-100 con

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**72**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	72	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**164**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**123**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	72	4 công/ tháng x số tháng thực hiện

			MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**41**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,2	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16,4	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16,4	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông** *(Áp dụng cho 1 trang trại chăn nuôi)*			
1	Máy băm thái cỏ	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Máy trộn thức ăn	Máy	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	328	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	328	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)**
1	Giống	con		Giống được công nhận TBKT, công	

				bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp	Kg	270	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình/dự án	
3	Thuốc thú y				
	Thuốc tẩy ngoại KST	Liều	01		
	Thuốc tẩy nội KST	Liều	01		
	Chế phẩm sinh học (áp dụng cho Trâu, bò thương phẩm và xử lý môi trường bằng chế phẩm sinh học)	Kg	0,75	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)
	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

13. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI VỖ BÉO TRÂU, BÒ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình Chăn nuôi vỗ béo trâu, bò**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-13.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
	MH Chăn nuôi vỗ béo trâu, bò	05	Quy mô 50-70 con

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**20**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	20	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**94**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**71**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm

			định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	20	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**23**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,60	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,20	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,20	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông** *(Áp dụng cho 1 trang trại chăn nuôi)*			
1	Máy băm thái cỏ	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Máy trộn thức ăn	Máy	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	184	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	184	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)**
1	Giống			Đối tượng bò, trâu đưa vào vỗ béo theo QĐ 294, 295/QĐ-CN-MTCN ngày 23/09/2020 hướng dẫn kỹ thuật vỗ béo bò, trâu trước khi giết thịt	
2	Thức ăn hỗn hợp	Kg	270	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình/dự án	
3	Thuốc thú y				
	Thuốc tẩy ngoại KST	Liều	01		
	Thuốc tẩy nội KST	Liều	01		
4	Vỗ béo trâu , bò thịt và xử lý môi trường bằng chế phẩm sinh học				
	Nguyên liệu làm đệm lót	Kg	900	Từ phụ phẩm nông nghiệp: Rơm, trấu….	
	Chế phẩm vi sinh	Kg	0,75	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	

II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

14. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI BÒ SỮA

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình Chăn nuôi bò sữa**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-14.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
	MH Chăn nuôi bò sữa	18	Quy mô 50 con

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**72**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	72	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**164**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**123**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	

1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	72	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**41**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,2	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16,4	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư).	16,4	= 40% định mức LĐGT

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.		

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông** *(Áp dụng cho 1 trang trại chăn nuôi)*			
1	Máy băm thái cỏ	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Máy trộn thức ăn	Máy	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	328	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	328	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)**
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
	Tinh đông lạnh	Liều	04		
2	Thức ăn hỗn hợp cho bò cái chửa	Kg	540	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình/dự án	
3	Tảng đá liếm	Kg	03		
4	Nguyên liệu ủ chua thức ăn xanh (1 tấn cỏ)				
	Cám gạo, bột ngô hoặc bột sắn	Kg	30		
	Muối ăn	Kg	05		
	Ủ bằng bể ủ/hố ủ (Bạt lót bể ủ/hố ủ)	M^2	08		
	Ủ bằng túi ủ (Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm)	Túi	02		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

15. MÔ HÌNH CẢI TẠO TRÂU BÒ BẰNG THỤ TINH NHÂN TẠO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hìnhCải tạo trâu bò bằng thụ tinh nhân tạo**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-15.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
	MH Cải tạo trâu bò bằng thụ tinh nhân tạo	18	Quy mô 50 -70 con

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**72**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	72	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**164**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**123**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình.	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	72	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**41**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,2	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16,4	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16,4	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông** *(Áp dụng cho 1 trang trại chăn nuôi)*			
1	Máy băm thái cỏ	Máy	01	Phù hợp với quy mô mô hình/dự án, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Máy trộn thức ăn	Máy	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	328	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	328	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)**
1	Giống	Con		Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
	Tinh đông lạnh	Liều	02		
	Ni tơ lỏng	Lít	02		
	Găng tay, ống gen	Bộ	02		
2	Thức ăn hỗn hợp			Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình/dự án	
	Thức ăn hỗn hợp cho bò cái chửa	Kg	540		
	Thức ăn hỗn hợp cho trâu cái chửa	Kg	660		
3	Tảng đá liếm	Kg	03		
4	Bình Nitơ 3,5 -3,7 lít	Cái/ huyện	02		
5	Súng bắn tinh	Cái/ huyện	06		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

16. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI DÊ, CỪU THƯƠNG PHẨM

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình Chăn nuôi dê, cừu thương phẩm**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-16.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
	MH Mô hình Chăn nuôi dê, cừu thương phẩm	05	Quy mô 50 con

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**20**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	20	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**94**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**71**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	

1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	20	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**23**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,60	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,20	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,20	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy băm thái cỏ	Máy	01	
2	Máy trộn thức ăn	Máy	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	184	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	184	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)**
1	Giống	Kg	15	Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg	45	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình/dự án	
3	Vắc-xin	Liều	04	(1) Tụ huyết trùng (1)Viêm ruột hoại tử (1) LMLM (1) Đậu	Danh mục vắc-xin là yêu cầu tối thiểu, tùy theo tình hình dịch tễ tại địa phương và khuyến cáo của cơ quan thú ý, cán bộ kỷ thuật có trách nhiệm hướng dẫn bổ sung các loại vắc-xin cần thiết khác
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)

1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường		

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

17. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI DÊ, CỪU SINH SẢN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình Chăn nuôi dê, cừu sinh sản**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-17.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
	MH Mô hình Chăn nuôi dê, cừu sinh sản	12	Quy mô 40-60 con

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	48	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình.	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	48	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**33**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13,2	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13,2	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Máy băm thái cỏ	Máy	01	
2	Máy trộn thức ăn	Máy	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	264	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	264	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)**
1	Giống	Kg		Giống được công	

				nhận TBKT, công bố TCCS	
	Dê cái giống ngoại	Kg	23-27		
	Dê cái giống nội	Kg	13-17		
	Dê cái lai	Kg	18-22		
	Cừu cái	Kg	16-20		
	Dê, cừu đực giống ngoại	Kg	30-34		
	Dê, cừu đực giống lai	Kg	28 - 32		
2	Thức ăn hỗn hợp			Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình/dự án	
	Thức ăn hỗn hợp cho dê, cừu đực giống	Kg	115		
	Thức ăn hỗn hợp cho dê, cừu cái từ hậu bị đến đẻ	Kg	115		
3	Vắc-xin	Liều	08	(2)Tụ huyết trùng (2)Viêm ruột hoại tử (2) LMLM (2) Đậu	Danh mục vắc-xin là yêu cầu tối thiểu, tùy theo tình hình dịch tễ tại địa phương và khuyến cáo của cơ quan thú ý, cán bộ kỷ thuật có trách nhiệm hướng dẫn bổ sung các loại vắc-xin cần thiết khác
4	Tảng đá liếm	Kg	02		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

18. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI DÊ SỮA THƯƠNG PHẨM

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình Chăn nuôi dê sữa thương phẩm**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-18.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
	MH Chăn nuôi dê sữa thương phẩm	12	Quy mô 100 con

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	48	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình.	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	48	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**33**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13,2	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13,2	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Bình đựng sữa thể tích 25 lít	Bình/hộ	01	
2	Máy băm thái cỏ	Máy	01	
3	Máy trộn thức ăn	Máy	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	264	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	264	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)**
1	Giống			Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
	Dê cái giống	Kg	18-22		
	Dê đực giống	Kg	35-40		
2	Thức ăn – thuốc thú y (tính cho 01 con)				
2.1	Thức ăn hỗn hợp			Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình/dự án	
	Thức ăn hỗn hợp cho dê đực	Kg	36		
	Thức ăn hỗn hợp cho dê cái từ hậu bị đến đẻ lứa đầu	Kg	120		
2.2	Vắc-xin	Liều	08	(2) Tụ huyết trùng (2)Viêm ruột hoại tử (2) LMLM (2) Đậu	Danh mục vắc-xin là yêu cầu tối thiểu, tùy theo tình hình dịch tễ tại địa phương và khuyến cáo của cơ quan thú ý, cán bộ kỷ thuật có trách nhiệm hướng dẫn bổ sung các loại vắc-xin cần thiết khác
2.3	Tảng đá liếm	Kg	03		
3	Bình đựng sữa thể tích 25 lít	Bình/ hộ	01	Bình làm bằng chất liệu nhôm hoặc hợp kim, không bị ô xy hóa	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Photo tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

19. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI THỎ THƯƠNG PHẨM

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình Chăn nuôi thỏ thương phẩm**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-19**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
	MH Chăn nuôi thỏ thương phẩm	05	Quy mô 1.000 con

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**20**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	20	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**94**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**71**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ	2	

	tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	20	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**23**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,60	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,20	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,20	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Chuồng lồng	Hệ thống	01	
2	Máng ăn, máng uống	Hệ thống	01	
3	Máy cắt cỏ	Cái	01	
4	Máy phối trộn thức ăn	Cái	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	184	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	184	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)**
1	Giống	Kg	0,5	Giống được công	

				nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn – thuốc thú y (tính cho 01 con)				
2.1	Thức ăn hỗn hợp	Kg	13,5	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình/dự án	
2.2	Vắc-xin	Liều	01	(1) Bại huyết	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II, Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

20. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI THỎ SINH SẢN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình Chăn nuôi thỏ sinh sản**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-20.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
	MH Chăn nuôi thỏ sinh sản	12	Quy mô 500 con

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	48	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình	48	4 công/tháng x số

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.		tháng thực hiện MH
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**33**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13,2	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13,2	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Chuồng lồng	Hệ thống	01	
2	Máng ăn, máng uống	Hệ thống	01	
3	Máy cắt cỏ	Cái	01	
4	Máy phối trộn thức ăn	Cái	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	264	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	264	
3	Máy Laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)**
1	Giống	Kg	2,5-3	Giống được công	

				nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn hỗn hợp: Hỗ trợ thức ăn trong 120 ngày	Kg	27	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình/dự án	
3	Vắc-xin	Liều	02	(1) Bại huyết	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục II, Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

21. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI ONG

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình Chăn nuôi ong**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-21.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
1	MH Chăn nuôi ong ngoại	12	Quy mô 100 đàn
2	MH Chăn nuôi ong ngoại	12	Quy mô 100 đàn

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	48	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2)

			Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	48	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**33**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13,2	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13,2	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc, thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng		Tiêu chuẩn, chất lượng
			Ong ngoại	Ong nội	
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông** *(tính trên 1 đàn)*				
	Thùng kế	Thùng/ điểm/ cơ sở	100	50	Áp dụng đối với mô hình/dự án có thùng kế
	Máng cho ong ăn	Cái	01	01	
	Tầng chân	Cái	10	04	
	Thùng quay mật	Cái/ hộ	01	01	
	Bộ dụng cụ nhân đàn (kim di trùng, thùng nhân đàn, bình xịt khói, bảo hộ lao động)	Bộ/hộ	01	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**				
1	Bộ máy vi tính	Giờ	264		Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	264		
3	Máy Laptop	Giờ	32		
4	Máy chiếu	Giờ	32		

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng		Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
			Ong ngoại	Ong nội		
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**					**(Tính trên 01 đàn)**
1	Ong giống	Đàn/ điểm/ cơ sở	100	50	Giống được công nhận TBKT, công bố TCCS	
2	Thức ăn – thuốc thú y (tính cho 01 đàn)					
2.1	Đường	Kg	30	18		

2.2	Phấn hoa	Kg	0,3	0,2		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**					(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01		Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

22. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI CHỒN HƯƠNG (CẦY VÒI HƯƠNG) SINH SẢN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình chăn nuôi chồn hương (cầy vòi hương) sinh sản**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-22.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
1	Mô hình chăn nuôi chồn hương (cầy vòi hương) sinh sản	8	50

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình,dự án khuyến nông**	**32**	
	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyênngành trở lên.	32	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	83	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhucầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thựchiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địaphương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiệntham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia môhình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	Định mức lao động gián tiếp (LĐGT)(quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừahành, phục vụ)	28	=1/3xLĐTT
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,2	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,2	= 40% định mức LĐGT.

2. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	224	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	224	
3	Máy laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				(Tính trên 01 con) Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
1	Chồn hương giống	Con kg	01 ≥1-1,5	Giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng. Hộ chăn nuôi phải thực hiện đăng ký mã số cơ sở nuôi và tuân thủ các quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan.	
2	Thức ăn, thuốc thú y				
	- Thức ăn chồn hương lớn				
	+ Thức ăn tươi sống (cá, thịt, các loại)	Kg/con/ngày	0,2		
	+ Quả các loại (chuối, đu đủ,…)	Kg/con/ngày	0,5		
3	Vaccine	Liều/con	1	Hội chứng viêm ruột tiêu chảy	Danh mục vắc-xin là yêu cầu tối thiểu, tùy theo tình hình dịch tễ tại địa phương và khuyến cáo của cơ quan thú ý, cán bộ kỷ thuật có trách nhiệm hướng dẫn bổ sung các loại vắc-xin cần thiết khác
4	Thuốc tẩy nội, ngoại ký sinh trùng	Liều/con	2	Theo quy định liều lượng thú y	
5	Hóa chất sát trùng	Lít/con	3	Dung dịch pha loãng theo quy định	

6	Chế phẩm trộn vào thức ăn, nước uống	Kg/con	4	Được phép lưu hành trên thị trường Việt Nam	
II	**Định mức vật tư thực hiện dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,…)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng thị trường	

4. Định mức khác:

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	Cuộc/MH	01	Áp dụng theo phụ lục II, Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	Cuộc/MH	02	Áp dụng theo phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Photo tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

(*) -Thú non dưới 6 tháng có khẩu phần bằng ¼ định mức.
(*) -Thú non từ 6-12 tháng có khẩu phần bằng ½ định mức.

23. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI HƯƠU SINH SẢN

A.THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình chăn nuôi hươu sinh sản**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-23**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
1	Mô hình chăn nuôi hươu sinh sản	9	10

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT:

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình,dự án khuyến nông**	36	
	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyênngành trở lên.	36	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	116	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	87	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thựchiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)

1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**29**	**=1/3xLĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đạihọc trở lên.	5,8	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại - Trình độ chuyên môn: Đạihọc trở lên.	11,6	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,6	= 40% định mức LĐGT.

2. Định mức máy móc, thiết bị:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng
I	Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông			
1	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	232	Loại thông dụng

2	Máy in	Giờ	232	trên thị trường
3	Máy laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư:

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				(Tính trên 01 con) Áp dụng Quyết định Số: 30/2024/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 4 năm 2024, của UBND tỉnh Ninh Bình
1	Giống:				
	Hươu cái (8 -12 tháng tuổi)	Kg/con	≥20	Giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng. Hộ chăn nuôi phải thực hiện đăng ký mã số cơ sở nuôi và tuân thủ các quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan	
	Hươu đực (12 -15 tháng tuổi)	Kg/con	≥30		
2	Thức ăn hỗn hợp cho hươu:				
	Thức ăn hỗn hợp cho hươu cái (protein thô 14% - 16%)	Kg/con	30	Bổ sung (0,5 kg/con/ngày) trong 60 ngày chửa cuối	
	Thứ căn hỗn hợp cho hươu đực (protein thô 14% - 16%)	Kg/con	48	Bổ sung (0,8 kg/con/ngày) trong 60 ngày từ khi mua về	
3	Thuốc thú y, hóa chất sát trùng	Đồng/con	≤ 100.000		

II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tínhtrên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	Cuộc/MH	01	Áp dụng theo phụ lục II, Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, Tổng kết	Cuộc/MH	02	Áp dụng theo phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Photo tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

24. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI HƯƠU LẤY NHUNG

A.THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình chăn nuôi hươu lấy nhung**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-24**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
1	Mô hình chăn nuôi hươu lấy nhung	9	10

B.ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT:

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình,dự án khuyến nông**	**36**	
	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyênngành trở lên.	36	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**116**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	87	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhucầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thựchiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địaphương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiệntham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia môhình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4công/người ((1) Tổchuyên gia tư vấn:12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật	3	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.		
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT)(quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừahành, phục vụ)**	**29**	**=1/3xLĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,8	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,6	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,6	= 40% định mức LĐGT.

2. Định mức máy móc, thiết bị:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng
I	Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông			
1	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			

1	Bộ máy vi tính	Giờ	232	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	232	
3	Máy laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)** Quyết định Số 30/2024/QĐ-UBND,ngày 01 tháng 04 năm 2024, của UBND tỉnh Ninh Bình
1	Giống:				
	Hươu đực	Kg/con	≥30	Giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng. Hộ chăn nuôi phải thực hiện đăng ký mã số cơ sở nuôi và tuân thủ các quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan.	
2	Thức ăn hỗn hợp cho hươu:				
	Thức ăn thô xanh	Kg/con/ngày	15		
	Thức ăn củ quả	Kg/con/ngày	01		
	Thứcăn hỗn hợpcho hươu đực (protein thô 14% - 16%)	Kg/con/ngày	01	Duy trì lượng thức ăn trong toàn bộ quy trình nuôi	
3	Thuốc thú y, hóa chất sát trùng	Đồng/con	≤ 100.000		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01

					MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tậphuấnkỹthuật	Cuộc/MH	01	Áp dụng theo phụ lục II, Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết/Tổngkết	Cuộc/MH	02	Áp dụng theo phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Photo tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

25. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI NHÍM SINH SẢN

A.THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình chăn nuôi nhím sinh sản**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-25**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
1	Mô hình chăn nuôi nhím sinh sản	12	50

B.ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT:

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình,dự án khuyến nông**	**48**	
	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình: - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyênn gành trở lên.	48	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhucầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thựchiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địaphương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4công/người ((1) Tổchuyên gia tư vấn:12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ	2	

	tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	48	4 công/ tháng x sốtháng thực hiệnMH
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT)(quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừahành, phục vụ)**	**33**	**=1/3xLĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đạihọc trở lên.	13,2	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13,2	= 40% định mức LĐGT.

2. Định mức máy móc, vật tư:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	264	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	264	
3	Máy laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông				(Tính trên 01 con) Quyết định số

					30/2023/QĐ-UBND,ngày 10 tháng 10 năm 2023, của UBND tỉnh Vĩnh Long
1	Nhím giống hậu bị ≥ 8 tháng tuổi - Nhím cái - Nhím đực	Con kg/con Kg/con	01 8-10 10-12	Giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng. Hộ chăn nuôi phải thực hiện đăng ký mã số cơ sở nuôi và tuân thủ các quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan.	≥ 8 tháng tuổi ≥ 10 tháng tuổi
2	Thức ăn - Thức ăn hỗn hợp (hàm lượng Protein thô ≥ 14%) - Thức ăn thô xanh (rau, củ, quả…)	Kg/con Kg/con/ ngày	100 0,5		
3	Thuốc tẩy nội, ngoại ký sinh trùng	Liều	4	Theo quy định liều lượng thú y	
4	Hóa chất sát trùng (đã quy đổi ra dung dịch pha loãng theo quy định)	Lít	3	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học (được phép sản xuất, kinh doanh, lưu hành theo quy định. - chế phẩm trộn vào thức ăn nước uống	kg	4	Được phép lưu hành trên thị trường Việt Nam	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tínhtrên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	Cuộc/MH	01	Áp dụng theo phụ lục II, Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết/Tổng kết	Cuộc/MH	02	Áp dụng theo phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Photo tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

26. MÔ HÌNH CHĂN NUÔI NHÍM THỊT

A.THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình chăn nuôi nhím thịt**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-26**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
1	Mô hình chăn nuôi nhím thịt	6	50

B.ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình,dự án khuyến nông**	**24**	
	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyênngành trở lên.	24	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	75	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhucầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thựchiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địaphương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiệntham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia môhình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4công/người ((1) Tổchuyên gia tư vấn:12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)

1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiệnMH
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT)(quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừahành, phục vụ)**	**25**	**=1/3xLĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đạihọc trở lên.	5	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại - Trình độ chuyên môn: Đạihọc trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT.

2. Định mức máy móc, thiết bị:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	200	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	200	
3	Máy laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư:

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)** Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND,ngày 01 tháng 04 năm 2024, của UBND tỉnh Ninh Bình
1	Nhím giống	kg/con	2-3	Giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng. Hộ chăn nuôi phải thực hiện đăng ký mã số cơ sở nuôi và tuân thủ các quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan.	≥ 3 tháng tuổi
2	Thức ăn (gạo, ngô, khoai, sắn)	Kg/con	54	Bổ sung 0,3 kg/con/ngày, trong 180 ngày từ khi mua về	
3	Thuốc tẩy nội, ngoại ký sinh trùng	Liều	4	Theo quy định liều lượng thú y	
4	Hóa chất sát trùng (đã quy đổi ra dung dịch	Lít	3	Dung dịch pha loãng theo quy định	

	pha loãng theo quy định)				
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	00	Loại thông dụng trên thị trường

27. MÔ HÌNH NUÔI DÚI THƯƠNG PHẨM

A.THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình chăn nuôi dúi thương phẩm**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-27**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
1	Mô hình chăn nuôi dúi thương phẩm	8	50

B.ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình,dự án khuyến nông**	**32**	
	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyênngành trở lên.	32	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	83	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhucầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thựchiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địaphương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiệntham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia môhình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4công/người ((1) Tổchuyên gia tư vấn:12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình.	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	32	4công/ tháng x sốtháng thực hiệnMH
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT)(quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừahành, phục vụ)**	**28**	**=1/3xLĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đạihọc trở lên.	5,6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đạihọc trở lên.	11,2	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,2	= 40% định mức LĐGT.

2. Định mức máy móc, thiết bị:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	224	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	224	
3	Máy laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư:

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)** Quyết định Số: 30/2023/QĐ-UBND,ngày 10 tháng 10 năm 2023, của UBND tỉnh Vĩnh Long
1	Dúi giống	kg/con	0,4-0,6	Giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng. Hộ chăn nuôi phải thực hiện đăng ký mã số cơ sở nuôi và tuân thủ các quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan.	
2	Thức ăn - Thức ăn hỗn hợp (hàm lượng Protein thô ≥ 14%) - Thức ăn xanh (rau, củ, quả…)	Kg/con/tháng Kg/con/ngày	1kg 250-350 gr		
3	Chuồng trại: Ô chuồng nuôi có nắp đậy, diện tích mỗi ô (dài x rộng x cao)= 2m x 1m x 0,7m	Ô chuồng	15 -20 con		
3	Thuốc tẩy nội, ngoại ký sinh trùng	Liều	2	Theo quy định liều lượng thú y	
4	Hóa chất sát trùng (đã quy đổi ra dung dịch pha loãng theo quy định)	Lít	4	Dung dịch pha loãng theo quy định	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**(Tính trên 1 MH)**
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng thị trường	

4. Định mức khác:

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng/ Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật
1	Tập huấn kỹ thuật	Cuộc/MH	01	Áp dụng theo phụ lục II, Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	Cuộc/MH	02	Áp dụng theo phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường thông dụng

28. MÔ HÌNH NUÔI DÚI SINH SẢN

A.THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình nuôi dúi sinh sản**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-28**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
1	Mô hình chăn nuôi dúi sinh sản	12	50

B.ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình,dự án khuyến nông**	**48**	
	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyênngành trở lên.	48	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**135**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	101	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhucầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thựchiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địaphương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiệntham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia môhình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4công/người ((1) Tổchuyên gia tư vấn:12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật	3	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.		
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	48	4 công/ tháng x sốtháng thực hiệnMH
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT)(quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**34**	**=1/3xLĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,8	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13,6	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13,6	= 40% định mức LĐGT.

2. Định mức máy móc, thiết bị:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	272	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	272	
3	Máy laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư:

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)** Quyết định Số: 30/2023/QĐ-UBND,ngày 10 tháng 10 năm 2023, của UBND tỉnh Vĩnh Long
1	Dúi giống ≥ 3 tháng tuổi	kg/con	1,5	Giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng. Hộ chăn nuôi phải thực hiện đăng ký mã số cơ sở nuôi và tuân thủ các quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan.	
2	Thức ăn - Thức ăn hỗn hợp (hàm lượng Protein thô≥ 14%) - Thức ăn xanh (rau, củ, quả…)	Gam/ con/ ngày	15-30gr thức ăn hỗn hợp 250-350 g rau, củ quả; 10 - 20gr khô dầu lạc, dừa; 15-30gr lúa, đậu.		
3	Chuồng trại: Ô chuồng nuôi có nắp đậy, diện tích mỗi ô (dài x rộng x cao)= 0,8m x0,5 m x 70 cm	Ô chuồng	01 con		
3	Thuốc tẩy nội, ngoại ký sinh trùng	Liều	2	Theo quy định liều lượng thú y	

4	Hóa chất sát trùng (đã quy đổi ra dung dịch pha loãng theo quy định)	Lít	4	Dung dịch pha loãng theo quy định	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**(Tính trên 1 MH)**
	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng thị trường	

4. Định mức khác:

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng/ Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	Cuộc/MH	01	Áp dụng theo phụ lục II, Mã số: **THKN-01**
2	Hội nghị tổng kết	Cuộc/MH	01	Áp dụng theo phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường thông dụng

29. MÔ HÌNH NUÔI VỊT TRỜI THƯƠNG PHẨM

A.THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình chăn nuôi vịt trời thương phẩm**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-29**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
1	Mô hình chăn nuôi vịt trời thương phẩm	5	3.000

B.ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình,dự án khuyến nông**	**20**	
	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyênngành trở lên.	20	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**94**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	71	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhucầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thựchiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địaphương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình.	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia môhình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4công/người ((1) Tổchuyên gia tư vấn:12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	20	4 công/ tháng x sốtháng thực hiệnMH
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	Định mức lao động gián tiếp (LĐGT)(quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)	23	=1/3xLĐTT
2.1	**Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách)** **- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.**	**4,60**	**= 20% định mức LĐGT.**
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,20	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,20	= 40% định mức LĐGT.

2. Định mức máy móc, thiết bị:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng
I	Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông			
1	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	184	Loại thông dụng trên

2	Máy in	Giờ	184	thị trường
3	Máy laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư:

TT	Tên giống, vật tư	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 con)** Quyết định Số: 30/2023/QĐ-UBND,ngày 10 tháng 10 năm 2023, của UBND tỉnh Vĩnh Long
1	Vịt trời giống 01 ngày tuổi	Con	01	Giống khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng. Hộ chăn nuôi phải thực hiện đăng ký mã số cơ sở nuôi và tuân thủ các quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan.	
2	Thức ăn hỗn hợp - Giai đoạn 01 - 20 ngày tuổi (hàm lượng Protein thô ≥ 20%) - Giai đoạn 21 - xuất chuồng (hàm lượng Protein thô ≥17%)	Kg kg	1,5 4,3		
3	Vaccin	Liều	3	Dịch tả (01); Viêm gan (01); Cúm gia cầm (01)	
4	Hóa chất sát trùng(đã quy đổi ra dung dịch pha loãng theo quy định)	Lít	0,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học (được phép sản xuất, kinh doanh, lưu hành theo quy định - chế phẩm trộn vào thức ăn nước uống	kg	0,1	Được phép lưu hành trên thị trường Việt Nam	
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01

					MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng/ Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	Cuộc/MH	01	Áp dụng theo phụ lục II, Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	Cuộc/MH	01	Áp dụng theo phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Photo tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

30. MÔ HÌNH NUÔI TRÙN QUẾ

A.THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình nuôi trùn quế**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-30**

3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (kg)
1	Mô hình nuôi trùn quế	6	6.000

B.ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyênngành trở lên.	24	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	75	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhucầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thựchiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địaphương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiệntham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia môhình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4công/người ((1) Tổchuyên gia tư vấn:12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	

1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	24	4 công/ tháng x sốtháng thực hiệnMH
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT)(quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừahành, phục vụ)**	**25**	**=1/3xLĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đạihọc trở lên.	5	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) -Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT.

2. Định mức máy móc, thiết bị:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**			
1	Hệ thống tưới nước	Hệ thống	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Bể chứa phân	Bể	01	
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	200	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	200	
3	Máy laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				*Tính bể 10 m^2* Quyết định Số: 30/2023/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 10 năm 2023, của UBND tỉnh Vĩnh Long
1	Diện tích nuôi	m^2	10	Tỷ lệ giun tinh ≥ 10% giun sinh khối	
2	Giun sinh khối	Kg/m^2	30		
3	Phân bò, trâu, heo, gia cầm,…	m^3	6		
4	Thuốc phòng, trị bệnh, men vi sinh	% chi phí thức ăn	05		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, sơ mi,…)	Bộ/MH	01	Loại thị trường thông dụng	

4. Định mức khác:

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng/ Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	Cuộc/MH	01	Áp dụng theo phụ lục II, Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	Cuộc/MH	02	Áp dụng theo phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Photo tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

31. TRỒNG, CHẾ BIẾN VÀ BẢO QUẢN THỨC ĂN THÔ XANH

A.THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình trồng, chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-31**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (kg)
1	Mô hình trồng, chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh	9	Quy mô 20-50 tấn/ 6-10 ha

B.ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình,dự án khuyến nông**	**36**	
	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyênngành trở lên.	36	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**116**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	87	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thựchiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia môhình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4công/người ((1) Tổchuyên gia tư vấn:12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình	36	4 công/ tháng x

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		sốtháng thực hiệnMH
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**29**	**=1/3xLĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,8	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,6	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,6	= 40% định mức LĐGT.

2. Định mức thiết bị:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng
I	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	232	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	232	
3	Máy laptop	Giờ	32	
4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư:

TT	Nội dung	ĐVT	Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				**(Tính trên 01 ha)**
1	**Mô hình trồng thâm canh cỏ**				Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN, ngày 24/02/2022, của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	Giống cỏ				
	Trồng bằng hom	Tấn hom/ha	3,5		
	Trồng bằng hạt	Kg/ha	12		
	Thiết bị vật tư				
	Phân đạm nguyên chất (N)			Phân đạm	

				nguyên chất (N)	
	Cỏ thân đứng (VA06 và cỏ tưng tự)	Kg/ha	250		
	Cỏ thân bụi, thân bò (cỏ Mombasa và cỏ tương tự)	Kg/ha	200		
	Phân lân nguyên chất (P2O5)	Kg/ha	80	Phân lân nguyên chất (P2O5)	
	Phân kali nguyên chất (K2O)	Kg/ha	100	Phân kali nguyên chất (K2O)	
	Phân hữu cơ vi sinh	Kg/ha	2.500	Phân hữu cơ vi sinh	
2	**Kỹ thuật ủ rơm với urea trong túi nilon**				
	Rơm lúa	Tấn	01	Rơm khô	Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành
	Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Kg/tấn	02		
	Urea	Kg/tấn	40		
	Rỉ mật	Kg/tấn	20		
	Muối	Kg/tấn	5		
3	**Kỹ thuật ủ chua thân bắp (ngô) trong túi nilon**				
	Thân bắp (ngô)	Tấn	01	Thân ngô	
	Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Kg/tấn	02		
	Men vi sinh	Kg/tấn	01		
	Rỉ mật	Kg/tấn	50		
	Muối	Kg/tấn	05		
4	**Hỗ trợ chế biến cỏ bằng phương pháp ủ chua**				
	Cỏ tươi	Tấn	01	Cỏ tươi	
	Cám gạo, bột ngô hoặc bộtsắn	Kg/tấn	30		
	Muối	Kg/tấn	05		
	Ủ bằng bể ủ/hố ủ (nếu ủ bằng bể)				
	Bạt lót bể ủ/hố ủ, túi ủ (nếu ủ bằng túi)	m^2/tấn cỏ tươi	08		
	Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1 mm	Túi/tấn cỏ tươi	02		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				**(Tính trên 01 MH**
	Văn phòng phẩm (Giấy,bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

32. MÔ HÌNH NUÔI RUỒI LÍNH ĐEN

A.THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình nuôi ruồi lính đen**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHCN-32**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (kg)
1	Mô hình nuôi ruồi lính đen	4	4

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**16**	
	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	16	4 công/tháng x số tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**89**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	67	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thựchiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	*03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn:12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)*
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ	2	

	tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**22**	**=1/3xLĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,4	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,8	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8,8	= 40% định mức LĐGT.

2. Định mức máy móc, thiết bị:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn chất lượng
I	***Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông*** *(Tính cho 10m^2)*			
1	Hệ thống tưới nước	Hệ thống	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Giá thể đẻ trứng (bìa cứng hoặc gỗ mỏng).	Bộ	01	
3	Lưới che chuồng nuôi	m^2	10	Lưới PE, mắt nhỏ 1–2 mm
4	Khay/bể nhựa nuôi ấu trùng	Cái	600	Nhựa HDPE, kích thước 60x40x15cm
II	**Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công**			
1	Bộ máy vi tính	Giờ	176	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Giờ	176	
3	Máy laptop	Giờ	32	

4	Máy chiếu	Giờ	32	

3. Định mức vật tư:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ Định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
I	**Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**				*Tính cho 10m²*
1	Giống ruồi lính đen (trứng/ấu trùng)	Gram	400	Giống sạch bệnh, Mua từ cơ sở uy tín	
2	Nguyên liệu nuôi ấu trùng (phân, rác hữu cơ…)	kg	3.000	Đã xử lý sơ bộ, không chứa hóa chất	
3	Chế phẩm sinh học	% chi phí thức ăn	05		
II	**Định mức vật tư thực hiện giá dịch vụ công**				(Tính trên 01 MH)
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, sơ mi,…)	Bộ/MH	01	Loại thị trường thông dụng	

Phần 3
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT MÔ HÌNH KHUYẾN NÔNG LĨNH VỰC THỦY SẢN

1. MÔ HÌNH ƯƠNG CÁ TRA GIỐNG

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Ương cá tra giống**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-01.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Ương cá tra giống	6	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên,	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia

	có chứng chỉ đấu thầu.		thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	25	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu…,	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	200	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	200	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá Tra	con/m^2	500-700		- Kích cỡ giống: cá bột 3-5 ngày tuổi; Cá khỏe mạnh; Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,1		- Hàm lượng Protein ≥ 30%; - Nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp&PTNT; - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

2. NUÔI TÔM CÀNG XANH TOÀN ĐỰC HAI GIAI ĐOẠN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi tôm càng xanh toàn đực 02 giai đoạn**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-02.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình		Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi tôm càng xanh toàn đực 02 giai đoạn		08	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**32**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**83**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	28	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơmnước	Bộ/Môhình	02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệthốngquạtnước	Bộ	04		
3	Máyphát điện	Môhình	02		
4	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới…	Bộ	03		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	221	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	221	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	**Giống**				Quy cỡ giống PL20, khỏe mạnh; Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
	Giaiđoạn1	con/m^2	150		
	Giaiđoạn2	con/m^2	20-25		
2	Thức ăn	FCR	≤2.5		Hàm lượng protein thức ăn giai đoạn 1≥40%; giai đoạn 2≥35% Thức ăn nằm trong danh mục đượcphép dưới 3tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

3. MÔ HÌNH NUÔI TÔM CÀNG XANH THEO TIÊU CHUẨN HỮU CƠ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi tôm càng xanh theo tiêu chuẩn hữu cơ.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-03.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi tôm càng xanh theo tiêu chuẩnhữu cơ	06	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**118**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**93**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật	2	

	theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	
1.10	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**39**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	7,87	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	15,73	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	15,73	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	04-08		
3	Máy phát điện	Mô hình	01		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
4	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	315	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	315	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Tôm càng xanh	con/m^2	15-20		Kích cỡ giống 1-1,3 cm/con, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 2,5		Hàm lượng protein 23-35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép SXKD của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

4. MÔ HÌNH NUÔI TÔM CÀNG XANH THÂM CANH TRONG AO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi tôm càng xanh thâm canh trong ao.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-04.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi tôm càng xanh thâm canh trong ao	06	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ	2	

	tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**25**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	04-08		
3	Máy phát điện	Mô hình	01		
4	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01 - 02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	200	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	200	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Tôm càng xanh	con/m^2	15-20		Kích cỡ giống 1-1,3 cm/con, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 2,5		Hàm lượng protein 23-35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép SXKD của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

5. MÔ HÌNH NUÔI TÔM CÀNG XANH BÁN THÂM CANH TRONG AO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi tôm càng xanh bán thâm canh trong ao.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-05.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
2	Nuôi tôm càng xanh bán thâm canh trong ao	06	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật	3	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.		
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**25**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	04-08		
3	Máy phát điện	Mô hình	01		
4	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01 - 02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	200	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	200	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Tôm càng xanh	con/m^2	15-20		Kích cỡ giống 1-1,3 cm/con, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 2,5		Hàm lượng protein 23-35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép SXKD của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

6. MÔ HÌNH NUÔI LUÂN CANH TÔM CÀNG XANH – LÚA

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi luân canh tôm càng xanh – lúa.**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-06.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
1	Nuôi luân canh tôm càng xanh – lúa.	10	1 ha

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật	3	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.		
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	30	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01 - 02		
4	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Tôm càng xanh	con/m^2	≤10		Kích cỡ giống 1-1,3 cm/con, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤1,5		Hàm lượng protein 23-35%;Thức ăn nằm trong danh mục được phép SXKD của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

7. MÔ HÌNH NUÔI XEN CANH TÔM CÀNG XANH – LÚA

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **nuôi tôm càng xanh – lúa.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-07.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (con)
1	Nuôi xen canh tôm càng xanh – lúa.	10	1 ha

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật	3	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.		
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	30	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới, lồng bẫy.	Bộ	01 - 02		
3	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo, vét cải tạo ruộng/ao...				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Tôm càng xanh	con/m^2	≤4		Kích cỡ giống 1-1,3 cm/con, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤1,3		Hàm lượng protein 23-35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép SXKD của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

8. MÔ HÌNH NUÔI CÁ - LÚA

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá – lúa**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-08.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá – lúa	9	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**116**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**87**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	29	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu…	Bộ	01-02		
3	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, cải tạo ruộng/ao…				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	232	Loại thông

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
2	Máy in	Chiếc	01	232	dụng trên thị trường
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống cá: Chép, Rô phi, Trắm cỏ, Mè, Rô đồng, Diêu hồng...	con/m^2	1,5-2		- Kích cỡ giống: cá Rô phi/Điêu hồng, Rô đồng ≥5 g/con; Chép: ≥10 g/con; Trắm cỏ ≥150 g/con; Mè ≥100 g/con; Cá khỏe mạnh. Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤1,2		- Hàm lượng Protein ≥22%. - Nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông Nghiệp và phát triển nông thôn. - Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

9. MÔ HÌNH NUÔI XEN CANH CHẠCH ĐỒNG VÀ CUA ĐỒNG TRONG RUỘNG LÚA

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi xen canh chạch đồng và cua đồng trong ruộng lúa**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-09.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi xen canh chạch đồng và cua đồng trong ruộng lúa	10	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	30	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu…	Bộ	01-02		
3	Sử dụng dịch vụ khác: thuê lưới thu hoạch chạch, thuê máy cải tạo ruộng, gia cố ruộng…				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
2	Máy in	Chiếc	01	243	trên thị trường
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Tỷ lệ ghép chạch đồng 80-90% còn lại là cua đồng	con/m^2	20-30		Kích cỡ giống cua và chạch: ≥4-5 gr/con; Con giống khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤1,3		- Hàm lượng Protein ≥30%. - Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**

3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

10. MÔ HÌNH NUÔI CÁ RÔ PHI/ĐIÊU HỒNG TRONG LỒNG BÈ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá rô phi/điêu hồng trong lồng bè.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-10.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m^3)
1	Nuôi cá rô phi/điêu hồng trong lồng bè.	7	500

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**28**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	28	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**105**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**79**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	28	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	26	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,27	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,53	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,53	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm, xịt nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt…,	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	211	Loại thông dụng trên

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
2	Máy in	Chiếc	01	211	thị trường
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Rô phi/ Điêu hồng	Con/m^3	100		- Kích cỡ giống: ≥ 6 cm; Cá khỏe mạnh - Có nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤ 1,8		- Hàm lượng Protein ≥ 24%. - Thức ăn nằm trong danh mục được phépcủa Bộ Nông nghiệp và PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

11. MÔ HÌNH NUÔI CÁ RÔ PHI/ĐIÊU HỒNG THÂM CANH TRONG AO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi cá rô phi/điêu hồng thâm canh trong ao**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-11.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá rô phi/điêu hồng thâm canh trong ao	08	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**32**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**83**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	28	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới,	Bộ	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	chài, xô, chậu, vợt…,				
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	221	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	221	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Rô phi/ Điêu hồng	Con/m^2	5-7		- Kích cỡ giống: ≥ 7g/con; cá khỏe mạnh. - Có nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤ 1,3		- Hàm lượng Protein ≥ 28%. - Nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

12. MÔ HÌNH NUÔI CÁ RÔ PHI/ĐIÊU HỒNG BÁN THÂM CANH TRONG AO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi cá rô phi/điêu hồng bán thâm canh trong ao**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-12.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá rô phi/điêu hồng thâm canh trong ao	08	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**32**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**83**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham	2	

	gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	28	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu, vợt…,	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	221	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	221	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Rô phi/ Điêu hồng	Con/m^2	2,5		- Kích cỡ giống: ≥ 5 g/con; Cá khỏe mạnh. - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤ 1,5		- Hàm lượng protein ≥ 24%. - Nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

13. MÔ HÌNH NUÔI GHÉP CÁ RÔ PHI/ĐIÊU HỒNG LÀ CHÍNH TRONG AO/HỒ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi ghép cá rô phi/điêu hồng là chính trong ao/hồ**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-13.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi ghép cá rô phi/điêu hồng là chính trong ao/hồ	10	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ	2	

	tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	30	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu, vợt…,	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	máy nạo vét, gia cố bờ ao				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá Rô phi/ Điêu hồng ≥ 50%	Con/m^2	3		- Kích cỡ giống: cá Rô phi/Điêu hồng, Chép, Chim trắng ≥ 4 cm; cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen ≥ 12 cm - Cá khỏe mạnh - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤ 1,5		- Hàm lượng Protein ≥ 24%. - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

14. MÔ HÌNH NUÔI CÁ TRẮM ĐEN TRONG AO/HỒ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi cá Trắm đen trong ao/hồ**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-14.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá trắm đen trong ao/hồ	12	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	

1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**33**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	7	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	03-04		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu, vợt…,	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	264	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	264	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Cá Trắm đen	Con/m^2	1		- Kích cỡ giống cá: 200-500 gr/con; Con giống khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤ 1,8		- Thức ăn hàm lượng Protein ≥ 25%. - Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

15. MÔ HÌNH NUÔI CÁ TRẮM ĐEN TRONG LỒNG BÈ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá Trắm đen trong lồng bè**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-15.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m3)
1	Nuôi cá trắm đen trong lồng bẻ	12	500

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**33**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	7	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm	Bộ/mô hình	02-03		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt…,	Chiếc	01-02		
7	Hệ thống lồng				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	264	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	264	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá Trắm đen	Con/m^3	10-15		- Kích cỡ Cá giống từ 0,8-1,0 kg/con; cá khỏe mạnh. - Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤ 3,0		- Hàm lượng protein 38-45 % (theo giai đoạn phát triển của cá) - Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

16. MÔ HÌNH NUÔI CÁ TRẮM CỎ TRONG LỒNG BÈ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi ghép cá trắm cỏ trong lồng bè**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-16.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m3)
1	Nuôi cá trắm cỏ trong lồng bè	10	500

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm	Bộ/mô hình	02-03		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt…,	Chiếc	01-02		
6	Hệ thống lồng				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá Trắm cỏ	con/m^3	20-30		- Kích cỡ giống: 300-500 g/con; Cá khỏe mạnh. - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn xanh	FCR	≤ 4,5		Đảm bảo chất lượng Kích cỡ phù hợp giai đoạn phát triển của cá.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

17. MÔ HÌNH NUÔI GHÉP CÁ TRẮM CỎ LÀ CHÍNH TRONG AO HỒ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi ghép cá trắm cỏ là chính trong ao hồ**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-17.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m3)
1	Nuôi cá trắm cỏ là chính trong ao hồ	10	500

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn:

	đấu thầu.		12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới,	Bộ	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	chài, xô, chậu.				
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá Trắm cỏ ≥ 50%	con/m^2	2,5		- Kích cỡ giống: cá Rô phi/Diêu hồng, Chép, Chim trắng > 4 cm; cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen > 12 cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	< 1,2		-Hàm lượng Protein > 24%; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

18. MÔ HÌNH NUÔI CÁ CHIM TRẮNG TRONG AO HỒ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá chim trắng trong ao hồ**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-18.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá chim trắng trong ao hồ	10	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu.	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác:				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá Chim trắng	con/m^2	2-4	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	- Kích cỡ giống: > 4 cm; - Cá khỏe mạnh; - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤1.8		-Hàm lượng Protein > 25%; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

19. MÔ HÌNH NUÔI CÁ LÓC BÔNG TRONG LỒNG BÈ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Nuôi cá lóc bông trong lồng bè

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-19.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m3)
1	Nuôi cá lóc bông trong lồng bè	08	500

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**32**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**83**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12

	chứng chỉ đấu thầu.		công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	28	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	02-03		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Bộ	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
4	Dụng cụ: xô, chậu, lưới, vợt..	Mô hình	01-02		
5	Hệ thống lồng				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	221	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	221	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá lóc bông	con/m^3	130		- Kích cỡ giống ≥ 8 cm/con; Cá khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn cá tạp và phối trộn	FCR	≤ 4,0		Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

20. MÔ HÌNH NUÔI CÁ LÓC BÔNG TRONG AO HỒ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá lóc bông trong ao hồ**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-20.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá lóc bông trong ao hồ	8	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**32**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**83**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	28	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu..	Bộ	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu hoạch cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	221	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	221	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Cá lóc bông	con/m^2	10		- Kích cỡ giống ≥ 8 cm/con; khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn cá tạp và phối trộn	FCR	≤ 4,0		Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

21. MÔ HÌNH NUÔI CÁ LÓC ĐEN TRONG AO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá lóc đen trong ao**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-21.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá lóc đen trong ao	8	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**32**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**83**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	

1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	28	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu..	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu hoạch cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	221	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	221	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá lóc đen	con/m^2	30-80		Kích cỡ giống: 6.5-7 cm/con (2,2-2,5 g/con)
2	Thức ăn	FCR	≤ 1,3		Hàm lượng protein 30-40%
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

22. MÔ HÌNH NUÔI CÁ BỐNG TƯỢNG TRONG AO/HỒ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá bống tượng trong ao/hồ**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-22.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá bống tượng trong ao/hồ	10	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	30	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu..	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác:				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	Thuê lưới thu hoạch cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá Bống tượng	Con/m^2	2		Kích cỡ giống ≥ 10 cm/con Cá khỏe mạnh Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤9,0		Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

23. MÔ HÌNH NUÔI CÁ BỐNG TƯỢNG TRONG BỂ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá bống tượng trong bể**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-23.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m3)
1	Nuôi cá bống tượng trong bể	10	500

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	30	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Bộ/mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: xô, chậu, vợt…	Bộ	01-02		
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
2	Máy in	Chiếc	01	243	trên thị trường
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá Bống tượng	con/m^3	30		Kích cỡ giống ≥ 10 cm/con Cá khỏe mạnh Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤9,0		Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

24. MÔ HÌNH NUÔI CÁ THÁT LÁT TRONG LỒNG BÈ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá thát lát trong lồng bè**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-24.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m3)
1	Nuôi cá thát lát trong lồng bè	11	500

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**44**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	44	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**127**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**95**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	44	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	32	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Bộ/mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: xô, chậu, vợt…	Bộ	01-02		
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	253	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	253	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá Thát Lát	con/m^3	50		- Kích cỡ giống ≥ 8 cm/con; Cá khỏe mạnh - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 2,0		- Thức ăn hàm lượng Protein ≥ 25%. - Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

25. MÔ HÌNH NUÔI CÁ THÁT LÁT TRONG AO/HỒ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá thát lát trong ao/hồ**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-25.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá thát lát trong ao/hồ	12	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham	2	

	gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	33	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	7	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm, xịt nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Bộ/mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu,…	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	264	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	264	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá Thát Lát	con/m^2	9		- Kích cỡ giống ≥ 2 cm/con; Cá khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤ 3,5		- Thức ăn hàm lượng Protein ≥ 20%, - Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số:

				THKN-01
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

26. MÔ HÌNH NUÔI CÁ SẶC RẰN TRONG AO/HỒ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Cá sặc rằn trong ao/hồ**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-26.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Cá sặc rằn trong ao/hồ	12	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	33	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	7	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm, xịt nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Bộ/mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu,…	Bộ	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	264	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	264	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá Sặc rằn	con/m^2	20		- Kích cỡ giống ≥ 5,5 cm/con; Cá khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤ 4,0		- Thức ăn hàm lượng Protein ≥ 25%; - Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

27. MÔ HÌNH NUÔI CÁ RÔ ĐỒNG TRONG AO/HỒ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá rô đồng trong ao/hồ**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-27.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá rô đồng trong ao/hồ	8	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**32**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**83**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	

1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	28	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu,…	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	221	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	221	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá rô đồng	con/m^2	50		- Kích cỡ giống ≥5,1 cm/con; Cá khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤ 2,0		- Thức ăn hàm lượng Protein ≥ 25%. - Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

28. MÔ HÌNH NUÔI GHÉP CÁ CHÉP LÀ CHÍNH TRONG AO/HỒ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi ghép cá chép là chính trong ao/hồ**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-28.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi ghép cá chép là chính trong ao/hồ	10	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia	2	

	mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	30	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)		Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông						
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02			
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02			
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02			
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03			
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu,…	Bộ	01-02			
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…					

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Tỷ lệ ghép cá Chép ≥ 50%	con/m^2	3		Kích cỡ giống: cá Rô phi/Diêu hồng, Chép, Chim trắng > 4 cm; cá Trắm cỏ, Mè, Trôi, Trắm đen > 12 cm Cá khỏe mạnh Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 1,5		Hàm lượng Protein > 24% Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp &PTNT Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

29. MÔ HÌNH NUÔI TRÊ TRONG AO/HỒ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá trê trong ao hồ**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-29.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá trê trong ao hồ	6	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật	3	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.		
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	25	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu..	Bộ	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu hoạch cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	200	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	200	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống cá trê	con/m^2	20		- Kích cỡ giống: 3-5 cm; Cá khỏe mạnh. Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤ 1,8		- Hàm lượng Protein ≥ 18%. - Nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

30. MÔ HÌNH NUÔI CÁ TRA/BASA TRONG AO/HỒ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá tra/basa trong ao/hồ**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-30.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá tra/basa trong ao/hồ	8	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**32**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**83**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)

1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	28	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới,	Bộ	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	chài, xô, chậu…,				
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	221	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	221	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá Tra/Basa	con/m^2	≤ 40		- Kích cỡ giống: ≥ 2 cm; Cá khỏe mạnh. Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤ 1,7		- Hàm lượng Protein ≥ 22%. - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

31. MÔ HÌNH NUÔI CÁ NHEO MỸ TRONG LỒNG BÈ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá nheo Mỹ trong lồng bè**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-31.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m3)
1	Nuôi cá nheo Mỹ trong lồng bè	12	500

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật	3	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.		
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	33	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	7	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu.	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	264	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	264	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Nheo mỹ	con/m^3	10		- Kích cỡ giống: ≥10 cm; Cá khỏe mạnh. - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤ 2		- Hàm lượng Protein > 30%. - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp &PTNT. - Thời hạn sử dụng < 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

32. MÔ HÌNH NUÔI CÁ LĂNG NHA TRONG LỒNG BÈ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá lăng nha trong lồng bè**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-32.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m3)
1	Nuôi cá lăng nha trong lồng bè	11	500

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**44**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	44	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**127**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**95**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	

1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	44	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	32	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm, xịt nước	Bộ/ mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt…	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	253	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	253	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá Lăng nha	con/m^3	20		- Kích cỡ giống: ≥ 15 cm; Cá khỏe mạnh. - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 2,0		- Hàm lượng Protein ≥ 35%. - Nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

33. MÔ HÌNH NUÔI CÁ LĂNG CHẤM TRONG LỒNG BÈ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá lăng chấm trong lồng bè**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-33.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m3)
1	Nuôi cá lăng chấm trong lồng bè	11	500

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**44**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	44	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**127**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**95**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)

1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	44	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	32	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm, xịt nước	Bộ/ mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu, vợt…	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	253	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	253	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá Lăng chấm	con/m^3	10		- Kích cỡ giống: 200-300 g/con; Cá khỏe mạnh. - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤ 4,5		- Đảm bảo chất lượng - Không pha trộn các các chất cấm sử dụng trong nuôi thủy sản Được chế biến và bảo quản đúng quy định
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị	Tính trên 1 mô hình

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	mi,..)			trường	

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

34. MÔ HÌNH NUÔI CÁ LĂNG CHẤM TRONG AO HỒ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá lăng chấm trong ao/hồ**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-34.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá lăng chấm trong ao/hồ	12	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô	2	

	hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	33	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	7	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu…	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	264	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	264	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá Lăng chấm	con/m^2	0,3-0,5		- Kích cỡ giống: 200-300 g/con; Cá khỏe mạnh. - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR			
	Thức ăn cá tạp và phối trộn	FCR	≤ 4,5		- Đảm bảo chất lượng
	Thức ăn công nghiệp	FCR	≤ 1,7		- Hàm lượng Protein 28-35%; - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Thời hạn sử dụng ≤ 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

35. MÔ HÌNH NUÔI CÁ CHÌNH NƯỚC NGỌT TRONG BỂ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá chình nước ngọt trong bể**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-35.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m2)
1	Nuôi cá chình nước ngọt trong bể	12	500

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham	2	

	gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	33	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	7	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: xô, chậu, lưới, vợt..	Bộ	01-02		
5	Hệ thống bể				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	264	Loại thông dụng trên thị
2	Máy in	Chiếc	01	264	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	trường
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá Chình nước ngọt	con/m^2	10		- Kích cỡ giống: ≥ 100 g/con; cá giống khỏe mạnh. - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn cá tạp và phối trộn	FCR	≤ 10		Đảm bảo chất lượng. Không pha trộn các chất cấm sử dụng trong nuôi thủy sản Được chế biến và bảo quản đúng quy định
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

36. MÔ HÌNH NUÔI CÁ CHÌNH NƯỚC NGỌT TRONG LỒNG BÈ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá chình nước ngọt trong lồng bè**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-36.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m3)
1	Nuôi cá chình nước ngọt trong lồng bè	12	500

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ	2	

	tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	33	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	7	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: xô, chậu, lưới, vợt..	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	264	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	264	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá Chình nước ngọt	con/m^3	20		- Kích cỡ giống: ≥ 100 g/con; Cá khỏe mạnh. - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn cá tạp và phối trộn	FCR	≤ 10		- Đảm bảo chất lượng; Không pha trộn các chất cấm sử dụng trong nuôi thủy sản - Được chế biến và bảo quản đúng quy định
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

37. MÔ HÌNH NUÔI CÁ DỨA/CÁ TRA BẦN TRONG AO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá Dứa/cá Tra bần trong ao**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-37.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá Dứa/cá Tra bần trong ao	12	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)

1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	33	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	7	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu…,	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	264	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	264	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá Dứa/ cá Tra bần	Con/m^2	3-5		Kích cỡ giống 4-6 cm/con
2	Thức ăn	FCR	2,0		Hàm lượng protein 18-25% Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&TNT. Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

38. MÔ HÌNH NUÔI CÁ CHẠCH ĐỒNG TRONG AO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá chạch đồng trong ao**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-38.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá chạch đồng trong ao	3	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**12**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	12	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**84**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**63**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật	3	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.		
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	21	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu…,	Bộ	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	168	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	168	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	Con/m^2	30-50		Kích cỡ giống: chiều dài ≥10cm/con
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.4		Hàm lượng protein ≥28-30%. Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&TNT. Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

39. MÔ HÌNH NUÔI CÁ CHẠCH LẤU TRONG VÈO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá chạch lấu trong vèo**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-39.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá chạch lấu trong vèo	≤ 12	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12

			công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	33	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	7	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
4	Dụng cụ: xô, chậu, lưới, vợt…	Bộ	01-02		
5	Hệ thống bể				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	264	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	264	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	Con/m^2	30-50		Kích cỡ giống: chiều dài ≥10cm/con
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.4		Hàm lượng protein ≥28-30% Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&TNT. Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

40. MÔ HÌNH NUÔI CÁ CHẠCH LẤU CÔNG NGHỆ CAO/TUẦN HOÀN NƯỚC

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá chạch lấu trong bể công nghệ cao/tuần hoàn**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-40**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m^2)
1	Nuôi cá chạch lấu trong bể công nghệ cao/tuần hoàn	≤ 12	500

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	33	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	7	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: xô, chậu, lưới, vợt…	Bộ	01-02		
5	Hệ thống bể				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	264	Loại thông dụng trên thị
2	Máy in	Chiếc	01	264	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	trường
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá chạch lấu giống	Con/m^2	50 - 80		Kích cỡ giống: chiều dài ≥10cm/con
2	Thức ăn	FCR	≤ 1.5		Hàm lượng protein ≥ 30% Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&TNT. Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

41. MÔ HÌNH NUÔI CÁ TAI TƯỢNG TRONG AO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi cá tai tượng trong ao**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-41.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá tai tượng trong ao	18	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**72**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	72	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**164**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**123**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia	2	

	mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	72	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	41	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu,…	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	328	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	328	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá tai tượng	con/m^2	7		Kích cỡ giống: chiều dài 4,5-5,5cm/con; khối lượng (4,5-6,0g/con)
2	Thức ăn	FCR	1,0		Hàm lượng protein 28-30%. Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&TNT. Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

42. MÔ HÌNH NUÔI LƯƠN TRONG BỂ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi lươn trong bể**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-42.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m^2)
1	Nuôi lươn trong bể	10	500

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình.	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	30	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: xô, chậu, vợt…	Bộ	01-02		
5	Hệ thống bể				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Lươn	con/m^2	60		- Kích cỡ giống: ≥ 15 cm; Lươn khỏe mạnh. - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤4		- Hàm lượng Protein ≥ 20%. - Nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

43. MÔ HÌNH NUÔI LƯƠN TRONG BỂ CÔNG NGHỆ CAO/TUẦN HOÀN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi lươn trong bể công nghệ cao/tuần hoàn**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-43**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m^2)
1	Nuôi lươn trong bể công nghệ cao/tuần hoàn	10	500

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	

1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	30	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
2	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		thuật, quy mô dự án
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: xô, chậu, vợt…	Bộ	01-02		
5	Hệ thống bể				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Lươn giống	con/m^2	200-500		- Kích cỡ giống: ≥ 15 cm; Lươn khỏe mạnh. - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤4		- Hàm lượng Protein ≥ 20%. - Nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

44. MÔ HÌNH NUÔI ẾCH TRONG BỂ/LỒNG BÈ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi ếch trong bể/lồng bè**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-44.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m^3)
1	Nuôi ếch trong bể/lồng bè	6	500

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	25	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: xô, chậu, vợt…	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	200	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	200	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Ếch giống	con/m^3	80		- Kích cỡ giống ≥ 20 gr/con; Ếch giống khỏe mạnh; - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤1,8		- Hàm lượng Protein ≥ 25%; - Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

45. MÔ HÌNH NUÔI BA BA TRONG BỂ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Nuôi ba ba trong bể**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-45.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m^3)
1	Nuôi ba ba trong bể	18	500

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**72**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	72	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**164**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**123**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật	3	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.		
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	72	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	41	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Thuyền, xô, chậu, vợt…	Bộ	01-02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	ao…				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	328	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	328	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Ba ba	con/m^3	2		- Kích cỡ giống ≥ 100 gr/con; Ba ba giống khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤10		Thức ăn cá tạp đảm bảo chất lượng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

46. MÔ HÌNH CÁ CHÉP NHẬT TRONG AO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Nuôi cá chép Nhật trong ao
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-46.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá chép Nhật trong ao	9	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**116**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**87**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình.	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**29**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,80	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,60	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,60	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình			Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án (Bổ sung theo QĐ 726 BNN (áp dụng theo hình thức nuôi cá rô đồng trong ao)
2	Hệ thống quạt nước	Bộ			
3	Hệ thống sục khí	Bộ			
	Máy phát điện	Mô hình			
	Máy cho ăn tự động	Chiếc			
	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu.	Bộ			
	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	232	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	232	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá chép Nhật	con/m^2	60		- Kích cỡ giống: chiều dài 7-10 cm/con; 15-20gam/con.
2	Thức ăn	FCR	2,0		Hàm lượng Protein ≥ 25%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT; Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

47. MÔ HÌNH NUÔI CÁ TRẮM GIÒN TRONG LỒNG BÈ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi cá trắm giòn trong lồng bè**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-47.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m3)
1	Nuôi cá trắm giòn trong lồng bè	6	500

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	25	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: Thuyền, xô, chậu.	Bộ	01-02		
5	Hệ thống lồng bè				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	200	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	200	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá Trắm	con/m^3	5		- Kích cỡ giống: ≥ 1.500 g/con; - Cá khỏe mạnh; đều cỡ, không trần xước, dị hình. - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn đậu tằm	FCR	≤ 1,7		- Đảm bảo chất lượng, phù hợp với giai đoạn phát triển của cá.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số:

				TTTT-08
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

48. MÔ HÌNH NUÔI CÁ TRẮM GIÒN TRONG AO HỒ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi cá trắm giòn trong ao/hồ**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-48.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá trắm giòn trong ao/hồ	6	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia	2	

	mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	25	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-02		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	01-02		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động.	Máy	02-03		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu.	Bộ	--		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao.				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	200	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	200	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá Trắm	con/m^2	1		- Kích cỡ giống: ≥ 1.500 g/con; - Cá khỏe mạnh; đều cỡ, không trần xước, dị hình. - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn đậu tằm	FCR	≤ 1,8		- Đảm bảo chất lượng, phù hợp với giai đoạn phát triển của cá.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

49. MÔ HÌNH ƯƠNG CÁ LINH ỐNG *(Cirhinus jullieni)* TRONG AO *(Giai đoạn từ cá hương lên cá thương phẩm)*

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình ương cá linh ống trong ao**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-49.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Ương cá linh ống trong ao	04	0,1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**16**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**89**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**67**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**22**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01		
4	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01 - 02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	179	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	179	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Cá linh ống (giai đoạn hương)	con/m^2	100		Kích cỡ giống 1-1,5 cm/con, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 1,3		Hàm lượng protein 35-40%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép SXKD của Bộ NN&MT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Vôi, thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, men tiêu hoá…	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành. ≤ 10 triệu đồng/0,1 ha.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II, Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

50. MÔ HÌNH NUÔI CÁ HEO ĐUÔI ĐỎ *(Botia modesta)* TRONG LỒNG/BÈ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình nuôi cá heo đuôi đỏ trong lồng/bè**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-50.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m^3)
1	Nuôi cá heo đuôi đỏ trong ao	6	100

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	24	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12

	chứng chỉ đấu thầu.		công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**25**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô	01-02		Phù hợp với quy

		hình			trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	01-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01		
4	Thiết bị, dụng cụ: xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01 - 02		
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	200	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	200	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Cá heo đuôi đỏ	con/m^3	250		Kích cỡ giống 6 -7 g/con, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 3,5		Hàm lượng protein 35-40%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép SXKD của Bộ NN&MT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Vôi, thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, men tiêu hoá…	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành. ≤ 10 triệu đồng/1.000 m^2.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

51. MÔ HÌNH NUÔI CÁ HEO ĐUÔI ĐỎ *(Botia modesta)* TRONG AO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình nuôi cá heo đuôi đỏ trong ao**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-51.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m^2)
1	Nuôi cá heo đuôi đỏ trong ao	12	1.000

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	48	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12

	chứng chỉ đấu thầu.		công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**33**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6,6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13,2	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13,2	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật,

2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-04		quy mô dự án
3	Máy phát điện	Mô hình	01		
4	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01 - 02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	264	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	264	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: Cá heo đuôi đỏ	con/m^2	30		Kích cỡ giống 3 - 5 g/con, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 5,5		Hàm lượng protein ≥40%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép SXKD của Bộ NN&MT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Vôi, thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, men tiêu hoá…	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành. ≤ 10 triệu đồng/1.000 m^2.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					

1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

52. MÔ HÌNH NUÔI CÁ CHỐT *(Mystus mysticetus)* TRONG AO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình nuôi cá chốt trong ao**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-52.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
2	Nuôi cá chốt trong ao	08	0,1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**32**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**83**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**28**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,2	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,2	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	01-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01		
4	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01 - 02		
5	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	221	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	221	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống: cá chốt	con/m^2	50		Kích cỡ giống 2-2,5 cm/con, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 2		Hàm lượng protein ≥35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép SXKD của Bộ NN&MT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Vôi, thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, men tiêu hoá…	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành. ≤ 10 triệu đồng/0,1 ha.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II, Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

53. MÔ HÌNH NUÔI ỐC BƯƠU TRONG AO HỒ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi ốc bươu trong ao/hồ**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-53.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi ốc bươu trong ao/hồ	5	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**20**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	20	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**95**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**71**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình.	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	20	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	24	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,73	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,47	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,47	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: thuyền, chài, lưới, xô, chậu, vợt, …				
5	Sử dụng các dịch vụ khác: Thuê lưới, máy nạo vét, gia cố bờ ao, …				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	189	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	189	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Ốc bươu	Con/m^2	≤ 100		- Kích cỡ giống: ≥ 0,5cm/con; - Ốc khỏe mạnh, đều cỡ, không dập vỡ vỏ - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 2,0		- Hàm lượng đạm ≥ 25%. - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. -Hạn sử dụng ≤ 3 tháng
3	Thức ăn xanh	FCR	5		Đảm bảo chất lượng, phù hợp với giai đoạn phát triển của ốc
4	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
5	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

54. MÔ HÌNH NUÔI ỐC BƯƠU TRONG BỂ/BẠT

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi ốc bươu trong bể/bạt**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-54.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m2)
1	Nuôi ốc bươu trong bể/bạt	5	500

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**20**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	20	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**95**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**71**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình.	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	20	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	24	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4,73	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,47	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,47	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Máy bơm nước	Bộ/ mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
4	Dụng cụ: xô, chậu, vợt, …				
5	Hệ thống bể				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	189	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	189	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Ốc bươu	Con/m^2	≤ 100		- Kích cỡ giống: ≥ 0,5cm/con; - Ốc khỏe mạnh, đều cỡ, không dập vỡ vỏ - Nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 2,0		- Hàm lượng đạm ≥ 25%. - Trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ Nông nghiệp và PTNT. -Hạn sử dụng ≤ 3 tháng
3	Thức ăn xanh	FCR	5,0		Đảm bảo chất lượng, phù hợp với giai đoạn phát triển của ốc
4	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
5	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

55. MÔ HÌNH NUÔI TÔM SÚ THEO TIÊU CHUẨN HỮU CƠ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi tôm Sú theo tiêu chuẩn hữu cơ**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-55.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi tôm Sú theo tiêu chuẩn hữu cơ	6	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/tháng x 6 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**118**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**93**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	

1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x 6 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**39**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	7,87	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	15,73	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	15,73	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	08-16		
4	Máy cho tôm ăn	Bộ	04-05		
5	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	315	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	315	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	con/m^2	10-15		- Kích cỡ giống P 15, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 1,5		- Hàm lượng protein 32-42%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01 01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

56. MÔ HÌNH NUÔI TÔM THẺ CHÂN TRẮNG THÂM CANH

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi tôm Thẻ chân trắng thâm canh.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-56.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi tôm Thẻ chân trắng thâm canh	05	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**20**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	20	4 công/tháng x 5 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**95**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**71**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ	-	

	thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	20	4 công/ tháng x 5 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**24**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,5	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,5	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	08-16		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	04-05		
4	Máy cho tôm ăn	Bộ	01-02		
5	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	189	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	189	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	con/m^2	100-120		- Kích cỡ giống P 12, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤1,3		- Hàm lượng protein 33-38%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01 01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

57. MÔ HÌNH NUÔI TÔM THẺ CHÂN TRẮNG HAI GIAI ĐOẠN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi tôm Thẻ chân trắng hai giai đoạn.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-57.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi tôm Thẻ chân trắng hai giai đoạn	05	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**20**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	20	4 công/tháng x 5 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**95**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**71**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình.	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	20	4 công/ tháng x 5 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**24**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,5	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	9,5	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	04-05		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	08-16		
4	Máy cho tôm ăn	Bộ	04-05		
5	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu,	Bộ	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	giỏ lưới...				
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	189	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	189	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống				
	Giai đoạn 1	con/m^2	1.000-1.500		
	Giai đoạn 2	con/m^2	100-300	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	- Kích cỡ giống P 12, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤1,1		- Hàm lượng protein 33-38%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01 01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

58. MÔ HÌNH ƯƠNG TÔM SÚ TRONG AO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Ương tôm sú trong ao.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-58.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Ương tôm sú trong ao	02	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**8**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	8	4 công/tháng x 2 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**79**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**59**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	

1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8	4 công/ tháng x 2 tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**20**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	08-16		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	04-05		
4	Máy cho tôm ăn	Bộ	01-02		
5	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	157	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	157	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	con/m^2	60-70		- Kích cỡ giống P 15, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	1,5		- Hàm lượng protein 33-38%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01 01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

59. MÔ HÌNH NUÔI TÔM SÚ THÂM CANH HAI GIAI ĐOẠN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi tôm Sú thâm canh hai giai đoạn.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-59.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi tôm Sú thâm canh hai giai đoạn	06	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/tháng x 6 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	

1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x 6 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**25**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	08-16		
4	Máy cho tôm ăn	Bộ	04-05		
5	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	200	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	200	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống				
	Giai đoạn 1	con/m^2	100		- Kích cỡ giống P 15, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
	Giai đoạn 2	con/m^2	20		
2	Thức ăn				
	Giai đoạn 1	FCR	≤2,5		- Hàm lượng protein ≥42%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT
	Giai đoạn 2	FCR	≤1,5		- Hàm lượng protein ≥35%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
					hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01 01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

60. MÔ HÌNH NUÔI TÔM SÚ THÂM CANH TRONG AO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi tôm Sú thâm canh trong ao.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-60.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi tôm Sú thâm canh trong ao	06	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/tháng x 6 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình.	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x 6 tháng thực hiện MH)
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**25**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	08-16		
4	Máy cho tôm ăn	Bộ	04-05		
5	Máy phát điện	Mô hình	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	200	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	200	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	con/m^2	25		- Kích cỡ giống P 15, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 1,5		- Hàm lượng protein 35-42%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01 01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

61. MÔ HÌNH NUÔI TÔM SÚ BÁN THÂM CANH

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi tôm Sú bán thâm canh.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-61.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi tôm bán thâm canh	6	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/tháng x 10 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ	-	

	thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x 10 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**25**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	08-16		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	04-05		
4	Máy cho tôm ăn	Bộ	01-02		
5	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	200	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	200	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	con/m^2	10-15		- Kích cỡ giống P 15, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 1,5		- Hàm lượng protein 35-42%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01 01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

62. MÔ HÌNH NUÔI TÔM SÚ QUẢNG CANH CẢI TIẾN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi tôm Sú quảng canh cải tiến.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-62.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi tôm Sú quảng canh cải tiến	10	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/tháng x 10 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ	-	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x 10 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ			
4	Máy cho tôm ăn	Bộ			
5	Máy phát điện	Mô hình			
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ			
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	con/m^2	≤ 8		- Kích cỡ giống P 15, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 0,5		- Hàm lượng protein 35-42%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01 01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

63. MÔ HÌNH NUÔI TÔM SÚ HAI GIAI ĐOẠN - LÚA

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Nuôi tôm Sú hai giai đoạn lúa.
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-63.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi tôm Sú hai giai đoạn lúa	10	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/tháng x 10 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ	-	

	thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x 10 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ			
4	Máy cho tôm ăn	Bộ			
5	Máy phát điện	Mô hình			
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ			
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống				
	Giai đoạn 1	con/m^2	60-70		- Kích cỡ giống ≥P 15, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
	Giai đoạn 2	con/m^2	≤ 7		
	Lúa giống	Kg/ha	80		Giống lúa chất lượng, có khả năng chống chịu mặn
2	Thức ăn				
	Giai đoạn 1	FCR	≤1,5		- Hàm lượng protein ≥35% - Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
	Giai đoạn 2	FCR	≤0,5		- Hàm lượng protein ≥42% - Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Phân bón lúa				
	Phân bón gốc	Kg/ha	700		Có nguồn gốc rõ rang; được

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	Phân bón lá	Kg/ha	1,2		phép lưu hành tại Việt Nam
4	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
5	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01 01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

64. MÔ HÌNH NUÔI TÔM SÚ LUÂN CANH (1 VỤ TÔM, 1 VỤ LÚA)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi tôm Sú luân canh (1 vụ tôm , 1 vụ lúa).**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-64.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi tôm Sú luân canh (1 vụ tôm, 1 vụ lúa).	10	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/tháng x 10 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ	-	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x 10 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ			
4	Máy cho tôm ăn	Bộ			
5	Máy phát điện	Mô hình			
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	con/m^2	≤ 10		- Kích cỡ giống P 15, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 1,5		- Hàm lượng protein 35-42%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

65. MÔ HÌNH NUÔI TÔM THẺ CHÂN TRẮNG THEO TIÊU CHUẨN HỮU CƠ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi tôm Thẻ chân trắng theo tiêu chuẩn hữu cơ**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-65.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi tôm Thẻ chân trắng theo tiêu chuẩn hữu cơ	5	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**20**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	20	4 công/tháng x 5 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**113**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**89**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	

1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	6	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	20	4 công/ tháng x 5 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**38**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	8	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	15	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	15	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	08-16		
3	Hệ thống quạt nước	Bộ	04-05		
4	Máy cho tôm ăn	Bộ	01-02		
5	Máy phát điện	Mô hình	01 - 02		
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	300	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	300	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	con/m^2	100-120		- Kích cỡ giống P 12, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤1,3		- Hàm lượng protein 33-38%; Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01 01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

66. MÔ HÌNH NUÔI ỐC HƯƠNG TRONG AO/HỒ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi ốc hương trong ao/hồ.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-66.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi ốc hương trong ao/hồ	10	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/tháng x 10 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ	-	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x 10 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Bộ			
4	Hệ thống quạt nước	Bộ			
5	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	con/m^2	100		- Kích cỡ giống ≥ 0,4 cm/con, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤ 5,0		Thức ăn hỗn hợp hoặc cá tạp/đảm bảo chất lượng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

67. MÔ HÌNH NUÔI ỐC HƯƠNG TRONG BỂ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi ốc hương trong bể.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-67.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện: 01 ha

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi ốc hương trong bể	10	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/tháng x 10 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	

1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x 10 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	04-06		
3	Máy phát điện	Bộ			
4	Hệ thống quạt nước	Bộ			
5	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	con/m^2	300		- Kích cỡ giống ≥ 0,4 cm/con, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤ 7,0		Thức ăn hỗn hợp hoặc cá tạp/đảm bảo chất lượng
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Mô hình	01		Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)	Bộ	01 - 02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

68. MÔ HÌNH NUÔI HÀU TRONG LỒNG

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi Hàu trong lồng.**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-68.**

3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện: 1.000 m^3

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (m^3)
1	Nuôi Hàu trong lồng	12	1.000

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**48**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	48	4 công/tháng x 12 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật	-	

	theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	48	4 công/ tháng x 12 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**33**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	7	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	13	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Lưới làm lồng	Cái	3.000		
2	Bơm nước	Bộ/Mô hình		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
3	Hệ thống sục khí	Bộ			
4	Máy phát điện	Bộ			
5	Hệ thống quạt nước	Bộ			
6	Máy phát điện	Mô hình			
7	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ			

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
8	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	264	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	264	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	con/lồng	120		- Kích cỡ giống ≥ 03 cm/con, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn				Thức ăn tự nhiên
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

69. MÔ HÌNH ƯƠNG NGHÊU GIỐNG TỪ CẤP I LÊN CẤP II

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Ương nghêu giống từ cấp I lên cấp II.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-69.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện: 01 ha

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Ương nghêu giống từ cấp I lên cấp II	6	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/tháng x 6 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ	-	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x 10 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**25**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Bộ			
4	Hệ thống quạt nước	Bộ			
5	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	200	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	200	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	con/m^2	100.000 – 120.000		- Giống cấp I: Khối lượng toàn thân từ 0,002 - 0,05 g (500.000 - 20.000 con/kg). - Giống cấp II: Khối lượng toàn thân > 0,05g (20.000 con/kg).
2	- Môi trường nuôi sinh khối tảo	Lít	400		
3	- Tảo giống cấp 1 loại mật độ khoảng 8x10^6 tế bào/ml	Lít	400		Sử dụng hỗn hợp các loài tảo đơn bào (*N. oculata*, *T. chuii*) với tỷ lệ 1:1: và tảo tự nhiên với hàm lượng ≥1,0x10^6 tế bào/ml/ngày
4	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.	Mô hình	01		
	- Hóa chất khử trùng nước	Kg	200		
	- EDTA xử lý kim loại nặng trong nước	Kg	200		
	- Chế phẩm sinh học	Lít	180		
	- Phân gây màu	Kg	160		
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01 01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

70. MÔ HÌNH NUÔI NGHÊU BÃI TRIỀU

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi Nghêu bãi triều.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-70.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện: 01ha

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi Nghêu bãi triều.	10	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/tháng x 10 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ	-	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x 10 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Lưới và cọc quâybãi	m	1.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Bơm nước	Bộ/Mô hình			
3	Hệ thống sục khí	Bộ			
4	Máy phát điện	Bộ			
5	Hệ thống quạt nước	Bộ			
6	Máy phát điện	Mô hình			
7	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ			
8	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	con/m^2	150		- Kích cỡ giống ≥ 01cm/con, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn				Thức ăn tự nhiên
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01 01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

71. MÔ HÌNH NUÔI VỖ BÉO NGHÊU TRONG AO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi vỗ béo Nghêu trong ao.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-71.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện: 01ha

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi vỗ béo Nghêu trong ao	6	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/tháng x 6 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ	-	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x 6 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**25**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Lưới và cọc quây bãi	m	1.000		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Bơm nước	Bộ/Mô hình			
3	Hệ thống sục khí	Bộ			
4	Máy phát điện	Bộ			
5	Hệ thống quạt nước	Bộ			
6	Máy phát điện	Mô hình			
7	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		
8	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	200	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	200	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	con/m^2	100		- Kích cỡ giống 4-5g/con (200-250con/kg) khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn				Thức ăn tự nhiên
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01 01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

72. MÔ HÌNH NUÔI SÒ HUYẾT BÃI TRIỀU

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi sò huyết bãi triều.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-72.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện: 01ha

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi sò huyết bãi triều	10	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/tháng x 10 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ	-	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x 10 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Lưới và cọc quây bãi	m	1.000	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Bơm nước	Bộ/Mô hình			
3	Hệ thống sục khí	Bộ			
4	Máy phát điện	Bộ			
5	Hệ thống quạt nước	Bộ			
6	Máy phát điện	Mô hình			
7	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		
8	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	con/m^2	200		- Kích cỡ giống ≥ 0,5 cm/con, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn				Thức ăn tự nhiên
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01 01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

73. MÔ HÌNH NUÔI VỖ BÉO SÒ HUYẾT TRONG AO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi vỗ béo Sò huyết trong ao.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-73.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện: 01ha

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi vỗ béo sò huyết trong ao	6	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24	4 công/tháng x 6 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ	-	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x 6 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**25**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Lưới và cọc quây bãi	m	1.000		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Bơm nước	Bộ/Mô hình			
3	Hệ thống sục khí	Bộ			
4	Máy phát điện	Bộ			
5	Hệ thống quạt nước	Bộ			
6	Máy phát điện	Mô hình			
7	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	**01-02**		
8	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	máy nạo vét, gia cố bờ ao...				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	200	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	200	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	con/m^2	100		- Kích cỡ giống 4-5g/con (200-250con/kg) khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn				Thức ăn tự nhiên
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01 01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

74. MÔ HÌNH NUÔI CUA BIỂN TRONG AO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi cua biển trong ao.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-74.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện: 01ha

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cua biển trong ao	10	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/tháng x 10 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ	-	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x 10 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Bộ			
4	Hệ thống quạt nước	Bộ			
5	Máy phát điện	Mô hình			
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	con/m^2	0,5 -1		- Kích cỡ giống ≥ 0,5 cm/con, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn tươi sống	FCR	≤ 5		Thức ăn cá tạp tươi sống
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định mức hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01 01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

75. MÔ HÌNH NUÔI CUA BIỂN 02 GIAI ĐOẠN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi cua biển 02 giai đoạn.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-75.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện: 01ha

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cua biển 02 giai đoạn	10	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/tháng x 10 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ	-	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x 10 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Bộ			
4	Hệ thống quạt nước	Bộ			
5	Máy phát điện	Mô hình			
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống				
	Giống giai đoạn 1	con/m^2	30		- Kích cỡ giống ≥ 0,5 cm/con, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
	Giống giai đoạn 2	con/m^2	1		- Kích cỡ giống ≥ 1,2 cm/con, khỏe mạnh. - Có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn				
	Thức ăn tươi sống giai đoạn 1	FCR	≤ 5,0		Cá tạp tươi sống
	Thức ăn giai đoạn 1 (Thức ăn công nghiệp)	FCR	≤ 1,7		Hàm lượng protein >32%
	Thức ăn giai đoạn 2 (Thức ăn công nghiệp)	FCR	≤ 1,7		Hàm lượng protein >32%
	Thức ăn tươi sống giai đoạn 2	FCR	≤ 4,0		Cá tạp tươi sống
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01 01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

76. MÔ HÌNH GHÉP TÔM – CUA BIỂN

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi ghép tôm – cua biển.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-76.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện: 01ha

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi ghép tôm – cua biển.	10	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/tháng x 10 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	-	

1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x 10 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án	
2	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
3	Máy phát điện	Bộ			
4	Hệ thống quạt nước	Bộ			
5	Máy phát điện	Mô hình			
6	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới...	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu tôm, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao...				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống				
	Giống tôm sú	Con/m^2	6-8		- Kích cỡ tối thiểu Postlarvae 15 (PL15) tương ứng với chiều dài 12mm
	Giống cua	Con/m^2	0,5		Kích cỡ giống 1,2 cm/con
2	Thức ăn				
	Thức ăn tôm sú	FCR	0,5		Hàm lượng protein > 30%
	Thức ăn cua	FCR	5,0		Cá tạp/ tươi sống
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01 01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

77. MÔ HÌNH GHÉP TÔM – CUA BIỂN – CÁ ĐỐI MỤC

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi ghép tôm – cua biển – cá đối mục.**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-77.**
3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện: 01ha

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi ghép tôm – cua biển– cá đối mục	10	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/tháng x 10 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Khảo sát, thẩm định vùng, cơ sở vật chất kỹ	-	

	thuật theo tiêu chuẩn GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.10	Phối hợp/Hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý chất lượng, đánh giá nội bộ, đánh giá chứng nhận GAP, hữu cơ - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	-	
1.11	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x 10 tháng thực hiện MH
1.12	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.13	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.14	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.15	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.16	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Thiết bị, dụng cụ: Thuyền, chài, xô, chậu, giỏ lưới, lồng bẫy cua …	Bộ			
4	Sử dụng dịch vụ khác: thuê máy nạo vét, cải tạo, gia cố ao.				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống				
	Giống tôm sú	Con/m^2	6-8		Tối thiểu Postlarvae 15 (PL15) tương ứng với chiều dài 12mm
	Giống cua	Con/m^2	0,5		Kích cỡ giống 1,2 cm/con
	Giống cá	Con/m^2	3		Kích cỡ giống 3-5cm/con
2	Thức ăn				
	Thức ăn tôm sú	FCR	0,5		Hàm lượng protein > 30%
	Thức ăn cua	FCR	5		Cá tạp/ tươi sống
	Thức ăn cá Đối	FCR	2,5-3		Hàm lượng protein > 30%
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01 01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

78. MÔ HÌNH NUÔI CÁ CHIM VÂY VÀNG/CÁ MĂNG TRONG AO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi cá Chim vây vàng/cá Măng trong ao.**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-78.**

3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện: 01ha

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá Chim vây vàng/cá Măng trong ao	10	01

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/tháng x 10 tháng thực hiện MH
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham	2	

	gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x 10 tháng thực hiện MH
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp (HCTH), kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	03-04		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu…,	Bộ	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	Con/m^2	3		- Kích cỡ giống ≥ 8cm/con, cá khỏe mạnh. - Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤1,5		- Hàm lượng protein ≥ 35%. - Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học.				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

79. MÔ HÌNH NUÔI CÁ ĐỐI MỤC

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi cá đối mục**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-79.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	**Nuôi cá đối mục**	10	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	03-04		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới,	Bộ	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	chài, xô, chậu…,				
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	Con/m^2	3		Kích cỡ giống 3-5 cm/con
2	Thức ăn	FCR	2,5-3		- Hàm lượng protein ≥ 25% - Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hỗ trợ
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

80. MÔ HÌNH NUÔI CÁ ĐỐI MỤC – TÔM SÚ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi cá đối mục – tôm sú**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-80.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Nuôi cá đối mục – tôm sú	10	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**30**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	03-04		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu…,	Bộ	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống				
	Cá Đối mục	Con/m^2	3	Con/m^2	Kích cỡ giống 3-5cm/con
	Tôm sú	Con/m^2	6-8	Con/m^2	Tối thiểu Postlarvae 15 (PL15) tương ứng với chiều dài 12mm.
2	Thức ăn				
	Cá đối mục	FCR	2,5-3	FCR	- Hàm lượng protein ≥25% - Thức ăn nằm trong danh mục đượcphép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT.
	Tôm sú	FCR	0,5	FCR	- Hàm lượng protein > 30%. - Thức ăn nằm trong danh mục đượcphép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hỗ trợ
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

81. MÔ HÌNH NUÔI CÁ NÂU TRONG AO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi cá nâu trong ao**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-81.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	**Nuôi cá nâu trong ao**	8	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**32**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**83**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	28	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/mô hình	01-02		Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	03-04		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới,	Bộ	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	chài, xô, chậu…,				
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	221	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	221	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	Con/m^2	5-10		Kích cỡ giống 5-7 cm/con
2	Thức ăn	FCR	2,5-3,0		Hàm lượng protein ≥ 25%
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học				
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

82. MÔ HÌNH NUÔI CÁ CHẼM/CÁ HỒNG MỸ/CÁ HỒNG ĐỎ/CÁ TRÁP VÀNG TRONG AO

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nuôi cá Chẽm/cá Hồng Mỹ/cá Hồng đỏ/cá Tráp vàng trong ao**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-82.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Mô hình nuôi cá Chẽm/cá Hồng Mỹ/cá Hồng đỏ/cá Tráp vàng trong ao	10	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**40**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật	3	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.		
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	30	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	03-04		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu…,	Bộ	01-02		

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	Con/ m^2	1,5		- Kích cỡ Cá giống ≥ 8 cm/con; cá khỏe mạnh. - Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định.
2	Thức ăn	FCR	≤ 1,5		- Hàm lượng protein ≥ 35%. - Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng .
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

83. MÔ HÌNH NUÔI CÁ BỐNG BỚP THƯƠNG PHẨM BẰNG THỨC ĂN CÔNG NGHIỆP

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Mô hình nuôi cá bống bớp thương phẩm bằng thức ăn công nghiệp**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-83.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (ha)
1	Mô hình nuôi cá bống bớp thương phẩm bằng thức ăn công nghiệp	10	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**36**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	36	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**121**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**91**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình.	2	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	40	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	30	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	12	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bơm nước	Bộ/Mô hình	01-02		Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống quạt nước	Bộ	02-04		
3	Hệ thống sục khí	Bộ	02-04		
4	Máy phát điện	Mô hình	01-02		
5	Máy cho ăn tự động	Chiếc	03-04		
6	Dụng cụ: Thuyền, lưới, chài, xô, chậu…	Bộ	01-02		
7	Sử dụng dịch vụ khác: Thuê lưới thu cá, thuê máy nạo vét, gia cố bờ ao…				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	243	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	243	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Giống	Con/m^2	10		- Cá giống cỡ≥ 4g/con; cá khỏe mạnh - Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có giấy chứng nhận chất lượng theo quy định
2	Thức ăn	FCR	≤ 2.0		- Hàm lượng protein ≥ 38 %. - Thức ăn nằm trong danh mục được phép sản xuất kinh doanh của Bộ NN&PTNT. - Thời hạn sử dụng dưới 3 tháng.
3	Thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học				Đảm bảo yêu cầu, chất lượng theo quy định hiện hành.
4	Vật tư thiết yếu khác (testkit bệnh, môi trường…)				Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

84. MÔ HÌNH KHAI THÁC GHẸ BẰNG LỒNG BẪY

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Khai thác ghẹ bằng lồng bẫy**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-84.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (tàu)
1	Khai thác ghẹ bằng lồng bẫy	8	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**32**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**83**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)

1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	28	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bộ thiết bị lắp đặt mô hình (máy hàn, ghim đan, dao, kéo…)	Bộ	01		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Sử dụng dịch vụ (vận chuyển vật tư, mặt bằng				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	lắp ráp mô hình…)				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	221	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	221	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Thép làm khung lồng	Kg	8m (2,5-3kg)		Thép hoặc Inox ϕ 6-8mm PE: 380D/12; 2a = 30-35mm hoặc bằng sợi Inox
2	Lưới bao	Kg	0,3 – 0,4		
3	Khóa móc mồi	Chiếc	02		
4	Dây lắp ráp lồng	Kg	0,5		Nilon d=0,4mm
5	Hộp đựng mồi	Chiếc	01		Hộp nhựa
6	Khóa xoay	Chiếc	01		M10
7	Dây chủ	M	20-25		PP ϕ 12mm-16mm
8	Dây phao ganh	M	50		PP ϕ 8mm
9	Máy thu dây chính	Chiếc	01		Sức kéo >1.000kgf
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

85. MÔ HÌNH LƯỚI RÊ 3 LỚP CẢI TIẾN KHAI THÁC XA BỜ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Lưới rê 3 lớp cải tiến khai thác xa bờ**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-85.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (tàu)
1	Lưới rê 3 lớp cải tiến khai thác xa bờ	6-8	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24-32**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24 -32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100 - 111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75 - 83**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	25 - 28	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,00 – 5,53	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00-11,07	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00-11,07	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bộ thiết bị lắp đặt mô hình (máy hàn, ghim đan, dao, kéo…)	Bộ	01		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Sử dụng dịch vụ (vận chuyển vật tư, mặt bằng lắp ráp mô hình…)				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	221	Loại thông dụng trên thị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
2	Máy in	Chiếc	01	221	trường
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Áo lưới (tấm trong)	Kg	8m (2,5-3kg)		PA: mono 0,35-0,5mm 2a=100-150mm PA: mono 0,55-0,8mm 2a=350-600mm
2	Áo lưới (tấm ngoài)	Kg	1		
3	Giềng phao	Kg	02 - 04		PP: ϕ 6-8mm hoặc sợi PA số 180 - 300
4	Giềng chì	Kg	0,5		PE: ϕ 4mm
5	Phao	Cái	01		PVC: 80 x 20mm
6	Chì	Kg	3-3,5		Chì kẹp mỗi miếng 8-15g
7	Máy thu lưới bằng thủy lực	Máy	01		Sức kéo >1.500kgf
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

. . .

86. MÔ HÌNH ỨNG DỤNG CÁC TRANG THIẾT BỊ HÀNG HẢI TRÊN TÀU KHAI THÁC HẢI SẢN XA BỜ VÀ TÀU DỊCH VỤ HẬU CẦN NGHỀ CÁ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Ứng dụng các trang thiết bị hàng hải trên tàu khai thác hải sản xa bờ và tàu dịch vụ hậu cần nghề cá

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-86.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnhĐồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (tàu)
1	Ứng dụng các trang thiết bị hàng hải trên tàu khai thác hải sản xa bờ và tàu dịch vụ hậu cần nghề cá	6-8	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24-32**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24 - 32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100 - 111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75 - 83**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật	3	

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.		
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	25 - 28	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,00 – 5,53	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00-11,07	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00-11,07	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bộ thiết bị lắp đặt mô hình (máy hàn, ghim đan, dao, kéo…)	Bộ	01		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Sử dụng dịch vụ (vận chuyển vật tư, mặt bằng lắp ráp mô hình…)				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	221	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	221	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Máy thông tin tầm xa	Bộ	01		- Công suất phát sóng: ≥ 100w - Tầm hoạt động: >200 hải lý - Dải tần thu: 0,3 – 30 MHz - Dải tần phát: 1,6 – 30 MHz - Bộ nhớ: 200 kênh - Có chức năng điện đàm qua vệ tinh.
2	Máy định vị vệ tinh	Bộ	01		Hệ thống định vị GPS, tích hợp chức năng nhận dạng (AIS)
3	Radar hàng hải	Bộ	Bộ		- Tầm xa: 48 – 72 hải lý - Màn hình: LCD màu: 10,4 inch - Ngôn ngữ: Tiếng việt - Búp phát ngang: 1,2-1,80 - Búp phát đứng: 220 - Công suất phát: 4-12kW - Chức năng tự động theo dõi tránh va ATA. - Chức năng hiển thị mục tiêu AIS - Chức năng chia đôi màn hình cho quan sát thang xa và quan sát thang gần cùng lúc - Chức năng kết nối hiển thị hình ảnh CCD camera; Cảm biến la bàn
4	Máy dò ngang (sonar) góc phát 450	Bộ			-Màn hình tinh thể lỏng hoặc CRT -15 inch -Thang đo: 8 nấc từ 20m-2000m - Tần số phát: 160kHz - Độ mở chùm tia: 450 -Công suất phát: 0,8 – 1,5 KW - Góc mở ở các chức năng quét ngang 60 – 120 – 180 hoặc 450 . - Góc nghiêng: +50 - 900 - Thiết bị đi kèm: Màn hình màu, bộ điều khiển, bộ thu phát, bộ nâng hạ đầu giò, bộ ổn định đầu dò, cảm biến đầu dò, cảm biến la bàn, cáp và đầu nối, loa ngoài, Ống chứa đầu dò, nguồn cấp điện.
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

87. MÔ HÌNH SỬ DỤNG ĐÈN LED CHUYÊN DỤNG CHO TÀU LƯỚI VÂY KẾT HỢP ÁNH SÁNG ĐÁNH BẮT Ở VÙNG BIỂN KHƠI

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Sử dụng đèn led chuyên dụng cho tàu lưới vây kết hợp ánh sáng đánh bắt ở vùng biển khơi**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-87.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (tàu)
1	Sử dụng đèn led chuyên dụng cho tàu lưới vây kết hợp ánh sáng đánh bắt ở vùng biển khơi	6-8	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24-32**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24 - 32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100 - 111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75 - 83**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)

1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	25 - 28	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,00 – 5,53	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00-11,07	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00-11,07	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bộ thiết bị lắp đặt mô hình (máy hàn, ghim đan, dao, kéo…)	Bộ	01		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Sử dụng dịch vụ (vận chuyển vật tư, mặt bằng lắp ráp mô hình…)				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	221	Loại thông dụng trên thị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
2	Máy in	Chiếc	01	221	trường
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Hệ thống đèn LED	Cái	25-30		Thông số kỹ thuật đèn LED: Điện áp: AC 100- 277 V Công suất: 200- 300W Quang thông: (26000-39000) lm Hiệu suất: 130 lm/W Nhiệt độ màu: 4.000K/5.000K Ánh sáng: Vàng/trắng Cấp bảo vệ (IP): 66 Tuổi thọ: 20.000 h Trọng lượng: (4,0 - 5,2) kg
2	Khung lắp đèn	Bộ	01		Vật liệu gỗ: kích thước 8x12cm Vật liệu thép: Ống thép ø 42mm
3	Cần thu/đẩy	Bộ	01		Vật liệu: Ống thép ø 60mm
4	Con lăn	Cái	06		Vật liệu Inox
5	Bu lông	Cái/ Đèn	02		Vật liệu Inox Đường kính ø 6mm
6	Cầu dao tổng	Cái	02		Quy cách: 3 pha Dòng điện định mức: 200A Điện áp định mức: 200/400VAC Tự động bảo vệ quá tải, ngắt mạch Dòng cắt ngắn mạch 50kA/25kA
7	Cầu dao tự động	Cái/đèn	01		Quy cách: 2 cực Dòng điện định mức: 10A Điện áp định mức: 200/400VAC
8	Dây dẫn điện	Mét/đèn	15		Lõi đồng: 2 x 2.5 mm Vỏ bọc bằng nhựa PVC

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
9	Đồng hồ đo điện từng pha	Cái	03		Công suất (max 22,000 W) Cường độdòng điện (max 100A) - Hiệu điện thế (110-250V) Hệ số công suất; Tần số Độ chính xác điện áp: ±1% - Độ chính xác công suất : ±2%
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

88. MÔ HÌNH ỨNG DỤNG ĐÈN LED CHO NGHỀ LƯỚI CHỤP KHAI THÁC VÙNG KHƠI

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Ứng dụng đèn led cho nghề lưới chụp khai thác vùng khơi**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-88.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (tàu)
1	Ứng dụng đèn led cho nghề lưới chụp khai thác vùng khơi	6-8	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24-28**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24 - 28	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100 - 111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75 - 83**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham	2	

	gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên		
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	25 - 28	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,00 – 5,53	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00-11,07	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00-11,07	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bộ thiết bị lắp đặt mô hình (máy hàn, ghim đan, dao, kéo…)	Bộ	01		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Sử dụng dịch vụ (vận chuyển vật tư, mặt bằng lắp ráp mô hình…)				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	200	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	200	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Hệ thống đèn LED	Cái	150-250		Thông số kỹ thuật đèn LED: Điện áp: AC 100- 277 V Công suất: 200- 300W Quang thông: (26000-39000) lm Hiệu suất: 130 lm/W Nhiệt độ màu: 4.000K/5.000K Ánh sáng: Vàng/trắng Cấp bảo vệ (IP): 66 Tuổi thọ: 20.000 h Trọng lượng: (4,0 - 5,2) kg
2	Khung lắp đèn	Bộ	01		Khoảng cách 0,38 m – 0,45m/đèn Vật liệu Inox hộp 3 x 6
3	Bu lông	Cái/ Đèn	02		Vật liệu: Inox Đường kính Φ6mm
4	Cầu dao tự động	Đèn/ Cái	03		Quy cách: 2 cực Dòng điện định mức: 10 A Điện áp định mức: 200/400 VAC
5	Bu lông	Cái/ Đèn	02		Vật liệu Inox Đường kính ø 6mm
6	Cầu dao tổng	Cái	02		Quy cách: 3 pha Dòng điện định mức: 200A Điện áp định mức: 200/400VAC Tự động bảo vệ quá tải, ngắt mạch Dòng cắt ngắn mạch 50kA
7	Cầu dao tự động	Cái/đèn	01		Quy cách: 2 cực Dòng điện định mức: 10A Điện áp định mức:200/400VAC
8	Dây dẫn điện	Mét/ đèn	15		Lõi đồng: 2 x 2.5 mm Vỏ bọc bằng nhựa PVC

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

89. MÔ HÌNH NHẬT KÝ ĐIỆN TỬ TRÊN TÀU CÁ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Nhật ký điện tử trên tàu cá**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-89.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (tàu)
1	Nhật ký điện tử trên tàu cá	6-8	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24-32**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24 - 32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100 - 111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75 - 83**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	

1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	25 - 28	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,00 – 5,53	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00-11,07	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00-11,07	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bộ thiết bị lắp đặt mô hình (kìm điện,cầu chì, dây dẫn điện, đồng hồ đa năng, rắc cắm…)	Bộ	01		Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô dự án
2	Bộ nguồn Mecom: PS-40A-II	Bộ	01		
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	200	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	200	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	Hệ thống thiết bị nhật ký điện tử	Cái			
1	Máy chính	Cái	01		Điện áp sử dụng 8 - 16VDC; dòng tiêu thụ 1A; nhiệt độ làm việc 0-55°C; Màn hình: Graphic LCD 6.2", độ phân giải 240x128. Dữ liệu có thể lưu trên thẻ nhớ, truyền về máy tính qua kết nối trực tiếp hoặc sóng điện thoại 3G.
2	Định vị GPS	Cái	01		Tần số: 1575.42MHz; số kênh max 56; độ chính xác 5m; Data RS-232C @9600bps Hoạt động độc lập, không phụ thuộc vào mạng GSM
3	Bu lông	Cái/ Đèn	02		Vật liệu: Inox, Đường kính Φ6mm
4	Dữ liệu di động GPRS/3G				Băng tần: 850/900/1800/ 1900MHz; chế độ: DATA
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

90. MÔ HÌNH BẢO QUẢN SẢN PHẨM TRÊN TÀU KHAI THÁC HẢI SẢN XA BỜ

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: **Bảo quản sản phẩm trên tàu khai thác hải sản xa bờ**
2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-90.**
3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (tàu)
1	Bảo quản sản phẩm trên tàu khai thác hải sản xa bờ	6-8	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	**24-32**	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	24 -32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**100 - 111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**75 - 83**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)

1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	24	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	25 - 28	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,00 – 5,53	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00-11,07	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	10,00-11,07	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bộ thiết bị lắp đặt mô hình	Bộ	01		Theo thông số công bố của nhà sản xuất
2	Sử dụng dịch vụ (vận chuyển, nâng hạ vật tư, thiết bị lắp đặt mô hình…)				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	221	Loại thông dụng trên thị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
2	Máy in	Chiếc	01	221	trường
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	Hệ thống thiết bị nhật ký điện tử				
1	Máy chính	Cái	01		Điện áp sử dụng 8 - 16VDC; dòng tiêu thụ 1A; nhiệt độ làm việc 0-55°C; Màn hình: Graphic LCD 6.2", độ phân giải 240x128. Dữ liệu có thể lưu trên thẻ nhớ, truyền về máy tính qua kết nối trực tiếp hoặc sóng điện thoại 3G.
2	Định vị GPS	Cái	01		Tần số: 1575.42MHz; số kênh max 56; độ chính xác 5m; Data RS-232C @9600bps Hoạt động độc lập, không phụ thuộc vào mạng GSM
3	Bu lông	Cái/ Đèn	02		Vật liệu: Inox, Đường kính Φ6mm
4	Dữ liệu di động GPRS/3G				Băng tần: 850/900/1800/ 1900MHz; chế độ: DATA
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

91. MÔ HÌNH HẦM BẢO QUẢN TRÊN TÀU KHAI THÁC HẢI SẢN XA BỜ VÀ TÀU DỊCH VỤ HẬU CẦN NGHỀ CÁ BẰNG CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG VẬT LIỆU CPF

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ: Hầm bảo quản trên tàu khai thác hải sản xa bờ và tàu dịch vụ hậu cần nghề cá bằng công nghệ sử dụng vật liệu CPF

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-91.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (tàu)
1	Hầm bảo quản trên tàu khai thác hải sản xa bờ và tàu dịch vụ hậu cần nghề cá bằng công nghệ sử dụng vật liệu CPF	4-8	1

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	16-32	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	16-32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**89-111**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**67-83**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người

	- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.		((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	
1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	16-32	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**22-28**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	5,53	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,07	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11,07	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Bộ thiết bị chế tạo, lắp đặt mô hình (máy nén khí,	Bộ	01		Theo thông số công bố của nhà sản xuất

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
	bơm PU, bộ thiết bị cơ khí…)				
2	Sử dụng dịch vụ (vận chuyển, nâng hạ vật tư, thiết bị lắp đặt mô hình…)				
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	221	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	221	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Vật liệu Polyurethane foam	Chiếc	1.200 - 1.500		Chiều dày polyurethane 15cm, tỷ trọng Polyurethane từ 65 kg/m3
2	Xương khung composite	M	≤ 400		Xương composite hình hộp chữ nhật kích thước 50x50 dày 5mm.
3	Tấm composite	M^2	150-160		Tấm composite có chiều dày ≥ 5mm bề mặt phủ Gelcoat dày 1mm.
4	Đinh vít, chấu thép liên kết	Kg	20		Đinh vít Inox 304 Inox 304, dài 4cm; Chấu thép 150x50x5 (mm).
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường

92. MÔ HÌNH ỨNG DỤNG CHẾ PHẨM SINH HỌC TRONG CHẾ BIẾN NƯỚC MẮM

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dịch vụ:**Ứng dụng chế phẩm sinh học trong chế biến nước mắm**

2. Mã sản phẩm, dịch vụ: **MHTS-92.**

3. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Thời gian, Quy mô thực hiện:

STT	Tên mô hình	Thời gian thực hiện (tháng)	Quy mô (cơ sở)
1	Ứng dụng chế phẩm sinh học trong chế biến nước mắm	8-12	6000 lít/năm

B. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

1. Định mức lao động:

STT	Định mức lao động	Định mức (công)	Ghi chú
I	**Định mức lao động thực hiện mô hình, dự án khuyến nông**	32-48	
1	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Trung cấp chuyên ngành trở lên.	32-48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
II	**Định mức lao động thực hiện giá dịch vụ công**	**111-132**	
1	**Định mức lao động trực tiếp (LĐTT)**	**83-99**	
1.1	Khảo sát; thu thập thông tin chung (nhu cầu địa phương, thực trạng sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến thực hiện mô hình) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.2	Dự thảo, kiểm tra phát hành Kế hoạch thực hiện. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.3	Triển khai thực hiện mô hình xuống địa phương - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
1.4	Lựa chọn và hướng dẫn hộ đủ điều kiện tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.5	Tập huấn kỹ thuật cho hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.6	Thực hiện đấu thầu mua giống, vật tư, thiết bị,… thực hiện mô hình theo quy định hiện hành. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên, có chứng chỉ đấu thầu.	24	03 người x 2 tổ x 4 công/người ((1) Tổ chuyên gia tư vấn: 12 công; (2) Tổ chuyên gia thẩm định: 12 công)
1.7	Thực hiện hồ sơ trình diễn kỹ thuật - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	3	

1.8	Giao nhận giống, vật tư, thiết bị cho các hộ tham gia mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên	2	
1.9	Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	32-48	4 công/ tháng x số tháng thực hiện MH)
1.10	Hội thảo nhân rộng mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.11	Sơ kết/Tổng kết mô hình khuyến nông. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	4	
1.12	Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.13	Báo cáo kết quả mô hình, thanh quyết toán kết thúc mô hình. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	2	
1.14	Kiểm tra hồ sơ, lưu chứng từ. - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	1	
2	**Định mức lao động gián tiếp (LĐGT) (quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ)**	**28-33**	**= 1/3 x LĐTT**
2.1	Bộ phận quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	6-7	= 20% định mức LĐGT.
2.2	Bộ phận chuyên môn, thừa hành (lãnh đạo phòng, trại) - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11-13	= 40% định mức LĐGT.
2.3	Bộ phận nghiệp vụ, phục vụ (lãnh đạo phòng Hành chính Tổng hợp, kế toán trưởng, kế toán viên, thủ quỹ, văn thư). - Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên.	11-13	= 40% định mức LĐGT

2. Định mức máy móc thiết bị

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Hệ thống thiết bị thủy phân, tăng đạm, giảm mặn.	Bộ	01		Theo thông số công bố của nhà sản xuất
2	Hệ thống chiết rót tự động	Bộ	01		
3	Thiết bị xé nguyên liệu	Bộ	01		
4	Thiết bị lọc trong mắm	Bộ	01		
5	Vật tư, thiết bị khác……				

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Bộ máy vi tính	Chiếc	01	264	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máy in	Chiếc	01	264	
3	Máy Laptop	Chiếc	01	32	
4	Máy chiếu	Chiếc	01	32	

3. Định mức vật tư

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Định mức máy móc, thiết bị (giờ)	Tiêu chuẩn, chất lượng
I. Định mức vật tư thực hiện mô hình, dự án khuyến nông					
1	Đo độ mặn cầm tay	Cái	02		Theo công bố của nhà sản xuất
2	Chế phẩm vi sinh vật sinh hương (0.015%)	Kg	225		Theo tiêu chuẩn công bố
3	Nguyên liệu cá cơm, cá nục, cá nhâm,…	Tấn	15		(03 bể x 5 tấn)
4	Muối	Tấn	5		27-30% so với nguyên liệu
5	Enzyme protease	Kg	150		(0,01% so với nguyên liệu)
6	Bao bì, tem nhãn	Bộ	20.000		
II. Định mức máy móc, thiết bị thực hiện giá dịch vụ công					
1	Văn phòng phẩm (Giấy, bút, bìa sơ mi,..)	Bộ/MH	01	Loại thông dụng trên thị trường	Tính trên 1 mô hình

4. Định mức khác:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/ định mức	Tiêu chuẩn, chất lượng
1	Tập huấn kỹ thuật	cuộc/MH	01	Áp dụng Theo Phụ lục II , Mã số: **THKN-01**
2	Sơ kết, tổng kết	cuộc/MH	02	Áp dụng Theo Phụ lục I, Mã số: **TTTT-08**
3	Pho to tài liệu	Tờ/MH	300	Loại thông dụng trên thị trường